

Treasures of the SNOW

A story of friendship and forgiveness.



PATRICIA M. ST. JOHN



Treasures of the SNOW

A story of friendship and forgiveness.



PATRICIA M. ST. JOHN



Mục Lục

[Lời giới thiệu](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời giới thiệu

Một câu chuyện rất cảm động được diễn ra trong khung cảnh đồi núi tuyết phủ quanh năm của xứ Thụy Sĩ. Nhân vật chính là hai đứa trẻ, Duyên và con An. Duyên vô ý làm bé Danh, em của

con An rơi xuống triền núi và bị gãy chân. Con An oán ghét Duyên và không bỏ lỡ một cơ hội nào để trả thù, mặc dù Duyên luôn luôn tìm hết cách để đền bù tội lỗi của nó. May mắn được học biết về tình thương ở trong Thánh Kinh, Duyên đã thắng hơn sự sợ hãi, mệt nhọc. Nó phấn đấu vất vả với bão tuyết, một mình vượt một khoảng đường xa bằng giày trượt tuyết, giữa đêm khuya, để tìm một vị danh y chữa tật què chân cho bé Danh. Duyên suýt chết trong đêm đó, nhưng cuộc mạo hiểm của nó có kết quả. Chân bé Danh được chữa lành, nó đi lại được như thường. Con An tha thứ và thương mến Duyên. Mọi người đều vui vẻ đón mừng một mùa Xuân mới. Câu chuyện trên đây được tả vẽ cách rất linh động và ý nhị. Lời văn vừa dí dỏm vừa cảm động. Người lớn cũng như các em trẻ, mọi người đều thích thú khi đọc quyển sách này.

Truyện được tác giả P. St. John viết năm 1952, do Phòng Sách Tin Lành - 14, Hồng Bàng, Saigon 5 - ấn hành năm 1973

Chương 1

Bé Danh nằm ngửa trên giường, giữa hai lần chăn êm nệm ấm. Tuy còn nhỏ, nhưng nó vẫn ý thức được cái con người quan trọng của nó lúc này. Nó muốn đòi hỏi gì là lập tức mọi người sẽ chiều ý nó ngay. Vì chưa bao giờ được sống như vậy trước kia nên bữa nay nó muốn tận hưởng những giờ phút sung sướng này.

Mọi người trong gia đình xúm xít chung quanh nó. Ba nó đứng ở chân giường, mắt nhìn nó, còn miệng thì kể cho nó nghe những chuyện vui mà nó ưa thích nhất; chị An ngồi một bên cạnh nó, tay cầm một thẻ kẹo chô-cô-la; con mèo Mướp nằm cuộn tròn trên ngực nó ngáy khò khò; còn bà nội nó ngồi ở phía bên kia, một tay cầm lọ mứt anh đào, tay kia cầm cái muỗng, mỗi lần nó đòi là bà nội lại đút cho nó một muỗng mứt đầy. Nếu chân nó không bị đau, nó đã nghĩ nó đang ở thiên đàng. Nhưng đàng này chân nó đau quá, đau ôi là đau!

"Ba à", bé Danh kêu ba nó không biết lần này là lần thứ mười mấy, "ba có chắc, có thật chắc là con Mướp không bị thương không?"

"Chắc lắm mà", ba bé Danh đáp. "Nó uống một lèo hết cả một đĩa sữa, rồi vênh đuôi chạy vụt

lên lầu. Chỉ có những con mèo mạnh khoẻ mới có thể ăn uống chạy nhảy như vậy!"

"Ba à", bé Danh lại hỏi nữa; miệng há lớn như con chim con để đón nhận thêm một muổng mút anh đào, "chính Duyên đã ném con mèo mướp qua vách đá đấy. Như vậy có phải là Duyên độc ác lắm không ba?"

"Phải, phải," ba bé Danh đáp, "mà nhất định nó sẽ bị trừng phạt." Tuy nói vậy, nhưng thật tình ông Bình không nghĩ tới Duyên mấy; lúc ấy lòng ông đang vui sướng vì thấy bé Danh còn sống sót. Chỉ có An là nghĩ nhiều nhất tới Duyên thôi.

An ngồi lẳng lẳng bên cạnh em, tay cầm thẻ kẹo chô-cô-la. Nó nhủ thầm trong lòng, "mình chẳng cần phải vội vàng, nhưng nhất định mình sẽ không bao giờ tha thứ cho nó. Một ngày kia, mình sẽ cho nó một mẻ, sẽ làm cho nó một cái gì cho thật ghê gớm. Nhất định mình không bao giờ tha thứ cho nó, nhất định vậy."

"Chị An nè," bé Danh gọi, "chị đưa em thẻ kẹo chô-cô-la đây, em ăn rồi em sẽ đi ngủ. Nhưng chị phải ở đây với em kia, chị nhé, vì chân em đau quá mà."

"Được, được, chị sẽ ở lại đây với cưng cho tới lúc nào cưng ngủ say." An vừa nói vừa đưa em thẻ kẹo chô-cô-la.

Ba và bà nội hôn bé Danh rồi kéo ra khỏi phòng. An vòng tay ôm lấy cổ em.

Bé Danh bảo chị, "chị hát cho em nghe đi". Hát cái bài "Bàn tay Cha hãy ban phước cho con trong giấc ngủ ấy." Đây là lời cầu nguyện buổi tối của Danh mà bà nội đã dạy cho nó lời cầu nguyện xin Đức Chúa Cha trên trời hãy tha thứ mọi tội lỗi, và hãy giang cánh Ngài che chở con nít trong đêm tối. An vẫn thường hát bài này, nhưng tối nay nó lại không muốn hát. Nó biết nó không thể hát được cái bài nói về tha thứ tội lỗi này trong lúc lòng nó chứa đầy căm thù với Duyên. Trong óc nó, chỉ có một ý nghĩa là: phải trả thù.

Nó bảo bé Danh, thôi, đừng hát bài ấy cưng ạ! Để chị hát cho cưng nghe bài về cây cầu Avignon. Còn nếu cưng muốn thì cưng hát lấy một mình bài kia đi."

Danh phụng phịu không bằng lòng. Nó muốn đặc biệt đêm nay chị An phải chịu theo ý muốn nó.

"Em không thích bài hát về cây cầu Avignon đâu", Danh nhỏng nhẽo. "Em thích bài "Bàn Tay Cha" cơ."

"Thôi được, " An khẽ thở dài. "Nếu em muốn thì chị hát cho em nghe vậy." An bắt đầu hát, giọng hơi buồn. Những câu đầu của bài hát đại ý như sau:

Xin bàn tay Cha

Hãy ban phước cho con trong giấc ngủ

Xin cho con được ngủ dưới cánh tay che chở của Cha.

*Xin Cha hãy dùng ân điển
Xóa bỏ mọi tội lỗi cho con
Và xin nhờ Thánh Linh Cha
Cho con thành ngoan ngoãn, vâng lời.*

Điệu hát trầm trầm êm dịu nên. An chưa hát hết bài, Danh đã ngủ thiếp, que kẹo chô-cô-la buông rơi trên gối. An nhẹ nhẹ rút tay ra rồi lại khóc nữa, vì nó đã mệt quá rồi, và thật là đỡ khổ biết bao. Tuy nhiên, đấy không phải chỉ là những giọt nước mắt sung sướng, vì chúng ta không thể nào thực sự vui sướng khi chúng ta còn mang nặng trong lòng căm thù người khác. An thở nhẹ rồi đứng dậy đi xuống dưới nhà. Ba nó đã đi ra ngoài để vắt sữa bò; đây là lần đầu tiên ba nó vắt sữa bò trễ như vậy, nên các chị bò tức giận giậm chơn và rống lên ầm ầm. Nội nó thì đang soạn bữa ăn, vì nội nó và ba nó chả có miếng gì vào bụng từ sáng tới giờ. Tất cả tim óc mọi người đều hướng về Danh, nên chẳng còn nghĩ tới chuyện gì khác.

An nói, "nó ngủ rồi," rồi ngồi xuống thần thờ nhìn vào bếp lò.

Nội nó cất lời, "Ông Bác sĩ chắc sắp tới rồi đấy. Chúng ta lại phải đánh thức nó dậy. Nghĩ thật tội nghiệp! Nhưng thôi, cứ để nó ngủ tí nào hay tí nấy."

Sau giây phút im lặng, An đột nhiên ngẩng đầu lên nói, "Nội à, phải trừng phạt Duyên mới được! Phải làm gì cho nó bây giờ? Con nghĩ chưa ra cách nào làm cho nó thật điếu đứng để xứng đáng với việc làm độc ác của nó."

Nội nín thinh không trả lời. Một lát sau, nội mới nói: "An à, có khi nào cháu nghĩ tới điều này không: khi chúng ta làm điều gì sai quấy, thì tự nhiên hình phạt sẽ tới, khỏi cần ai xen vào?"

Quả tình An chưa bao giờ nghĩ tới điều đó cả.

Nội nói tiếp: "Cháu hãy nghĩ tới nỗi hãi hùng của Duyên khi nó nom thấy bé Danh té xuống dưới khe. Cháu cũng hãy nghĩ tới lòng hối hận của và đau khổ dầy vò nó đêm nay, nỗi tủi nhục và sợ người khác biết chuyện nó làm... Khi thấy cháu sẽ nghĩ rằng có lẽ nó đã bị trừng phạt đủ điều rồi, và chúng ta nên tha thứ và giúp đỡ cho nó sửa chữa lại."

Những lời của nội nó như gió thoảng qua tai nó. Nó chỉ để ý có mỗi một câu mà thôi. "Cháu hãy nghĩ tới nỗi sợ hãi của nó khi nó nghĩ rằng người khác rồi đây sẽ biết hết chuyện nó làm..." Chà hay quá! Nội nó đã giúp cho nó một ý kiến hay quá. Rồi đây nó sẽ đi nói tung cho tất cả mọi người biết. Đi tới đâu nó cũng sẽ kể lại chuyện Duyên độc ác như thế nào. An sẽ kể chuyện ấy ở trong làng và ở nhà trường, cho tới khi tất cả mọi người đều ghét bỏ Duyên về tánh độc ác của nó.

Có tiếng người hấp tấp gõ cửa. An giật mình ngẩng nhìn ra ngoài. Chị lớn của Duyên, tên chị Mai, xô cửa bước vào. Chị ta vừa ở thị trấn bên kia núi là nơi chị làm việc về nhà. Dọc đường chị

gặp đoàn người đang cáng bé Danh từ ngoài đồng về nên chị chạy vội xuống Bưu điện trong làng để kêu điện thoại cho vị bác sĩ ở cách đây những tám ki-lô-mét.

"Bác sĩ Ban không đến được đâu," chị Mai hỗn hển báo tin. "Ông ta đã đi thăm một bệnh nhân ở làng khác và không chắc về kịp nhà đêm nay đâu. Chuyển xe lửa chót đã chạy mất rồi. Họ bảo phải dùng xe ngựa chở bé Danh tới bệnh viện sáng sớm mai để cho ông ta khám bệnh cho nó ở đây."

Nội tỏ lời cảm ơn chị Mai rồi tiếp, "Chị chịu khó đi hộ chúng tôi việc ấy, thật tử tế quá." Nói xong, nội quay xuống bếp, còn chị Mai vẫn nấn ná ở lại, mặt lộ vẻ tò mò.

Chị hạ thấp giọng hỏi An, "Tai nạn xảy ra làm sao vậy em ? Sao mà má chị cứ nín lặng và có vẻ bối rối vậy ?"

"Tai nạn xảy ra tại trên núi ấy, " An vẫn tắt đáp. "Duyên quăng con mướp của bé Danh qua bên kia bờ khe. Bé Danh tìm cách cứu con vật. Thế mà Duyên cũng chẳng làm gì ngăn cản nó. Em chẳng biết nó có xô thêm bé Danh nữa không. Em sợ bé Danh gãy chân mất. Nó nằm trên đồng đá hăng tiếng đồng hồ mà Duyên cũng chẳng báo cho ai hay biết cả."

Mặt Mai tái mét vì kinh hoàng. Thực tình mình không có ưa Duyên mấy, dù nó là em của chị. Nếu chị yêu thương nó, có lẽ nó đã khá hơn, không đến nỗi hư hỏng như vậy. Trẻ con mà không được yêu thương thường ít khi có cảm tình với người khác.

"Để tôi về cho nó một trận, " Mai giận dữ nói và chạy vụt ra khỏi nhà, An mỉm cười khoan khoái. Gây cho gia đình Duyên ghét bỏ nó chính là điều mà An mong muốn. Nó cảm thấy công việc trả thù của nó đã bắt đầu.

Lúc này chẳng có việc gì làm hơn, nên sau khi ăn cơm xong, An lặng lẽ bước lên phòng ngủ. Người nó mệt nhọc, lòng nó nặng trĩu. Nó đốt một cây đèn cầy lên rồi đứng ngắm nhìn bé Danh qua hai màn lệ. Bé Danh nằm ngủ trên giường, hai tay giang ra, mớ tóc ẩm ướt sỏa về đằng sau. Nét mặt bình thản êm đềm thường ngày của nó không còn nữa. Trong giấc ngủ, thỉnh thoảng nó lại chau mày và chốc chốc lại cựa cựa đầu, miệng lẩm bầm những lời không ai nghe rõ.

An leo qua cửa sổ vào giường nằm. Tuy mệt, nó vẫn không ngủ được. Nó cảm thấy cô đơn quá... nên khi nghe thấy tiếng bước chậm chạp của nội nó trên cầu thang, lòng nó mừng rỡ. Nội nó bước vào phòng. Ít khi nội nó lên lầu vì mỗi lần lên như vậy là bệnh phong thấp làm chân nội nó đau đớn.

"Nội!" An khóc nức lên, hai tay giang rộng để đón nội.

Nội nó lặng thinh một lát, và ngồi xuống bên giường, khẽ vỗ về An cho đến khi nó nín khóc.

"Cháu hãy nghe đây," Nội nó bắt đầu nói, "lúc bé Danh còn nhỏ tí, chúng ta đã dẫn nó đến nhà thờ và lấy đức tin dâng nó vào tay Cứu Chúa. Ngày nào trong giờ cầu nguyện, chúng ta cũng xin

Cứu Chúa che chở cho nó được an lành trong tay Ngài. Ngay khi nó té, Chúa cũng không bỏ rơi nó. Tay Ngài vẫn ở dưới nó để che chở nó. Dù cho nó có bị chết trong tai nạn đó thì nó cũng được đưa thẳng lên thiên đàng. Vậy, chúng ta hãy lau khô nước mắt và vững tin nơi Đấng Cứu Chúa che chở bé Danh và mang lại những điều tốt lành nhất cho nó."

"Thế tại sao Thượng Đế lại để Duyên làm hại nó như vậy?" An hỏi. "Nội à, cháu ghét Duyên quá, cháu chỉ muốn giết chết nó thôi."

"Như vậy thì đâu cháu có cầu nguyện cho bé Danh được," Nội nó bình tĩnh đáp. "Thượng Đế là Tình Yêu Thương, và khi chúng ta cầu nguyện là chúng ta tiến gần lại tình yêu thương. Tất cả hận thù của chúng ta phải tan biến đi như tuyết tan chảy dưới ánh nắng ấm áp của mùa Xuân. Cháu hãy dâng phước Duyên cho Chúa đi. Ngài báo trả cả điều thiện lẫn điều ác, và cháu nên nhớ rằng Ngài cũng yêu thương Duyên như Ngài yêu thương bé Danh vậy."

Nội hôn An rồi đứng dậy đi ra khỏi phòng. Nằm lại trên giường, An nghĩ tới những lời Nội nói. Câu sau cùng của Nội nó thấy khó tin quá. Có thể nào Thượng Đế lại cũng có thể yêu thương Duyên độc ác, xấu xa, đần độn, như Ngài yêu thương bé Danh kháu khỉnh, hiền lành kia. Nhưng phần đầu câu chuyện của Nội, nó biết là đúng, và vì thế nó thấy bối rối trong lòng. Nó không thể nào thực sự cầu nguyện cho bé Danh mà vẫn tiếp tục nghĩ cách hại Duyên. Hai việc ấy không thể nào đi đôi với nhau được; nó muốn cầu nguyện cho bé Danh, nhưng nếu làm vậy lòng hận thù của nó có lẽ tan biến mất, và đó là một điều nó không thích xảy ra chút nào, ít ra trước khi nó xong việc trả thù đã. Thôi thì trong khi chờ đợi, nó hãy để nội nó cầu nguyện, còn nó thì nó tiếp tục mưu tính cách trả thù.

Chương 2

Khi Duyên thức giậy sáng hôm sau, nó không nhớ ngay được mọi việc đã xảy ra, tại sao đầu nó đau và mắt nó nhức xót. Thế rồi, như trong một trận cuồng phong, mọi hình ảnh dồn dập trở lại ký ức nó, và nó còn nhớ thêm được một điều quan trọng khác. Hôm nay nó phải đi học và phải gặp mặt những đứa trẻ khác trong trường.

Không chừng bé Danh đã chết hồi đêm và mọi người rồi ra sẽ biết là do lỗi tại nó.

Nó không muốn đến trường nữa, nó muốn lẩn trốn suốt ngày hôm nay. Kể ra cũng chẳng khó

khăn gùi. Nó chỉ việc chạy lên rừng thông rồi ở ẩn cho đến chiều tối hãy về, và sẽ chẳng có ai biết được. Má nó sẽ nghĩ nó đi học ở trường. Còn ở trường thì chẳng có ai để ý đến sự có mặt hay vắng mặt của nó. Nó ở xa tít trên thung lũng, ngoài ra cũng chẳng có ai buồn bận tâm đến nó. Dĩ nhiên rồi đây sẽ có người tìm ra sự thật, nhưng đấy là chuyện về sau, còn hôm nay mới là quan trọng hoặc giả bé Danh sẽ khá hơn; nhưng muốn thế nào thì thế, hôm nay nó hãy lần trốn đi đã.

Duyên chờ dậy và xuống dưới nhà. Chị Mai đang ở trong nhà bếp. Chị đã ăn bánh và uống cà phê xong và đang sửa soạn đi đến sở làm. Vừa nhìn thấy bóng Duyên bước vào, chị ngoảnh mặt bỏ đi liền, nhưng, Duyên cũng chẳng để ý nhìn chị. Nó lặng lẽ đi qua nhà bếp và tiến về phía chuồng bò để giúp má nó vắt sữa buổi sớm.

Nó bước vào, không nói một lời. Má nó ngó theo nó, mặt lộ rõ vẻ bối rối. Nó ngồi lên cái ghế đầu cạnh lò lửa, lặng lẽ bữa điểm tâm. Xong bữa, nó đứng dậy cài cúc áo, hôn má nó để từ giã và bỏ ra đi vẫn không thốt ra một lời.

Má nó đứng lên nhìn theo nó đi đến tận khúc đường queo rồi giơ tay vẫy chào nó. Duyên vẫy chào lại, rồi đứng đợi ở góc đường khuất cho tới khi nó biết chắc má nó đã đi rồi. Lúc ấy nó mới quay lưng ra sức chạy tuốt lên đồi.

Nó chạy thật nhanh, nên chỉ thoáng chốc đã lọt vào trong bóng mát của khu rừng thông viền quanh trái núi. Tới đây thì nó không còn lo ai bắt gặp nữa, vì trời hãy còn sớm (ở Thụy Sĩ mãi 7 giờ 20, trường học mới bắt đầu), nó liền ngồi xuống và bắt đầu suy nghĩ.

Cảnh rừng thông tuyệt đẹp. Các cây thông tràn đầy nhựa sấp và hương thơm trong tuyết xuân ấm áp. Nhựa thông theo thân cây chảy xuống thành từng hàng dài, và một mùi thơm ấm dịu thoang thoảng bốc lên từ mặt đất. Ánh mặt trời lọt qua cành cây kẽ lá lấp lánh một màu tươi vui. Rừng thông đầy vẻ êm ả và mát dịu đã đem lại trong lòng Duyên một tia hy vọng, như thể một tia nắng ấm đã lọt qua kẽ lá và xuyên qua nỗi đau khổ nó chứa chấp trong tim.

Nó không biết sẽ phải làm gì cho qua hết ngày hôm nay. Nó không đem theo thức ăn, vì từ trước tới nay, nhà trường vẫn dọn bữa cho nó trong phòng ăn của nhà trường. Tuy nhiên, cái cảm giác hy vọng lạ lùng mới nẩy nở trong lòng nó đã khiến nó thấy hiu hiu buồn ngủ, và bởi vì nó đã trải qua một đêm trần trọc mất ngủ, nó mới ngả lưng trên thảm cỏ khuất sau bụi dâu rừng và chẳng mấy chốc, đã ngủ thiếp đi.

Duyên nằm ngủ, mái tóc rối bời dưới ngọn gió xuân ấm áp. Thỉnh thoảng lại có những tia nắng mặt trời lạc lõng lốm đốm lướt qua mình nó. Trên ngọn cây, mấy chú sóc tí hon cãi nhau chí chóe và tấn công nhau tới tấp bằng những nhánh thông xanh thẫm. Trong hốc đá, ngọn suối chảy nghe réo rắt như tiếp đàn reo vui. Duyên ngủ mãi cho tới khi mặt trời đã lên cao trên đỉnh đầu và đám học sinh trong trường làng đã kéo nhau ra xếp hàng để đi tới phòng ăn. Lúc ấy nó

mới tỉnh dậy và cảm thấy bụng đói cồn cào.

Nhưng trong rừng này chẳng có thức gì ăn được cả. Nó liền đứng dậy đi lang thang lên cao mãi trên đỉnh đồi. Vừa đi nó vừa nghĩ thầm, chẳng biết trong những căn nhà gỗ ở cao tít trên kia có trại chủ nào sẵn lòng tử tế mà ban cho nó một ly sữa không. Trong lúc mãi nghĩ ngợi, nó cho tay vào túi sờ thấy con dao nhíp và lấy con dao ra.

Giờ nó đã tới phía bên kia của cánh rừng. Các cây giẻ gai mọc lẫn lộn trong đám cây thông, và đồi cỏ sừng sững dựng đứng trước mặt nó. Các cây giẻ gai đang đua nhau đâm chồi nảy lá và chẳng bao lâu sẽ lại sum suê khiến cánh rừng nom giống như một đại giáo đường màu xanh tươi in đậm trên nền trời xanh biếc.

Duyên lại ngồi xuống trên một thân cây gỗ để nghỉ chân. Tẩn mẩn, nó nhặt một miếng gỗ, nhưng chỉ để chơi cho qua thì giờ chứ chưa bao giờ nó có ý định làm một cái gì đứng đắn. Nhưng lúc này, vì chẳng có việc gì làm, nó quyết định đẽo gọt miếng gỗ thành hình một con Sơn Dương, tức giống dê núi vẫn sống trên các bờ vực cao. Nó bắt đầu đẽo gọt rất thông thả, cắt bỏ đi những chỗ gỗ thừa.

Thông bàn tay khéo léo của Duyên, miếng gỗ lần lần thành hình, và Duyên thấy một khoái cảm kỳ lạ xâm chiếm tâm hồn. Lần đầu tiên nó quên hẳn nỗi khổ sở nó phải chịu và để hết tinh thần vào công việc nó đang làm. Trong óc nó, nó hình dung con Sơn dương, và những ngón tay của nó hoạt động theo sự điều khiển của trí tưởng- này là cái đầu và cặp sừng cong cong tuyệt đẹp, với cái mũi hênh hếch như đang phập phồng đánh hơi, rồi đến một cái tai vểnh lên như đang nghe ngóng tiếng tù và của đám thợ săn, rồi là bốn cẳng, chân dài thon thon, và một thân mình hơi co lại như đang chuẩn bị để phóng đi.

Duyên cầm khúc gỗ đã thành hình, duỗi tay ra xa để tiện bề ngắm nghía. Thật tình mà nói, tác phẩm điêu khắc của nó chưa phải là hoàn hảo, nhưng chỉ cần nhìn sơ qua, người ta cũng biết ngay một cách không lầm là hình con sơn dương. Chỉ có nó là nó không biết rõ giá trị tác phẩm của nó mà thôi. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên kể từ khi xảy ra tai nạn bé Danh bị gãy chân, nó cảm thấy trong lòng có phần nào thơ thới vui sướng. Nó đã tìm thấy công việc làm hợp với khả năng của nó; dầu ngu độn như nó, nó vẫn có thể đẽo gọt, tạc, khắc trên gỗ, và từ nay nó sẽ không còn buồn khi phải sống lẻ loi cô độc một mình nữa. Khi nào những đứa trẻ khác không thèm chơi với nó, nó sẽ tìm tới một góc rừng hẻo lánh êm lặng để ngắm những cảnh vật thiên nhiên đẹp đẽ và để tạc khắc lên gỗ. Trong khi mải mê tạc khắc, nó sẽ quên đi mọi sự buồn phiền, và đây là điều nó mong muốn hơn hết. Dầu có chuyện gì xảy ra, nó vẫn có thể lánh tới một nơi khuất nẻo và có cách khuây khỏa nỗi lòng.

Duyên leo lên sườn dốc và đứng từ trên cao nó nhìn qua cánh rừng xuống thung lũng bên dưới. Mặt trời đang chuyển dần về dãy núi phía tây, và ở xa tít bên dưới, nó nhìn thấy những chấm

đen nhỏ đang chạy tán về mọi ngã: đó là đám trẻ em vừa ra khỏi trường. Chỉ còn mười lăm phút nữa thôi, nó có thể về nhà được rồi.

Chậm chạp, thông thả, nó nhảy từng bước một xuống núi, xuyên qua rừng thông vì nó không được phép về nhà sớm quá. Lúc này mặt trời đã ngã về phía bên kia thung lũng. Rừng thông mát dịu và âm u với đầy tiếng rì rào nhỏ. Duyên cho tay vào túi, nhón tay nắm chặt lấy thân mình tròn trịa của con Sơn dương bằng gỗ. Một cảm giác thỏa mãn dâng lên trong lòng nó.

Bâng khuâng, nó tự hỏi không biết khi về nhà nó sẽ nghe thấy chuyện gì đây. Không chừng bé Danh đã chết rồi; nhưng nó vội vàng xua đuổi ngay ý nghĩ ấy, vì nó sợ... Nhưng cũng có thể bé Danh chỉ bị thương nặng thôi, và khi nghĩ đến đây, tự nhiên trong óc Duyên nổi lên hình ảnh khuôn mặt tái xanh tái xám của bé Danh nằm trên thảm cỏ.

Ước gì nó có thể làm được việc gì để chuộc lại tội lỗi này. Nhưng trong óc nó chẳng nghĩ ra được việc gì cả.

Nó rón rén ngượng nghịu bước vào nhà. Má nó đứng bên bể nước lo lắng nhìn nó. Bà chờ đợi nó cất tiếng nói trước, nhưng mãi không thấy nó nói gì, bà không còn nén nổi lòng tò mò mới hỏi nó, "Thế nào? Con đi học ngày hôm nay ra sao?"

"Má, như thường, má ạ," Duyên đáp.

"Má vừa xuống nhà ông Bình để hỏi thăm," má nó nói tiếp "Con An và ông Bình đã dùng xe ngựa chở bé Danh đi bác sĩ rồi. Có lẽ mãi đến khuya nay họ mới trở về nhà được. Bà nội con An tử tế lắm con à. Họ đều là những người tốt cả, nên má chắc họ sẽ tha thứ cho con và không trị tội con đâu."

Duyên nín thinh không trả lời. Nó biết Nội bé Danh có thể tha thứ cho nó, nhưng còn con An chắc sẽ không bao giờ tha thứ cho nó đâu.

"Thế thầy giáo con ở trường có biết chuyện ấy không?" má nó lại cất tiếng hỏi tiếp sau một phút nín lặng.

"Có ạ" Duyên đáp.

"Thế thầy ấy có nói gì không?"

"Thưa không!"

Má Duyên lộ vẻ ngạc nhiên. Cả ngày hôm nay bà đã khổ sở lo lắng không biết con trai bà phải chịu những hình phạt gì ở trường, nhưng nay cứ theo lời con bà nói thì chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Duyên lại còn có bộ tươi tỉnh hơn lúc sáng ngày.

"Con đi kiểm chút sữa đây, má à," Duyên vừa nói vừa bỏ đi về phía chuồng bò. Nó thở dài một hơi nhẹ nhõm. Chuồng bò là một nơi ẩn náu của nó. Ở đấy nó khỏi phải nghe những câu hỏi cật vấn của má nó, và những con bò cũng chẳng nghĩ xấu về nó. Nó bắt tay vào việc rất mau lẹ, rồi

ngiêng cái thùng đựng sữa, nó ghé miệng uống thẳng một hơi chất sữa âm ỉ béo ngậy. Nó cảm thấy trong người khỏe khoắn hơn, vì từ sáng tới giờ nó chẳng có tí cơm cháo gì vào bụng. Tối nay nó sẽ để thừa ra một ít thức ăn. Ngày mai nó sẽ quay trở lại rừng thông để ẩn núp thêm một ngày nữa. Ngày nào nó cũng sẽ làm như vậy kỳ cho tới lúc nó bị khám phá ra và chắc cũng còn lâu mới bị, vì nó ở xa tít trên thung lũng.

Nó kéo dài công việc vắt sữa cho thật lâu, rồi mới xách thùng sữa nhảy cẫng trở về nhà ở. Nó về tới cửa vừa đúng lúc chị nó cũng vừa về tới, mặt đỏ tía tai, hơi thở hổn hển. Vừa nhìn thấy mặt nó, chị nó đã mắng luôn, "khốn kiếp kia! Sao mày lại trốn học như vậy hả! Nó làm gì suốt ngày ở nhà thế, má? Đáng lẽ má phải tố cáo nó đi học mới phải!"

"Mày nói gì lạ vậy, Mai?" Má Duyên bực tức quay phắt lại hỏi. "Nó vẫn đi học đấy chứ! Nó vừa ở trường về đây này! Thôi, mày lo công việc của mày đi, đừng có hành hạ nó nữa!"

"Má bảo nó đi học thực ư?" Mai lớn tiếng hỏi. "Hừ, nếu nó vừa ở ngoài về thì má thử hỏi xem nó ở đâu về. Con tình cờ gặp ông giáo của nó lúc con ở sở làm về. Ông ấy đang nhổ cỏ trong vườn rau. Nhìn thấy con đi qua, ông ấy gọi với con và hỏi Duyên đâu mà không thấy nó đi học ngày hôm nay. Hay nó đâu? Con có đáp, "Nó có đau yếu gì đâu! Để ngày mai tôi lôi nó đến trường!"

"Giờ Duyên nghe tao bảo đây. Tao chẳng biết mày bỏ học trốn đi đâu chơi suốt ngày hôm nay. Nhưng mày nhớ nhé, ngày mai tao sẽ đích thân lôi cổ mày đến trường."

"Không ngờ mày lại nói dối tao như vậy, Duyên kia!" bà tức giận la lớn. "Mày thật hư đốn quá mất rồi. Tao không biết phải tính với mày sao đây. Thôi để thầy giáo sửa trị mày." Phần lo âu thái quá, phần bị chính con trai bà lừa dối, bà úp mặt vào vạt áo khóc nức nở.

Duyên lặng lẽ ngồi xuống bên lò lửa trong điệu thiếu nữ. Hình như mọi người mọi vật đều chống đối lại nó. Nguồn hy vọng duy nhất của nó là ẩn náu trong rừng thông cũng đã bị tước đoạt mất, ngày mai nó sẽ phải đi học và sẽ phải giáp mặt con An. Nếu nó đi học ngày hôm nay thì đâu nó có gặp con An.

Nó nhặt lên một miếng gỗ lớn và bắt đầu dùng dao nhíp đẽo gọt. Một lần nữa những ngón tay của nó mò mẫm sờ tìm con Sơn dương bằng gỗ nó để trong túi áo.

Chương 3

Cái chân đau của bé Danh phải mất lâu lắm mới lành lại được. Đã nhiều lần ông bác sĩ băng qua núi để tới thăm bệnh cho nó. Đã nhiều lần ông cũng lộ vẻ trầm ngâm bối rối. Thế rồi, khi hoa dại bắt đầu trổ bông đầy đồng và nhà nông bàn đến chuyện đưa bò lên núi cao ăn cỏ, bé Danh trở lại bệnh viện để tháo gỡ cái chân băng bột. Đến lúc ấy, ông bác sĩ mới báo cho ba nó biết cái tin chẳng lành là từ nay trở đi, bé Danh không thể đi lại như người thường được nữa. Cái chân đau của nó ngắn hơn chân bên kia nên nó sẽ phải đi khập khiễng.

Ông Bình cảm thấy buồn rã rượi trong lòng. Ông tới nhà người thợ mộc để nhờ làm cho bé Danh một cặp nặng bé nhỏ xinh xinh. Rồi ông lại mang theo một đôi giày của bé Danh tới nhà người thợ giày để nhờ làm lại một đôi giày cao hơn để bên kia chừng bốn phân tây.

Cả người thợ mộc lẫn người thợ giày đều rất buồn khi hay tin chẳng lành ấy. Để làm cho bé Danh tươi lên, người thợ mộc chạm trổ những đầu con gấu nhỏ trên cái tay cầm của cặp nặng, còn người thợ giày thì nhét đầy kẹo chô-cô-la vào trong đôi giày đã sửa xong trước khi giao chúng về cho chủ, và cả hai trường hợp những cố gắng của họ đã có kết quả tốt đẹp.

Trái ngược với cảnh dân làng xúm xít quanh bé Danh và làm đủ mọi thứ để an ủi vỗ về nó, mọi người trong làng lẫn tránh Duyên và tìm đủ mọi cách để phô bày lòng họ khinh miệt nó.

Mấy ngày đầu, Duyên bị hành hạ đủ điều. Thầy giáo công khai nói trước cả lớp về việc nó làm, coi như một thí dụ điển hình về hạng người khiếm nhược mà lại hay hống hách bắt nạt kẻ yếu thế hơn mình. Các học sinh khác sua đuổi không cho nó chơi trong sân trường và ném bùn vào nó. Nhưng chẳng bao lâu, chúng nó bỏ cái trò hình phạt ấy, chỉ thản nhiên chơi với nhau mà không thèm để ý tới nó.

Duyên xưa nay không được mọi người ưa thích, vì tính nó dễ cáu kỉnh, lại vụng về, xấu xí, nhưng nó vẫn được tham dự các trò chơi với các bạn khác. Nay thì nó phải sống lẻ loi trơ trọi một mình, vì không ai muốn chơi với nó nữa. Khi các học sinh chọn người để chơi, luôn luôn nó bị chọn sau cùng. Trong lớp có một cái bàn thừa, có một chỗ ngồi; tự nhiên Duyên phải ngồi một mình ở đó, vì chẳng ai muốn ngồi chung với nó cả.

Ngay cả đám con nít cũng xa lánh nó, vì má chúng đã căn dặn chúng không được lời thêu gì với nó. "Ấy nó hung ác dữ tợn lắm. Coi chừng kéo nó làm hại các con như nó đã từng làm hại bé Danh con ông Bình vậy," và các bà mẹ dặn đám con nít cẩn thận như vậy nên mỗi khi ai gặp nó tới gần là đám con nít bỏ chạy. Chúng coi Duyên chẳng khác gì một thứ ngáo ộp, một ông ba bị vậy.

Ở các tiệm trong làng, người bán hàng giao hàng cho nó qua quầy hàng mà chẳng nói một lời; người bán sữa chẳng bao giờ trò chuyện với nó; còn bà chủ tiệm bán thực phẩm thì chẳng bao giờ dúm kẹo vào tay nó như bà vẫn thường làm với mọi đứa trẻ khác. Mọi người trong làng chẳng ai nặng lời với nó bao giờ, họ chỉ làm ngơ không thèm chú ý đến nó thôi.

Vì quá rụt rè e lệ, Duyên chẳng bao giờ tìm cách thu phục cảm tình của mọi người. Nó tự để buông trôi vào trong cái thế giới cô đơn của riêng nó. Nó đi học cũng như đi về, lúc nào cũng thui thủi một mình. Nó một mình đi đến mua hàng ở căn tiệm, và thui thủi chơi một mình trong sân chơi ồn ào náo nhiệt. Không phải vì bọn trẻ kia không muốn có nó chơi chung, vì trẻ con mau quên và dễ tha thứ; đó là chỉ vì lòng hổ thẹn khiến nó không dám nhập cuộc mà thôi. Nó cứ tưởng chừng như nhìn thấy vẻ oán ghét nó trên mặt bọn trẻ, và nó cho rằng chúng đang nghĩ tới bé Danh với cái chân què phải đi phập khiễng. Dần dần nó đâm ra sợ tất cả mọi người, sợ từ ông lão đưa sữa già nua cho tới đứa bé ít tuổi nhất trong trường. Nó sợ sệt cái vẻ khinh bỉ và oán ghét mà nó đọc thấy trên mặt mọi người.

Vì chính nó, nó không thể nào quên nghĩ tới bé Danh què. Hình ảnh bé Danh luôn luôn ám ảnh trí óc nó. Nó tha thiết muốn hỏi con An xem ông bác sĩ đã nói gì. Nhưng con An có bao giờ thềm ngó tới nó hay nói chuyện với nó kể từ khi tai nạn xảy đến cho bé Danh. Còn nó thì nó đâu có dám ngỏ lời trước với con An.

Ở nhà má nó thấy nó lăm lè hơn trước, nhưng cũng làm việc chăm hơn trước, vì nó chột nhận thấy rằng chỉ có chúí đầu vào công việc nó, mới có thể quên được cuộc sống trơ trọi mà thôi. Từ khi khám phá được ra điều ấy, nó thôi bỏ cái lười biếng cũ và tối ngày vùi đầu vào công việc trong trại. Má nó thật tình khen ngợi nó, còn chị nó đối xử với nó cũng tử tế hơn, vì chị Mai vốn cũng là một cô gái chăm làm. Cái tính lười biếng của nó đã từng làm chị nó phải hết sức bực mình và nó.

Tuy nhiên, Duyên chỉ tìm thấy sự vui thỏa hoàn toàn ở có một chỗ mà thôi: ấy là ở trong rừng. Ở đây cây cối vây kín nó, cách biệt nó với cái thế giới mà nó biết chẳng có ai ưa thích nó. Mỗi khi nó có thì giờ rỗi rãi, nó lại tìm đến trốn tránh nơi này, ngồi tựa lưng vào một thân cây hay một phiến đá, nó khắc những hình nho nhỏ trên gỗ và trong khi mải mê làm việc nó tạm quên đi hết mọi phiền muộn trên đời.

Cảnh vật đẹp đẽ và không khí êm ả của rừng thông trong lúc mùa hạ mới trở về đã đem lại phấn khởi cho nó. Trên cành thông, những nhánh non như được đánh bóng láng, và lá giẻ gai mềm dịu mang một màu xanh biếc như tơ. Ngồi dưới tàn cây, Duyên có cảm giác ánh mặt trời lọt qua lá cây đang hôn trên mái tóc và làn da tay của nó đang khi nó làm việc.

Cao tít trên bìa rừng, có một căn nhà gỗ nhỏ, chủ nhân là một ông già sống cô độc một mình. Ông ta về ẩn dật ở đó từ lâu, và làm bạn với ông chỉ có một con dê, một con mèo và một đàn gà. Ông quả là một ông già kỳ dị. Ở trong làng ai nấy đều sợ hãi ông, và mỗi khi ông xuống núi mua sắm, trẻ con đều chạy vào nhà đóng kín cửa lại. Mọi người kêu ông là Ông Già Trên Núi. Có người bảo ông ta keo kiệt lắm, nhưng người khác lại bảo ông trốn tránh luật pháp, và có người còn nói ông ta điên khùng và nham hiểm lắm. Ai muốn nói gì thì nói, nhưng có điều chắc chắn

là chưa ai bước vào trong nhà ông ở cả, và cũng chưa hề ai đi qua con đường ấy vào lúc tối trời. Một hôm nhân ngày nghỉ, Duyên đi lang thang xa hơn thường lệ, và cũng như thường lệ nó ngồi xuống một chỗ để hết tâm trí vào công việc chạm khắc gỗ. Lần này đề tài của nó là một con sóc đang dùng hai chân ôm giữ một trái hồ đào. Đang mải mê làm, nó bỗng linh cảm thấy có hơi thở đằng sau lưng nó. Nó liền quay phắt lại và nhìn thấy ông già trên núi đang đứng nhìn qua bờ vai nó.

Nom ông ta, quả là đáng kinh hãi thật. Chòm râu rậm rạp và xoắn tít vào nhau của ông, che kín một khoảng ngực rộng. Chiếc mũi quặm khoằm của ông khiến người ta nghĩ ngay đến hình ảnh một con chim ó dữ tợn. Nhưng trong khi Duyên giật mình nhìn thẳng vào mắt ông, nó nhận thấy trong đôi mắt sáng láng có chứa đựng vẻ hiền từ và khoan dung, nên nó quyết định thôi không chạy trốn nữa. Vả lại, nỗi cô đơn mà nó đã phải chịu đựng từ bấy lâu nay đã khiến nó bớt sợ hãi đi nhiều. Ông già này có vẻ kỳ dị, và không chừng ông ta độc ác nữa, nhưng dù sao, ông ta cũng không biết gì về việc làm quá khứ của nó.

Mạnh dạn, Duyên nói: "Chào ông," rồi đứng yên lặng chờ đợi xem ông ta hành động ra sao. Ông già chìa một bàn tay xương xẩu ra để nhặt con sóc bằng gỗ lên. Ông xoay đi xoay lại ngắm nghía chán chê rồi mới cất giọng ồ ồ nói.

"Cháu còn nhỏ tuổi mà đã khắc được như vậy là khá lắm. Ai dạy cháu vậy?"

"Thưa ông, chẳng có ai dạy cháu cả. Cháu tự khắc lấy đấy."

"Như vậy thì cháu là một thiên tài rồi. Cháu đáng được hưởng những dụng cụ điêu khắc lắm. Chỉ cần học thêm ít nhiều nữa là cháu có thể kiếm sống được rồi. Con sóc cháu khắc đây nom sống động lắm."

"Thưa ông, cháu chẳng có đồ nghề nào, mà cũng chẳng có tiền để mua sắm đồ nghề nữa."

Không nói ra lời, ông già chỉ ngoắc tay ra hiệu, và Duyên giống như một người đang sống trong mộng, từ từ đứng lên đi theo ông già qua khỏi khu rừng âm u. Hai người, một già một trẻ, lặng lẽ đi ngược lên ven núi cho tới khi đến căn nhà gỗ nhỏ là nơi ông già đang sống.

Căn nhà thật nhỏ bé, chật hẹp. Ngoài cái chuồng gỗ để nuôi gà, không còn một căn nào khác nữa. Con dê thì ở ngay trong bếp cùng với ông già, kể cả con mèo vàng đang ngồi liếm lông sưởi ấm ngoài ánh nắng. Phòng ngủ cũng dùng luôn làm phòng chứa cỏ khô, và ông già ngủ ngay trên những chiếc bao bố đặt trên đám cỏ khô dùng làm thức ăn cho con dê vào mùa đông. Nhà bếp và phòng khách thật tồi tàn, nhưng bày biện hết sức kỳ cục. Duyên nhận thấy có cái lò, cái thùng đựng sữa vắt và cái ghế đẩu, cái máng đựng cỏ cho súc vật ăn, cái bàn, một cái ghế dựa và một cái máy ép phó-mát. Nhưng khắp bốn phía chung quanh tường, cao khỏi tầm với của con dê, có những chiếc kệ trên bày lủng củng những hình điêu khắc bằng gỗ, có hình nom rất đẹp, có hình thật thô, nhưng tất cả đều chứng tỏ là công trình của một nghệ sĩ có thiên tài.

Duyên nhận thấy có những hình con gấu, con bò, con Sơn-dương, con dê, con chó xù và con sóc. Có cả hình người, đàn ông và đàn bà, hình mấy chú lùn và hình trẻ em đang nhảy múa. Có những chiếc hộp, nắp hộp chạm khắc hình những bông hoa núi; và những cái đĩa ăn, vành đĩa chạm trổ những vòng hoa, nhưng đẹp hơn hết thấy là chiếc tàu Nô-ê với những hình thú vật xinh xinh đang tranh nhau nhảy xuống tàu. Mắt Duyên như dán vào chiếc tàu này; nó nhìn ngắm mãi, nhìn ngắm mãi không thôi.

"Đây chỉ là một thú tiêu khiển của ta," ông già nói. "Chúng bầu bạn với ta trong những chiều đông thán giá. Nay, cậu bé, nếu cậu chịu khó tỉnh táo đến thăm ta, ta sẽ dạy cho cậu cách sử dụng những đồ nghề điêu khắc."

Duyên háo hức ngẩng đầu nhìn lên. Cặp mắt sáng ngời, khuôn mặt rạng rỡ, nom nó không còn có vẻ gì xấu xí nữa.

"Thưa ông", nó ngập ngừng hỏi, "có phải ông bảo rồi đây con có thể tự kiếm ăn được không?"

"Phải" ông già đáp. "Ta có một người bạn chuyên bán những đồ điêu khắc bằng gỗ với giá khá lắm. Ông ta đã bán hộ ta nhiều hình bằng gỗ nhưng có một số hình ta ưa thích nên giữ lại. Chỉ một thời gian ngắn nữa thôi ông ta sẽ bán hộ con những hình đẹp dễ nhất con làm ra vì chẳng bao lâu nữa, con sẽ khắc chạm đẹp hơn nhiều với những đồ nghề của ta thay vì con dao của con."

Duyên vẫn còn ngẩng đầu lên chăm chú nhìn ông già. Lòng nó hát lên điệu nhạc biết ơn, vì nó thấy ông già hình như lo cho nó và quan tâm đến nó. Ít ra cũng phải có một người nào không làm nó sợ hãi và nghĩ tốt về nó chứ. Nó tự nhiên giơ tay nắm chặt lấy bàn tay ông già.

"Ô, cảm ơn ông," nó tha thiết nói. "Ông đối với con tốt quá!"

"Suýt" ông già đáp. "Ta sống trọ nơi này, chẳng có ai làm bạn bè. Chúng ta có thể cùng nhau khắc gỗ."

"Cháu cũng vậy", Duyên đáp. "Cháu cũng trọ trọ chẳng có ai làm bạn bè."

Trong khi Duyên lội bộ băng rừng để về nhà, óc nó nảy ra bao ý nghĩ, những chỉ có một ý nghĩ quan trọng hơn hết thấy. Nó sẽ làm cho bé Danh một chiếc tàu Nô-ê giống như chiếc tàu ông già đã làm, với hàng chục giống thú vật nhỏ-sư tử này, thỏ này, voi này, lạc đà và bò sữa này, và cả hình ông bà Nô-ê nữa. Khi nào nó làm xong, nó sẽ đi đến tận nhà ông Bình để tặng cho bé Danh kỷ vật ấy hầu chuộc lại lỗi xưa. Nhất định không ai có thể tặng bé Danh một vật đẹp hơn thế! Sau đó, có lẽ - có lẽ mọi người sẽ để cho nó được làm bạn lại với bé Danh như cũ.

Chỉ mới nghĩ đến đây, tim nó đã đập rộn ràng trong lồng ngực. Trong suốt hai tiếng đồng hồ vừa qua, nó đã hoàn toàn vui thỏa, và niềm vui thỏa ấy tồn tại mãi trong suốt tháng đường nó băng qua rừng, cho tới lúc nó không còn nhìn thấy cây cối, và xóm làng hiện ra bên dưới. Ngày mai nó sẽ phải trở lại trường học. Ngày mai nó sẽ lại cảm thấy cô độc và hãi hùng. Nhưng hôm

nay nó đã kiếm được một người bạn tốt.

Sau đây, cứ mỗi tuần ba lần, sau khi tan học, Duyên lại phóng qua rừng thông tới ngôi trên bực cửa nhà ông già trên núi để cặm cùi gọt đẽo chiếc tàu Nô-ê. Được sử dụng những đồ nghề chuyên nghiệp có lưỡi sắc bén, Duyên thấy hứng thú vô cùng. Thật khác hẳn con dao lưỡi cùn của nó một trời một vực.

Ông già sửng sốt trước tài khéo của Duyên. Nhân số trong gia đình Nô-ê mỗi lúc một nhiều thêm. Mỗi lần lên núi với ông già, Duyên lại nghĩ ra một con vật mới để chạm khắc, và đoàn thú vật cứ mỗi lúc một dài thườn thượt.

Vào khoảng thời gian này còn có một hứng khởi khác cho Duyên. Có một vị thanh tra đến trường và mở ra một cuộc thi thủ công cho các học sinh. Về phía nữ, các cô tranh nhau đoạt các giải về chạm khắc gỗ. Nhiều cậu đã quen đẽo gọt gỗ trong những giờ rỗi rảnh, và có mấy cậu tỏ ra có khả năng sẽ trở thành khéo tay.

"Nhưng chẳng ai khéo được hơn ta", Duyên tự nhủ thầm trong lúc nó lúi thủi lê bước vào nhà.

"Ta sẽ đoạt giải, rồi đây họ sẽ thấy rằng ta không phải hoàn toàn bất tài vô dụng, dù cho ta có học hành kém cỏi và dù chẳng ai thèm chơi với ta."

Ngày hôm ấy Duyên hứng khởi cất tiếng ca vang trên đường trở về nhà. Nó thấy nó đang bước lên lãnh giải trước sự ngạc nhiên sửng sốt của cử tọa và toàn thể học sinh trong trường. Có lẽ sau đây mọi người sẽ có cảm tình với nó hơn.

Nó sẽ tạc một con ngựa đang phi, lông bờm phất phơ trước gió, lông đuôi vẫy dài và hai lỗ mũi phập phồng. Duyên vốn yêu thích ngựa, ông già trên núi đã tạc một con ngựa như vậy và Duyên đã ngắm nghía tác phẩm ấy mãi không chán mắt. Chiếc tàu Nô-ê đã chẳng còn bao lâu nữa sẽ xong, và sau đây nó có thể bắt đầu tạc con ngựa được rồi.

Nó chạy thẳng một mạch lên nhà ông già trên núi để báo cho ông biết tin mừng. Ông rất hài lòng, và ông cũng tin chắc thế nào nó cũng đoạt giải.

"Nhưng tại sao cháu lại định tạc con ngựa?" ông già hỏi. "Cháu có thể đem dự thi chiếc tàu Nô-ê của cháu. Ta thấy chiếc tàu ấy cũng đẹp lắm rồi đối với một đứa trẻ vào tuổi cháu."

Duyên lắc đầu. Giọng cương quyết, nó nói, "cháu làm chiếc tàu ấy là để tặng người khác."

"Một tặng phẩm ư? Cho ai vậy cháu? Cho một đứa em của cháu ư?"

"Vâng, cho một đứa bé bị tật giơ chân không đi được."

"Thế ư? Tại sao em ấy bị tật vậy?"

"Nó té xuống dưới khe."

"Thật tội nghiệp! Nhưng sao nó bị té vậy?"

Duyên nín thinh một lúc không đáp. Óc nó bắt đầu nghĩ ngợi. Nó thấy ông già là bạn tốt của nó, và đối với nó tử tế qua nên nó nghĩ không nên che giấu sự thật nữa. Nó ngẩng nhìn lên và mạnh

dạn nói:

"Vì lỗi tại cháu mà nó té. Cháu ném con mèo của nó xuống khe. Nó leo xuống để cứu con mèo và bị té."

Vừa nói dứt lời nó hối ngay. Đáng lẽ nó không nên nói rõ chuyện ấy ra. Giờ ông già sẽ ghét bỏ nó và sẽ xua đuổi nó như nó đã từng bị mọi người khác xua đuổi.

Nhưng ông già không làm vậy, ông chỉ dụi dãi nói:

"Có phải vì vậy mà cháu bảo rằng cháu không có bạn không?"

"Vâng, đúng vậy!"

"Và cháu đang tính tặng chiếc tàu kia để chuộc lỗi với đứa nhỏ?"

"Vâng ạ."

"Cháu làm như vậy là tốt lắm! Muốn lấy lại tình yêu thương của ai không phải là một công việc làm dễ dàng. Nhưng cháu đừng nên nản chí. Những người kiên tâm trì chí trong việc thu hái tình yêu thương, tìm thấy nhiều hạnh phúc hơn là khi đã thu hái được rồi."

"Cháu thật tình không hiểu ông muốn nói gì," Duyên suy tư đáp.

"Ý ta muốn nói rằng nếu cháu đem đặt hết tình yêu thương vào việc làm của mình để dành cho kẻ không phải là bạn cháu, thường khi cháu sẽ bị thất vọng và nản chí, nhưng nếu cháu bền gan tiếp tục cháu sẽ tìm thấy hạnh phúc trong tình yêu thương kẻ khác, dù cho cháu có được yêu lại hay không. Có lẽ cháu cho là kỳ lạ khi thấy ta là một kẻ sống cô độc nơi đây, không yêu thương ai, mà lại đi nói về chuyện yêu thương, nhưng ta vững tin những điều ấy."

Tối hôm ấy Duyên làm xong chiếc tàu Nô-ê; mặt đỏ bừng, tim đập mạnh, nó tiến về hướng nhà ông Bình để trao tặng chiếc tàu trên đường đi trở về nhà.

Khi tới gần nhà ông Bình, nó tự nhiên đâm rụt rè hoảng sợ núp sau một thân cây. Không biết nó sẽ phải bắt đầu câu nói như thế nào? Làm sao phá tan được bầu không khí yên lặng? Nếu nó gặp được bé Danh một mình thì dễ dàng quá, nhưng con An có bao giờ xa lìa em nó ngoài những giờ học ở nhà trường đâu.

Chắc hẳn mọi người sẽ tha lỗi cho nó khi họ nhìn thấy chiếc tàu Nô-ê! Nếu mọi người chịu vui lòng tha thứ lỗi cho nó và ban cho nó một cơ hội, nó sẽ tình nguyện đem dâng hiến phần còn lại của đời nó vào việc chuộc lỗi. Vừa hy vọng, vừa hồi hộp sợ hãi, nó bước ra khỏi chỗ nấp sau thân cây và tiến về phía nhà ông Bình.

Giường bé Danh đã được mang vào nhà, còn con An ngồi một mình ngoài hiên đang vá lại khay áo cho ba nó. Duyên thu hết can đảm bước lên bậc thềm chìa chiếc tàu Nô-ê ra.

"Tôi có cái này để tặng bé Danh," nó chỉ nói được đến đây rồi thôi, tiếng nói như mắc nghẹn trong cổ họng. Hai mắt chăm chăm nhìn xuống đất, nó đứng lặng chờ đợi.

Con An giật lấy chiếc tàu Nô-ê khỏi tay Duyên. Mặt nó tái nhợt vì tức giận.

"Mày dám vác mặt lại đây hả!" con An quát lớn. "Mày dám tặng quà cho bé Danh nữa hả! Cút ngay, đừng có bao giờ vác mặt lại đây nữa!"

Vừa nói, nó vừa thẳng cánh quăng chiếc tàu Nô-ê vào đồng cũi ở phía dưới. Tất cả những con vật nhỏ bé xinh xinh bắn tung ra khắp phía, trên đồng cũi.

Duyên đứng trân trân nhìn con An. Một lúc sau, nó quay đi, lảo đảo bước xuống bậc thềm. Thế là bao công trình, bao cố gắng của nó tan thành mây khói. Nó sẽ không bao giờ được tha thứ cả, thật là cả một thời gian dài phí phạm vô ích.

Lúc ấy lời nói của ông già trên núi chột vang lên trong óc nó giống như một tia nắng nhỏ dội chiếu vào trái tim đang đau xót giận hờn của nó.

"Những người kiên tâm trì chí trong việc thấu hiểu tình yêu thương thường tìm thấy nhiều hạnh phúc hơn là khi đã thấu hiểu được rồi."

Phải, có lẽ ông già nói đúng. Nó đã chẳng thấu hiểu được gì cả, nhưng ít ra nó đã được hưởng niềm vui sướng trong khi làm chiếc tàu Nô-ê và trong khi nghĩ đến nỗi vui của bé Danh. Có lẽ, nếu nó cứ kiên tâm và tiếp tục đặt tình yêu thương của nó vào công việc làm, một ngày kia sẽ có người vui lòng chấp nhận quà tặng của nó và yêu thương nó nữa.

Nó không biết chắc... nhưng nhất định nó sẽ không thất vọng vội.

Chương 4

Cho tới khi mùa cắt cỏ bắt đầu ở những cánh đồng quanh nhà, Duyên có rất nhiều thì giờ rảnh sau buổi học ở trường. Trong thời gian này, hầu như ngày nào nó cũng tìm lên núi để bầu bạn với ông già.

Nó đã tạc gần xong con ngựa gỗ. Đối với một đứa trẻ bằng tuổi nó thì đây quả là một tác phẩm nghệ thuật đáng giá. Con ngựa hình dáng lớn hơn là nó dự định lúc trước. Bờm ngựa tung bay trước gió, còn bốn vó như lướt trên mặt đất. Khi nhìn ngắm con ngựa, người ta nghĩ ngay đến một cái gì tượng trưng cho tốc lực và vẻ mềm mại uyển chuyển. Duyên đã mất nhiều công phu thì giờ vào con ngựa này. Nó đi quan sát mọi con ngựa trong khu vực quanh nhà để có thể ghi lại được chính xác mỗi đường gân thớ thịt.

Nó vẫn còn dư nhiều thì giờ, vì mãi đến hết ngày nghỉ làm mùa cỏ khô, nhà trường mới tổ chức

cuộc chấm và phát giải thưởng. Tuy vậy, học sinh trong trường cũng đã bắt đầu bàn tán và phỏng đoán xem ai trúng giải.

Hầu hết nam sinh ủng hộ Mẫn, con trai ông già đưa sữa. Mẫn tạc hai con gấu đang leo lên một cây cột. Nó làm việc hăng lắm, và tác phẩm của nó cũng khá; tuy nhiên, theo Duyên nghĩ, người ta dễ dàng nhầm hai con gấu của nó với hai con chó hoặc với bất cứ con vật nào khác. Duyên nghĩ thầm vậy trong khi đứng nhìn ngắm tác phẩm của Mẫn, nhưng những đứa trẻ khác thì ca tụng rầm rầm.

"Con ngựa của ta thì không ai có thể nhầm lẫn được," Duyên nghĩ: "Nó là một con ngựa, và chỉ làm một con ngựa không hơn không kém." Nhưng ai nghĩ đến chuyện Duyên có thể đoạt giải, vì ngoài thầy giáo ra không ai biết nó đã đăng tên dự thi. Tính nó cả thẹn nên không dám kể lể với mọi người; ngoài ra nó cũng còn sợ cái vẻ mặt khinh khỉnh và phớt tỉnh của các bạn nó nữa. Nhưng giờ đây, đứng nhìn hai con gấu của Mẫn, nó biết chắc là nó sẽ thắng. Không ai đoạt giải này của nó được. Nó hình dung thấy nó đang bước lên lãnh giải; mọi cặp mắt đều hướng về nó, ngạc nhiên và thán phục. Sau đây mọi người sẽ chú ý và muốn xem con ngựa của nó - và có lẽ nó sẽ được mọi người dành cho nhiều cảm tình hơn. Nghĩ đến nó mặt đỏ bừng.

Về các tác phẩm thi của nữ sinh, có nhiều ý kiến trái ngược nhau. Chị Măng làm đăng-ten rất đẹp, vì nhà chị có cửa tiệm làm đăng-ten, và chị đã tập làm đăng-ten từ khi mới năm tuổi. Má chị Lan là thợ may nên chị đã được dạy dỗ trong nghề từ khi còn nhỏ. Còn An thì là một cô bé có tài đan lát. Nội nó đã dạy nó đan những khi nó không phải đi học. Nó ngồi trên chiếc ghế đầu nhỏ, vừa trông chừng bé Danh vừa lẹ làng điều khiển mũi kim đan. Nội nó ngồi gần đó trong chiếc ghế bành, sẵn sàng chỉ bảo thêm mỗi khi cần thiết.

Tác phẩm mà An đưa dự thi là một chiếc áo len màu xanh thắm nó đang cho bé Danh mặc vào những ngày Chúa nhật và ngày lễ. Quanh cổ áo và eo áo có đan những bông hoa núi màu sắc tươi sáng, rực rỡ. Nó chưa đan xong hẳn chiếc áo, nhưng đã là một tác phẩm đầy hứa hẹn, ai nấy đã trầm trồ khen ngợi khi thấy nó ngồi đan trong sân.

Các bạn nó nói, "Tao chắc giải nhất về tay mày rồi đấy, An ạ!" Rồi chúng tiếp, "Mọi người đều bảo làm cái áo như kiểu mày còn khó hơn làm đăng ten như kiểu con Măng nhiều."

Chính An cũng tràn trề hy vọng. Nó cần phải đoạt giải này quá. Vì có thế nó mới bù lại được những điểm kém về toán học. Hơn nữa, nếu nó đoạt giải, nội nó, ba nó và bé Danh sẽ hãnh diện sung sướng biết bao.

Tuy nhiên, không giống như Duyên, con An có rất ít thì giờ, vì ngoài giờ học ở trường ra nó luôn luôn bận rộn. Nay ngày nghỉ để cắt cỏ đã bắt đầu, tất cả trẻ con phải làm việc cùng với người lớn ở ngoài đồng từ sáng sớm đến tối mịt.

Vào mùa cắt cỏ, nhiều gia đình thường phải dàn xếp với nhau cho công việc được ổn thỏa. Một

ông láng giềng đã có con trai lớn giúp đỡ công việc trong trại thì lên cánh đồng cỏ trên núi để chăm nom giùm đàn bò của ông Bình, còn chính ông Bình thì đi xuống cắt cỏ ở sườn đồi của mình. Sau khi cắt xong, ông vẫn sang cắt hộ cỏ trên đất của bà Mầu, vì bà Mầu là góa phụ, mà Duyên thì chưa đủ sức để sử dụng lưỡi hái.

Ở sườn đồi dốc đứng này không có máy kéo và máy xén, chỉ có những lưỡi hái cong cong xén cỏ soàn soạt ngoài đồng. Mỗi lần lưỡi hái đưa đi là có một số hoa đồng cỏ dại bị cắt xén đến tận gốc. Đi sau người đàn ông cầm lưỡi hái là đàn bà và trẻ con cầm bồ cào tí hon, vì không ai-ngoại trừ những đứa nhỏ quá chưa đi đứng vững-là không phải phụ giúp vào việc cắt cỏ để làm cỏ khô.

Ông Bình và con An ra sức làm việc. Họ có một khoảng đồng cỏ rộng lớn nơi sườn đồi, và họ không đủ tiền để mướn nhân công. Hai cha con thức giấc lúc trời mới rạng đông, trong khi khí hậu mát mẻ của sương sớm còn vương đọng trên hoa, và gà trong thung lũng vừa bắt đầu lên tiếng gáy. Lúc trời đã sáng rõ, nội và bé Danh mới theo họ ra đồng-Nội thì làm một cách khó khăn chậm chạp, còn bé Danh thì chẳng làm gì cả, vì nó không thể sử dụng cái bồ cào cùng một lúc với cái mạng gổ. Nó chống nạng nhảy từng bước trong chỗ cỏ mới cắt, hoặc vùi mình trong đám cỏ đã đánh thành đồng. Khi đã chơi chán và mệt, nó nằm ngửa trong ánh nắng ấm áp và ngủ thiếp đi theo nhịp điệu của lưỡi hái.

Ông Bình cắt cỏ ở vườn nhà ông trước hết, rồi mới tạt sang cắt cỏ trong vườn của bà Mầu. Việc cào cỏ lại thành đồng, ông giao cho những người trong gia đình ông làm. Năm nay bà Mầu có chiều hơi thất lạc, chỉ sợ vì thù hận mà ông không chịu sang cắt hộ nhà mình. Nhưng bà lo ngại điều ấy là thừa. Mọi buổi sớm mai, thức giấc dậy, đứng nơi cửa sổ, bà nhìn thấy ông đang chăm chú làm việc. Cái lưng bóng nhẫy của ông đu đưa theo nhịp của lưỡi hái.

"Duyên ơi, mau lên", bà Mầu kêu, "Ông Bình đang cắt cỏ ở ngoài vườn rồi đấy-chạy mau ra và phụ ông chặt đồng lại đi."

Duyên vội chạy ra đồng. Nó ngượng nghịu chào ông Bình, hai mắt nhìn gián xuống đất. Nó thật chẳng làm việc với ông Bình, vì nó đã làm điều trái quấy đối với ông. Nó cố sức tránh xa ông, còn ông Bình thì đang bận việc cũng chẳng thiết gì chuyện trò. Vả lại, cắt hộ cỏ cho người láng giềng là một việc, còn nói chuyện với bé đã làm gãy chân con ông lại là một việc khác hẳn. Vào giữa trưa, con An mang thức ăn đến cho ba nó, gói trong một khăn tay. Nó làm ngơ không để ý đến Duyên, còn Duyên khi nhìn thấy nó đi tới vội lùi ngay vào nhà.

Phải mất ba ngày, ông Bình mới cắt hết cỏ trong vườn nhà ba Mầu. Ngày thứ ba lại là một ngày nghỉ chót. Duyên, má nó và chị nó đang bận rộn quét dọn ngoài đồng trước khi Duyên phải trở lại trường học. Cả ba người đều ở hết ngoài đồng khi con An mang cơm tới cho ba nó như thường lệ. Nó cũng vội vã vì ngày hôm sau học sinh trong trường đã phải đem nộp các món đồ

thủ công dự thi rồi, mà nó vẫn chưa xong hoàn toàn chiếc áo.

"Không biết mình có giết được giải ấy không?" An tự hỏi thầm. "Mình muốn lắm-nhưng dù cho không được đi nữa, bé Danh cũng vẫn có thêm một cái áo đẹp để mặc."

Đồng cỏ ở phía sau nhà Duyên. Trên đường về, An phải đi qua cửa trước nhà Duyên. Bữa ấy trời nóng nực, An thấy khác nước. Cái cửa dẫn từ hàng hiên vào nhà bếp vẫn để ngỏ như đang mời chào nó bước vào.

"Mình hãy vào đây uống một ly nước ở vòi máy đã." An vừa nói thầm vừa bước lên bậc thềm. Việc nó làm không có gì lạ cả. Trước khi tai nạn xảy ra, nó vẫn vô ra bếp nhà bà Mầu như ở nhà nó vậy.

Nó leo hết bậc hàng hiên bỗng đứng sững lại trở mắt nhìn.

Ngay sát bên cạnh bao lơn có một cái bàn nhỏ, trên mặt bàn có những dụng cụ chạm khắc gỗ và những mảnh gỗ vương vãi. Giữa đám mảnh gỗ có hình một con ngựa đang phi, lông bờm buông về đằng sau, bốn vó như lướt trên mặt đất.

An đứng sững ngó con ngựa mất đến năm sáu phút. Óc nó không ngừng làm việc. Đây nhất định là món đồ dự thi của Duyên rồi. nhỏ gớm thật! Nó chẳng hề nói cho ai biết việc nó dự thi, mà cũng chẳng cho ai biết nó có tài chạm gỗ.

Con ngựa gần như tuyệt hảo! Đến như con An đang ganh ghét với Duyên là thế mà vẫn phải nhận con ngựa là đẹp. Nếu như nó đem món đồ này đi dự thi, chắc nó đoạt giải mất. Chẳng còn ai tranh lại được với nó.

Sau khi nó đoạt giải, mọi người sẽ bắt đầu thán phục tài nó, và không chừng nhờ đó nó sẽ được mọi người thương mến. Có khi người ta còn quên cả cái việc nó đã làm bé Danh bị què nữa.

"Nếu Duyên đoạt giải, tất nó sẽ vui sướng như mở cờ trong bụng. Nó sẽ vênh vang bước lên lãnh giải trước một đám đông cử tọa. Chỉ nghĩ đến cảnh Duyên vênh vang vui sướng cũng đủ làm cho con An tức không chịu được. Tại sao nó lại được phép vui sướng? Không, không, nhất định nó không được phép vui sướng trở lại. Cơ hội may mắn đã tới, con An không thể chần chừ được nữa.

Cái bàn kê ngay sát lan-can hàng hiên. Một trận gió thổi tới làm tung bay những mảnh gỗ nhỏ nhẹ. Nếu là một trận gió lớn hơn, con ngựa gỗ chắc sẽ bị thổi lộn nhào; sẽ không một ai ngờ vực gì hết khi họ thấy con ngựa gỗ bị rơi gãy và giẫm nát trong đám bùn đất dưới kia.

Nghĩ đến đây, An liền đưa tay hất cho con ngựa gỗ rơi xuống. Nó đụng vào đá với một tiếng rắc khô khan. An nhảy vội xuống bậc thềm, dùng chân dẫm mạnh lên nó-phải, ai chẳng có thể vô tình dẫm lên một vật bị gió thổi từ cao rớt xuống.

Thế là con ngựa của Duyên bị gãy ra từng mảnh nằm lẫn lộn trong đám đất đá. Xong việc, con An thông thả bước về nhà.

Tuy nhiên, không hiểu sao trời tự nhiên mất đi ánh sáng, và cảnh vật nom không còn vẻ tươi đẹp như lúc trước nữa. An bâng khuân không hiểu tại sao, vì lúc ấy không hề có một áng mây che khuất mặt trời.

Một lát sau An đã về gần tới nhà nó ở. Lúc nó rẽ chỗ đường quẹo thì bé Danh nhìn thấy vui mừng reo lớn. Nó vừa gặp một chuyện lạ, và thú vị quá. Nếu là một đứa trẻ bình thường, tất nó đã chạy vù ra để khoe chị nó rồi. Nhưng đằng này, nó là một đứa bé què chân nên nó chỉ có thể chống nạng khắp khiêng leo lên đồi.

"Chi An à," nó gọi lớn, cặp mắt long lanh. "Em chắc trong đồng củi có bà tiên chị à! Em làm một cái nhà nhỏ sau đồng củi và em bắt gặp một con voi bé tí ti, có cả một cái vòi dài. Em kiếm nữa và em lại thấy một con lạc đà có bướu, một con thỏ tai dài. Em thấy cả bò, dê, cọp và một con hươu có cái cổ dài thật là dài. Chị An nè, đến đây em cho xem. Chị ơi đẹp quá. Chắc các bà tiên đã để chúng sau đồng củi, phải không chị?"

"Tao không biết," con An đáp, giọng câu kính. Bé Danh ngạc nhiên ngẩng lên nhìn chị. Hình như chị nó chẳng hài lòng chút nào với cái tin này. Riêng đối với nó thì kể từ ngày nó gặp con Mướp trong chiếc vớ của nó dịp lễ Giáng sinh, đây là một điều vui mừng nhất xảy đến cho nó.

Tuy nhiên, để khi chị nó nhìn thấy những con vật kia, chắc chị nó sẽ hài lòng, chị nó chưa biết chúng xinh đẹp biết bao. Nó khắp khiêng cố bước theo chị nó, vì lúc ấy con An bỗng đi nhanh khác hẳn những ngày thường có nó đi theo bên cạnh.

Nó kéo chị nó tới chỗ đồng củi, rồi cúi xuống lôi từ trong một hốc củi ra một đoàn tượng thú vật bằng gỗ mà nó đã bày ngay ngắn trên một miếng củi phẳng. Nó hồi hộp nhìn chị nó, chờ đợi. Và khi thấy chị nó không để lộ ra một vẻ ngạc nhiên hay vui thích nào trên nét mặt, nó hoàn toàn thất vọng.

"Tao đoán có đứa trẻ nào vớt chúng ở đây," con An gằng giọng nói. "Mà việc gì mà phải làm ồn như vậy; chúng có gì là đẹp để đâu. Tuổi mày cũng đã lớn rồi, không còn phải tuổi tin những chuyện thần tiên nữa."

Dứt lời, con An quày quả bước lên bậc thang. Nó thấy bức mình ngay với chính nó. Nó đã làm buồn lòng bé Danh, phá tan niềm vui sướng của em nó. Sao nó có thể đối xử nói năng với em nó như vậy? Thật nó thấy bức mình với nó quá!

Tuy nhiên, trong sâu thẳm đáy lòng nó, nó biết rõ tại sao nó đã hành động như vậy. Nó đã làm một việc dối trá, dè hèn, và ngay ý nghĩ ấy dày vò tâm can nó. Tất cả niềm vui và ánh sáng hình như đã ra khỏi cuộc đời nó và chỉ để lại bóng tối nặng nề.

Giờ nó không còn thể nào xua đuổi hoặc sửa chữa được nữa. Nó chạy vội lên lầu, xô cửa vào phòng ngủ và nằm vật xuống giường khóc nức nở.

Chương 5

Chiều hôm ấy Duyên từ đồng cỏ chạy về nhà, lòng nhẹ nhàng phơi phới. Nó đã làm việc hết sức mình. Thân thể nó mệt nhừ, nhưng ở nhà có con ngựa nhỏ đang chờ đợi nó; ngày mai nó sẽ mang con ngựa ấy đến trường, và mọi người sẽ biết cái tài chạm khắc gỗ của nó.

Nó phóng mình lên bậc thềm, rồi đột nhiên đứng sững lại. Con ngựa của nó đi đâu mất rồi; trên mặt bàn chỉ còn lại những đồ nghề điêu khắc và những mảnh gỗ vụn.

Có lẽ má nó về nhà trước đã lấy con ngựa đi. Nó xông vào nhà miệng kêu lớn: “Má để con ngựa của con ở đâu, má!”

Bà Mầu đang cắm cúi trước nồi súp, ngẩng đầu lên, đáp: “Má có nhìn thấy con ngựa của con đâu, chắc con để lạc đâu đấy chứ gì”.

Duyên bắt đầu hoảng hốt thật sự. Nó đáp: “Con vẫn để nó trên bàn kia mà! Không biết bây giờ nó biến đâu mất rồi! Má hãy tìm giùm với con đi!”

Bà Mầu lập tức đi theo nó. Bà cũng muốn cho con bà đoạt giải lắm, nên hai mẹ con chia nhau đi lùng kiếm khắp nhà. Sau, bà Mầu nảy ra một ý nghĩ.

“Hay nó rơi qua thành bao lơn?” bà nói. “Con hãy chạy xuống tìm phía dưới xem”.

Duyên vâng lời, chạy bay xuống. Nó không phải mất công tìm kiếm lâu. Chỉ thoáng chốc nó đã tìm thấy con ngựa của nó bị bể vỡ tan từng mảnh.

Nó nhặt các mảnh lên để trong lòng bàn tay rồi đem chìa cho má nó xem. Tiếng kêu thất vọng của bà Mầu khiến chị Mai từ trong nhà phải chạy ra. Hai người đứng nhìn trân trân, nhìn những mảnh gỗ vụn trước kia là tượng con ngựa đang phi.

Một lát sau, chị Mai nói, “Chắc là tại con mèo rồi. Chị rất buồn cho em. Thế em không còn tượng gỗ nào khác để đem dự thi ư?”

Bà Mầu không nói gì mà chỉ thở dài. Nhưng giọng thở dài của bà mang nặng ý nghĩa.

Duyên cũng không thốt một lời nào. Nó lẳng lặng bước vào nhà, đưa mắt nhìn lên chiếc đồng hồ treo trên tường.

“Con lên núi đây,” nó nói, cố giữ giọng bình tĩnh. “Con không về ăn cơm tối đâu.”

Nó chạy xuống bậc bao lơn rồi đi xuyên qua cánh đồng cỏ với những đồng cỏ như những lượn sóng trên mặt biển cả. Má nó nhìn theo nó, nét mặt lo âu, cho tới khi nó khuất dạng vào trong rừng. Lúc ấy bà mới quay trở vào, để rơi mấy giọt lệ xuống nồi súp nóng.

“bé gặp toàn chuyện chẳng may,” bà buồn rầu khẽ nói. “Không biết rồi nó có làm nên công chuyện gì không?”

Duyên lẹ bước qua rừng, mắt chẳng để ý nhìn cảnh vật. Ngay đến bầy sóc nhỏ màu xám đang chuyền từ cành nọ sang cành kia và tấn công nhau bằng trái dẻ rừng cũng không được nó để mắt tới. Lúc ấy lòng nó không nghĩ tới gì hơn là cái giải bị mất và nỗi thất vọng ê chề--làm sao cái giải đáng lẽ vào tay nó mà nay lại lọt sang tay người khác để nó cứ tiếp tục bị ghét bỏ, khinh khi. Nó không còn cơ hội nào nữa để tỏ cho mọi người thấy cái tài điêu khắc của nó. Chẳng ai thèm đoái hoài đến nó--trừ phi nó đoạt được giải ấy.

Nó tới một khoảng rừng thưa, từ đó nó có thể nhìn qua ngọn cây tới những đỉnh núi trắng xóa ở bên ngoài rặng núi khép kín thung lũng này.

“Ước gì ta có thể đi khỏi nơi đây ngay,” nó nghĩ thầm. “để bắt đầu làm lại cuộc đời ở nơi mà không một ai quen biết ta, hay biết rõ việc ta đã làm. Nếu ta đi tới và sống được ở một thung lũng khác, sẽ không còn phải sợ sệt mọi người như ta đang bị ở đây.”

Mắt nó dừng lại trên con đường đèo chạy giữa hai đỉnh núi và đưa dẫn tới các thành phố lớn ở thung lũng kế cận nơi chị Mai nó làm việc. Con đường đèo này luôn luôn thu hút nó; nó tưởng chừng như đây là một con đường dẫn tới một thế giới khác, xa khỏi tất cả những gì là quen thuộc, êm đềm--tới một chốn hoang vu kỳ quái mà bao khách giang hồ đã bị vùi thân vì gió bão. Nó có đích thân vượt qua đèo hai lần, nhưng lúc ấy là vào mùa hạ, mặt trời chói sáng, hoa núi đầy dẫy khắp đèo. Giờ, dưới ánh nắng tàn, đường đèo hiện ra sáng sủa. Trước mắt Duyên, nó bỗng có vẻ giống như một cái cửa dẫn ra khỏi nhà tù--một cái cửa mà nó phải đi qua một mình để tìm thấy tự do ở miền đất hoàng hôn.

Duyên nhìn thấy ông già khi nó rời khỏi khu rừng, nhưng ông già không nhìn thấy nó ngay. Ông đang ngồi ở đằng trước cửa nhà, hai tay chống cằm, mắt nhìn chăm chú vào những dãy núi ở phía bên kia thung lũng. Mỗi khi Duyên tới gần sát ông, ông mới ngừng nhìn lên.

“A con đấy à!” ông già nói giọng ồ ồ. “Thế nào, công việc chạm khắc đến đâu rồi? Đến bao giờ thì con đoạt giải ấy đây?”

“Cháu không đoạt giải ấy được đâu,” Duyên phụng phịu nói. “Con ngựa của con bị vỡ làm nhiều mảnh rồi. Có lẽ con mèo làm rơi ra ngoài thành bao lơn, và ai đó đã đạp nhằm lên nó.”

“Đáng buồn thật”, ông già dịu dàng nói, “nhưng cháu vẫn có thể đưa một tác phẩm khác ra dự thi. Chẳng hạn con sơn dương mà cháu đã tạc ấy. Ta thấy đấy cũng là một thành công đáng kể đối với một đứa trẻ trạc tuổi cháu.”

Duyên lấy chân đá mạnh vào những hòn đá trên lối đi.

“Cháu khắc con sơn dương bằng con dao díp cùn của cháu chứ không phải bằng những đồ nghề chuyên môn”, nó lầm bầm nói. “Chúng sẽ tưởng đó là tác phẩm đẹp nhất của cháu. Không, nếu

cháu không đăng con ngựa dự giải thì thôi, cháu không đăng vật gì khác nữa.”

“Cháu chú trọng đến ý kiến của mọi người lắm sao?” ông già hỏi.

“Có chứ”, Duyên lại lăm bằm đáp.

“Sao vậy?”

Duyên dăm chiêu nhìn xuống đất. Không biết nó phải trả lời ra sao bây giờ? Dầu sao ông già cũng thân với nó, có lẽ là người bạn thân duy nhất của nó nữa. Có lẽ nó nên nói thật cho ông già biết hết mọi chuyện thì hơn.

“Quan trọng lắm chứ ông”, nó lăm bằm, “vì mọi người ghét bỏ cháu là đàn độn, xấu xa. Nếu ..., nếu cháu trúng giải ấy và mọi người biết được rằng cháu có tài chạm khắc gỗ giỏi hơn các đứa trẻ khác trong vùng, có lẽ họ sẽ thương mến cháu hơn.”

“Không đâu, cháu ạ”, ông già thủng thẳng đáp. “Tài nghề của mình khi đem dùng để phục vụ cho mục đích riêng tư của mình, chẳng bao giờ đem lại được tình yêu thương đâu. Có thể cháu sẽ được thán phục và thêm muốn, nhưng đó không phải là tình yêu thương. Nếu quả thật cháu muốn đi tìm tình yêu thương, thì việc làm của cháu là uống công vô ích vậy.”

Duyên vẫn dăm dăm nhìn xuống đất. Đột nhiên nó ngẩng đầu lên nhìn thẳng vào mặt ông già, nơi khóe mắt long lanh ngấn lệ.

“Thế là hoàn toàn vô ích.” Nó ngập ngừng nói khẽ. “Hình như chẳng còn cách nào làm lại được nữa, để cho mọi người yêu mến cháu. Chắc họ chẳng bao giờ thương đến cháu đâu.”

“Nếu cháu muốn mọi người yêu thương cháu”, ông già nói tiếp, giọng quả quyết, “cháu phải làm cho mình xứng đáng được mọi người yêu thương. Cháu phải sử dụng tài năng của cháu vào việc yêu thương và phục vụ mọi người. Không phải mỗi lúc mà đạt được ngay đâu; có khi phải năm hay nhiều năm trời, nhưng cháu không được nản chí.”

Duyên ngẩng lên nhìn chăm chú vào ông già. Tuy nó không nói không nói ra, nhưng trong óc nó đang có một câu hỏi. Cái ông già kỳ dị hình như biết rõ về tình yêu thương này, tại sao lại giam mình trên cao tít nơi đây, cách biệt hẳn với đồng bào đồng loại?

Ông già kỳ dị hình như đọc được những ý nghĩ đang ẩn trong đầu óc Duyên. Có lẽ đó là nhờ cái chau mày nhăn trán của nó và cái tia mắt nó dăm dăm nhìn ông.

“Chắc cháu đang băn khoăn tìm hiểu tại sao ta lại đi nói về tình yêu thương và phục vụ mọi người phải không?” Ông già hỏi. “Cháu ngạc nhiên như vậy cũng không có gì là lạ. Đây là một câu chuyện rất dài, cháu ạ!”

“Vâng”, Duyên gật đầu nhận lời ông già nói là đúng. “Cháu quả đang băn khoăn tự hỏi: không hiểu sao một người sống cô độc như ông nơi hẻo lánh này, không hề trò chuyện với ai ngoài cháu ra, lại có thể đi nói chuyện về tình yêu thương và phục vụ những người khác.”

Ông già ngồi lặng yên một lúc lâu, đôi mắt nhìn về phía những đỉnh núi đá xa tít đang nhuốm

một màu vàng ối dưới ánh chiều tà; đoạn ông thông thả nói:

“Ta sẽ kể cho cháu nghe câu chuyện của đời ta, nhưng nhớ nhé, đây là một điều bí mật. Ta chưa hề kể chuyện đời ta cho bất kỳ một ai hết; nhưng vì cháu tin ta nên ta tin lại cháu.”

Mặt Duyên ửng đỏ. Những lời nói của ông già khiến lòng nó ấm áp hẳn lên. Nỗi thất vọng của nó vì không được giải thưởng hình như cũng dịu bớt đi, không còn là một vấn đề quan trọng nữa. Được có người tin nơi mình còn tốt hơn là được trúng giải nhiều.

“Ta sẽ kể cho con nghe từ đầu,” Ông già thông thả nói. “Ta là con một, nên ta muốn gì trên đời này cha ta cũng vui lòng chiều theo ý ta. Có thể nói chưa có đứa trẻ nào trên đời này được nuông chiều bằng ta.

Ta vốn là một đứa trẻ có tài khéo, mặc dầu ta có tánh ích kỷ chỉ biết có mình. Khi lớn lên, ta kiếm làm việc nên được một chỗ làm tốt trong ngân hàng. Ta chịu khó làm việc nên được thăng chức lên đến địa vị rất cao. Ta có yêu một thiếu nữ và cưới nàng làm vợ. Thượng Đế ban cho chúng ta hai đứa con trai kháu khỉnh và, ta cũng xứng đáng được gọi là một người cha hiền, chồng tốt.

Tuy nhiên, ta giao du phải một lũ bạn xấu, chúng tâng bốc ta, mời ta đến nhà chúng chơi. Chúng ham mê ham cờ bạc và rượu chè. Ta đem lòng khâm phục chúng và học đòi lối sống của chúng. Mỗi ngày ta tiêu nhiều tiền hơn vào bài bạc rượu chè.

Ta tưởng chẳng cần phải kể lại cho cháu biết nhiều về những năm trụy lạc ấy. Chỉ biết càng ngày ta càng vắng về nhà, và buổi tối khi về nhà ta thường say khướt. Hai đứa con ta đâm ra sợ ta và chán ghét ta. Vợ ta khuyên can ta và cầu nguyện cho ta, nhưng ta chứng nào vắn tắt ấy không thể bỏ được. Con sâu rượu đã ăn vào xương tủy ta, và ta không biết có một quyền lực nào mạnh mẽ hơn ta có thể giải thoát cho ta được.

Tiền bạc của ta cứ mỗi ngày một cạn dần. Mọi người đã bắt đầu nói đến những thói hư tật xấu của ta. Ông chủ Ngân Hàng đã cảnh cáo ta hai lần, và đến lần thứ ba, khi ta bị bắt gặp đang say sưa làm náo loạn đường phố, ông liền đuổi ta. Hôm ấy ta mò về nhà tỉnh táo hơn mọi khi và kể cho vợ ta nghe tin bị mất việc. Nàng chỉ nói. “Vậy thì em phải đi kiếm việc làm thay mình. Chúng ta không thể để con chúng ta chết đói được.”

Ta đã cố kiếm một việc làm khác, nhưng vô ích. Cả tỉnh đều biết rõ đời sống bê tha của ta, nên chẳng có chỗ nào chịu mướn ta cả. Ta đã cố xoay xở kiếm tiền trên chiếu bạc, nhưng chẳng bao giờ thần tài chịu tìm đến với ta. Còn chút ít tiền để dành thế là cũng tiêu hết.

Vợ ta ngày ngày đi làm việc, đến lúc về nhà lại sẵn sóc cửa nhà, chăm nom con cái. Nhưng một mình nàng làm thế nào có thể kiếm đủ tiền để nuôi cả một gia đình. Một bữa, nàng cho ta hay là gia đình mang nợ, không có tiền trả.

Ta cần tiền quá, cần tiền để trả nợ và để mua thêm rượu uống. Bấy lâu ta làm ở Ngân Hàng, giữ

một vai trò quan trọng và được tin cậy, tất phải giúp ta giải quyết được vấn đề. Ta biết rõ đường đi lối lại trong Ngân Hàng, vậy ta còn đợi gì mà không làm một mẻ lớn. Kế hoạch của ta soạn thảo rất công phu nên đã thành công, nhưng vì ta mắc một sơ hở nên mới bị khám phá, bị bắt, bị đưa ra tòa. Số tiền ta trộm khá lớn, và vì ta không đền lại được xu nào, ta mới bị kết án tù dài hạn.

Vợ ta ngã bệnh trong hàng tháng trời. Bà đã làm việc quá sức, và hầu như chẳng ăn uống gì cả để có phần dành cho con cái. Bà đến thăm ta ở nhà tù cả thảy ba lần. Nom người bà gầy ốm xanh xao như một tàu lá úa. Sau đấy, con trai lớn của ta viết thư báo cho ta biết tin bà mệt nặng không thể đến thăm ta được. Mấy tuần lễ sau, một thầy cảnh sát dẫn ta về nhà để chào vĩnh biệt bà đang nằm hấp hối trên giường bệnh. Người ta bảo bà lao tâm lao lực quá mà chết. Nhưng ta nghĩ rằng bà chết vì cõi lòng tan nát, và chính ta đã giết bà.

Ta ngồi bên cạnh bà trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ; tay ta nắm chặt lấy tay bà. Bà nói với ta về lòng yêu thương bác ái của Đức Chúa Trời, và về sự tha thứ mọi tội lỗi. Ta ở bên cạnh bà cho tới khi bà thở hơi cuối cùng, ta mới theo người cảnh sát trở lại nhà tù.

Ta không còn nhớ rõ những gì xảy ra trong tháng sau đó. Trí giác ta như bị tê liệt. Ta như bị đắm chìm trong một niềm tuyệt vọng mênh mông. Ta chỉ còn có mỗi một niềm an ủi. Suốt đời ta, ta vẫn thích nghề tạc khắc gỗ. Trong những lúc rỗi rảnh ở nhà tù, ta được phép dùng đồ nghề để chạm khắc gỗ. Mỗi ngày ta một thêm tiến bộ. Một người gác ngục có lòng tử tế đem bán những món đồ ta làm ra cho mấy cửa tiệm trong thành phố. Nhờ đấy ta kiếm được ít tiền và để dành một chỗ. Ta nghĩ bụng một ngày kia ta sẽ được tha ra và sẽ phải làm lại cuộc đời. Ngày ấy đến sớm hơn là ta dự tưởng. Ông thống đốc cho gọi ta đến để báo cho biết tin ta sẽ được ân giảm vì hạnh kiểm tốt. Trong ba tuần lễ nữa thôi, ta sẽ được trả tự do.

Ta trở về nhà tù, lòng băng khuâng không biết nên vui hay nên buồn. Được ra khỏi nhà tù là một điều vui mừng mới phải, nhưng ta không biết phải đi đâu, ở đâu, và lập lại cuộc đời ra sao? Có một điều ta đã đoán chắc với lòng là ta không bao giờ để cho các con gặp lại ta nữa, hoặc là biết được chỗ ta ở. Hai đứa con ta đã được nội chúng nuôi nấng, và theo chỗ ta biết, chúng đã được thành người khôn lớn, đầy hứa hẹn trong đời. Ta không muốn tên ta và cái thành tích xấu xa của ta làm dơ bẩn đời chúng, di hại tới bước đường tương lai của chúng. Đối với chúng, ta nên là kẻ đã chết rồi.

Ta chỉ biết có vậy thôi, ngoài ra không biết gì nữa hết. Ông thống đốc có đề nghị giúp ta lập lại cuộc đời, nhưng ta từ chối vì ta không muốn lưu lại dấu vết cho người đời biết nơi ẩn chốn ở của ta. Ngày ta được phóng thích, ta ra khỏi nhà giam với một số tiền nhỏ trong túi, và ta đáp ngay chuyến tàu đầu tiên đi lên chỗ rừng rậm núi cao này.

Ta dừng ở lại làng này, vì ta nom thấy một người đàn ông đang khó khăn chật vật chặn giữ một

đàn bò hỗn loạn. Ta giúp người ấy lừa đàn bò trở lại hàng ngũ, và hỏi người ấy xem có công việc gì cho ta làm không.

Người ấy không có việc gì cho ta làm, nhưng chỉ cho ta nom thấy một căn nhà gỗ dựng nơi lưng chừng núi. Người ấy bảo ta hãy tìm lên trên ấy. Trên kia, người ấy nói, có một nông gia đang cần người phụ giúp, vì con trai ông đã bỏ xuống dưới tỉnh học nghề. Ông đang cần có người giúp việc thay cho con ông.

Ta không bao giờ quên được ngày hôm ấy ! Hoa dại nở đầy đồng trong lúc ta leo ngược lên đồi . Ta tìm thấy căn nhà gỗ và đã gặp ngay ông chủ nhà đang chẻ củ ngoài sân. Ta tiến lên đến trước mặt ông. Vừa mệt, vừa đói, vừa buồn bã trong lòng, ta chẳng phí thì giờ vào việc rào trước đón sau. Ta hỏi thẳng ông:

“Tôi nghe nói ông đang cần một người chăn bò, ông có vui lòng nhận tôi không?”

Ông chủ trại ngẩng lên nhìn ta từ đầu đến chân. Ông có nét mặt hiền hậu, đôi mắt nhơn từ. Ông ta hỏi:

“Anh không phải là người làng đây. Vậy anh là ai và từ đâu đến vậy?”

“Tôi từ Giơ neo đến.”

“Anh làm nghề gì?”

“Tôi chẳng làm nghề gì cả”

“Thế từ trước đến nay anh làm những công việc gì?”

Ta nghĩ quanh, định tìm cách nói dối, nhưng ông nhìn thẳng vào mắt ta, mặt ông lộ rõ vẻ ngay thẳng và hiền hậu nên ta không nỡ lòng nào nói dối ông. Ta muốn thà để ông biết rõ về ta, hoặc là chẳng biết tí gì về ta còn hơn. Nghĩ vậy ta đáp:

“Tôi vừa ở tù ra.”

“Sao ngươi lại bị nhốt trong tù?”

“Vì tội ăn trộm tiền.”

“Ta biết lấy gì làm chắc ngươi sẽ không lấy trộm tiền của ta?”

“Tôi muốn xây dựng lại cuộc đời. Tôi xin ông hãy tin tôi. Nếu ông không tin tôi, tôi xin đi ngay.”

Ông lại nhìn ta từ đầu đến chân như dò xét. Rồi ông chìa bàn tay ra cho ta nắm lấy. Ta ngồi xuống ghế bên cạnh ông và gục đầu khóc. Nhà tù đã làm cho con người ta thành yếu đuối.

Ta làm việc cho ông chủ trại ấy trong năm năm trời, từ sáng sớm đến tối mịt, ta chẳng bận bẻ với ai, mà cũng chẳng nghỉ ngơi ngày nào. Niềm vui duy nhất của ta là làm việc cho người ta yêu quý, người ta đã dang tay thu nhận ta trong khi mọi người khác xua đuổi, hắt hủi ta. Ta thường tự hỏi không biết tại làm sao ông lại cư xử như vậy, thì một đêm kia ta chợt nghe ông ta nói chuyện với người con trai vừa ở tỉnh về chơi nhơn dịp cuối tuần.

“Tại sao ba lại thuê dụng tên tù nguy hiểm ấy?” người con trai hỏi. “Việc làm của ba thật chẳng

khôn ngoan tí nào! “

“Con ạ”, ông trại chủ đáp. “Đấng Christ tiếp nhận mọi kẻ tội lỗi và chúng ta đây đều là môn đồ của Ngài.”

Về mùa hè, ta và ông chủ trại dẫn bò lên núi và ở trong căn nhà gỗ mà ta đang ở hiện nay. Cảnh núi non bình dị êm đềm như xâm chiếm hồn ta và hàn gắn những vết thương nơi ta. Đối với ta, kẻ tội lỗi, cũng như đối với ông chủ trại, bậc thánh nhân, cảnh vật không có gì khác cả. Cũng hoa nở trên sườn đồi, cũng cảnh chiều tà lộng lẫy huy hoàng, và buổi sớm mai trong mây không có gì phân biệt cả. Và ta cũng bắt đầu tin nơi tình yêu thương, lòng bác ái của Thượng Đế.

Sau bốn năm trời cùng nhau chung sống, chủ ta bắt đầu ốm yếu và ngã bệnh. Ông có đi coi bác sĩ, nhưng chẳng còn thuốc men nào cứu nổi mạng ông. Cuối năm ấy ông qua đời, để lại ta một mình bơ vơ. Cái đêm trước khi ông lìa cõi thế gian này, ông nói với ta—cũng như vợ ta đã từng nói với ta—về tình yêu thương, lòng bác ái của Thượng Đế và về sự tha thứ mọi tội lỗi.

Ông mất đi là ta mất đi người bạn duy nhất trên đời, dẫu rằng con trai của ông đối với ta cũng rất tử tế. Bây giờ anh ta giàu rồi; anh bán hết bò, nhưng để lại cho ta căn nhà gỗ này. Ta mua thêm một con dê, mấy con gà mái, nhặt nhạnh ít đồ đạc, và dọn về ở đây từ đấy đến nay.

Hiện ta chỉ có một người bạn—ông chủ tiệm ở dưới tỉnh thành là người bán các đồ gỗ ta khắc; thỉnh thoảng ông lại cho ta biết tin về các con trai ta. Nay chúng đã khôn lớn thành người và đều làm ăn khá giả; một đứa là bác sĩ, còn đứa kia là thương gia. Chúng đều không biết ta hãy còn sống và như vậy, có lẽ hay hơn. Ta chẳng có gì để cho chúng cả ngoài cái tên ta, mà cái tên ta chỉ làm giảm giá trị của chúng mà thôi.

Nhờ cuộc sống và những lời nói của chủ ta và vợ hiền ta, ta cũng đem lòng tin tưởng nơi tình yêu thương, bác ái của Thượng Đế và về sự tha thứ mọi tội lỗi. Ta không thể trả lại cho những người ta đã lấy trộm, vì ta không biết họ là ai, nhưng ta vẫn ra sức làm việc. Hiện ta đã dành được đầy đủ số tiền ta lấy trộm trước kia. Khi nào ta để dành được đầy đủ số tiền rồi, ta sẽ tìm người nào thực sự cần đến, và qua người ấy ta sẽ trả lại món nợ của ta.

Con có nói với ta là không có cách nào làm lại cuộc đời được nữa, nhưng con nghĩ vậy là lầm. Ta đã phạm tội lỗi hơn gấp cả trăm ngàn lần. Ta đã phải chịu bao nỗi thống khổ mà một đứa bé như con không thể nào biết nổi. Nhưng ta tin tưởng rằng Thượng Đế đã tha thứ cho ta, và ta đem hết thì giờ làm việc để trả lại món nợ của ta đối với nhân loại, và cố gắng trở nên một người tốt như Thượng Đế muốn ta trở thành. Ta chỉ có thể làm được như vậy mà thôi. Quá khứ, chúng ta phải giao lại cho Thượng Đế.”

Con dê lò bò tiến lên chỗ ông già đang ngồi và ngã đầu trong lòng ông; nay nó húc khe khẽ để nhắc nhở ông đã tới giờ vắt sữa, Duyên đứng dậy ra về.

Nó bước đi chậm chạp, thông thả. “Ta sẽ dùng hết thì giờ để chuộc lại lỗi xưa... sẽ cố gắng trở nên một đứa trẻ ngoan như Thượng Đế muốn ta trở thành.” Nó suy nghĩ rất nhiều về chuyện ấy đến nỗi nó hầu như quên khuấy đi việc nó không trúng giải. Nay việc này không còn làm cho nó bận tâm nữa. Phải, nó không thể trả lại cho bé Danh cái chân lành, nhưng một ngày kia nó sẽ có cơ hội để làm một cơ hội lớn lao cho bé Danh. Phần khác, nó sẽ cố gắng để trở thành một đứa trẻ ngoan ngoãn hơn. Chẳng hạn như việc má nó—mà nó đang buồn rầu vì chuyện con ngựa của nó bị giẫm nát. Nó sẽ can đảm để tỏ cho má nó thấy rằng nó không bận tâm đến việc ấy nữa, và như vậy má nó sẽ vui vẻ trở lại.

Khi rời khỏi cánh rừng, nó nhìn thấy những đốm sáng màu cam hiện ra nơi cửa sổ nhà nó, những đốm sáng vui vẻ mời chào lấp lánh trong buổi hoàng hôn mùa hạ. Tiếng dế đã vang lên ngoài đồng, và mùi cỏ mới bốc hương thơm ngọt. Mặt trăng hình lưỡi liềm lơ lửng trên nềm trời phía bên trên những rặng thông đen kịt—thật đúng như ông già đã nói—cảnh đẹp đêm trăng hiện ra chung cho những đứa trẻ tốt cũng như những đứa trẻ xấu, không phân biệt. Duyên lệ làng chạy lên bậc thềm nhà. Nó hôn má nó lúc ấy đang đứng chờ nó ngoài bao lơn. “Má ơi, con đói rồi”, nó vui vẻ nói. “Má có để dành phần ăn cho con đấy không?” Nó ngồi vào bàn, và ngược mắt nhìn lên má nó qua tô súp nóng hổi, nó mỉm cười. Má nó cũng mỉm cười đáp lại, vẻ mặt rạng rỡ.

Chương 6

Sáng hôm sau, ánh mặt trời đã đánh thức Danh dậy. Nó nằm yên trong mười phút, cố nhớ lại những gì trọng đại sắp xảy ra ngày hôm ấy. Khi nhớ ra, nó liền ngồi nhồm dậy, lớn tiếng gọi An: “Chị An à”, nó kêu lên, “lại đây mau! Hôm nay em đi xem chị lãnh thưởng đây! Chị lấy cho em bộ đồ nhung đen đẹp nhất ấy, cả cái dây đeo quần có thêu hoa ấy. Mau lên chị!” An nằm nơi giường kê ở đầu cầu thang. Nó giả bộ như không nghe thấy gì. Để cho bé Danh kêu đến bốn năm lần, nó mới chịu ngồi dậy.

“Nín đi Danh”, nó quát có hơi nặng lời. “Tao không chắc chiếm được giải thưởng đâu, mà ừm ừm có nói bậy. Vả lại bây giờ còn quá sớm, đã ăn bận gì được đâu – Ba vừa mới dậy thôi mà.” Bé Danh thở dài. Nó lại nằm xuống, nhưng lòng náo nức quá nó không thể giữ mồm miệng cho

yên được. Nó kéo con Mướp vào giường rồi thì thầm vào lỗ tai trắng tinh của con mèo:

“Mướp này, mi biết không, ta sẽ đi bằng xe. Ta sẽ coi hết thấy các món đồ dự thi, nhưng chẳng có món nào đẹp hơn món của chị An ta hết. Ta sẽ coi chị ta lãnh thưởng, và ta sẽ vỗ tay thật to. Ta sẽ mang những dây đeo quần đẹp nhất...”

Con Mướp cựa mình ngáp. Thằng Danh cũng ngáp. Trời hãy còn sớm quá mà. Một lát sau lúc con An đi xuống, nó thấy Danh và con Mướp đang nằm cuộn tròn ngủ say trong ánh nắng mặt trời.

Một giờ rưỡi sau, mọi người lên đường. Bé Danh vận bộ đồ nhung đen nó vẫn mặc ngày Chủ Nhật, và mang dây đeo quần có thêu hoa. Ông Bình kéo chiếc xe. An bước đi cạnh ông, thần thờ và hơi cúi kính.

Một buổi sáng đặc biệt như buổi sáng hôm nay mà sao chị An nó lại coi bộ buồn bã thần thờ như vậy? Trên cao, mặt trời chói sáng; dưới đất, dòng sông lấp lánh ánh vàng; chị nó hôm nay lại đi lãnh thưởng. Như vậy, đáng lẽ chị nó phải vui vẻ mới phải chứ. Riêng phần nó, nó chẳng bao giờ buồn rầu cúi kính cả, trừ lúc nó bị đau chân quá.

“Chị bị đau bụng hả?” Bé Danh đột nhiên hỏi An.

“Đâu có! Mày đừng nói bậy!” An gắt gỏng đáp. “Tao làm gì mà bị đau bụng chứ?”

“Em cứ ngỡ chị bị đau bụng”, Danh nói. “Ô, chị coi kìa, có một con bướm màu xanh đang đậu trên giày em.”

An chẳng buồn quay lại để nhìn con bướm. Nó tiếp tục đi, mắt nhìn xuống đất. Chẳng biết chuyện gì đã làm cho nó không vui ngày hôm nay?

Khi gia đình ông Bình tới nơi, thì trường học đã đầy người. Các bàn được xếp đồng một bên. Các tác phẩm dự thi được bày trên một dãy bàn dài, nom thật đẹp mắt. Phụ huynh học sinh đi quanh ngắm nghía trong lúc các học sinh chen chúc nhau, xô đẩy nhau, miệng nói liên thoắng, tay chỉ chỗ huyền thuyên.

Có riêng một chiếc bàn bày các món đồ đan màu sắc rực rỡ; một chiếc bàn bày các món đồ thêu màu sắc tươi sáng; và một chiếc bàn bày các hàng đăng ten diêm dúa. Phía bên kia là chiếc bàn bày những món thủ công bằng gỗ của nam sinh, những hình tượng chạm khắc công phu.

Bé Thạch, con trai người phát thư ở bưu điện đứng sát cạnh tác phẩm thủ công của nó, hai mắt sáng ngời đầy tin tưởng. Tác phẩm của nó đưa dự thi là một bình đựng mực làm bằng gỗ có tạc hình một con gấu đứng trên miệng bình. Miệng bình hơi cong một chút, và sườn con gấu không được đều nhau, phía bên này mập hăn hơn phía bên kia. Tuy nhiên, người ta vẫn nhận ra ngay là hình con gấu, và đối với một đứa trẻ vào tuổi nó thì đấy cũng là một món đồ thủ công khéo léo rồi. Thạch là một đứa bé ngoan. Nó hơi đỏ mặt e thẹn nhìn đi chỗ khác khi các bạn nó vỗ vai

nó, trầm trồ khen ngợi. Tuy nhiên, trong lòng nó rất kiêu hãnh với con gấu nó làm ra. Nó ngẩng lên mỉm cười nhìn má nó lúc ấy đang bước qua phòng, tiến về phía nó.

Duyên cũng có mặt ở đấy, như thường lệ lang thang vơ vẩn một mình, vì má nó bận việc làm cỏ khô không đến trường được. Nó buồn rầu nhìn cái bình mực của Thạch và so sánh con gấu nặng nề thô kệch với con ngựa nhẹ nhàng uyển chuyển của nó. Nếu không xảy ra vụ con ngựa của nó bị rút gãy, các trẻ con khác hôm nay đã xúm quanh mình nó chứ đâu có xúm quanh mình Thạch. Nó cảm thấy căm tức Thạch vô cùng, vì Thạch khôn khéo, lại khôi ngô, giỏi thể thao, và nay lại sắp lãnh cái giải thưởng đáng lẽ thuộc về nó. Nó lặng lẽ lảng ra một góc phòng và đứng đó buồn bã nhìn đám đông.

Đứng giữa một đám bạn bè nói cười huyên náo, An giữ im lặng kỳ lạ. Có đứa cho rằng nó sẽ đoạt giải, nhưng lại có đứa ủng hộ Lan. Đứa đoán thế này, đứa đoán thế kia, đứa chạy đi, đứa chạy lại, có mấy đứa chụm đầu vào nhau thì thầm, lại có mấy đứa cãi nhau chí choé. Chỉ có mình An, mọi khi vui vẻ liến thoắng, lạ thế thì nay lại chẳng nói gì cả.

Bé Danh nắm chặt lấy tay cha nó, khắp khiêng đi một vòng quan sát mọi vật. Nó đi tới đâu cũng được mọi người nhường bước và hỏi han ân cần. Sau khi đã nhìn ngắm đủ thứ, nó tới đâu cũng được mọi người nhường bước và hỏi han ân cần. Sau khi đã nhìn ngắm đủ thứ, nó tới đứng ngay đầu bàn sát cạnh chiếc áo đan chị nó đưa dự thi. Nó đứng đấy để chờ sẵn lúc xướng danh người trúng giải. Vì còn bé quá, nó bị cái bàn che gần khuất người, chỉ để lộ có mớ tóc rối và đôi mắt xanh biếc mở lớn đầy háo hức, nôn nóng.

Cánh cửa đột nhiên mở ra. Đám đông đang chuyện trò huyên náo bỗng nín bặt. Nhân vật từ dưới thành phố bên hồ đã tới nơi để chấm giải. Học sinh và phụ huynh yên lặng đứng sát bên trong khi nhân vật mới bước thông thả chung quanh dãy bàn, nhặt từng món lên ngắm nghía. Nhiều món được ông nhiệt liệt khen ngợi, còn những món kia cũng không bị ông chê món nào. Ông nói ông ở nhà tới đây yên chí là được xem những tác phẩm thủ công đặc sắc, và nay ông rất lấy làm hài lòng. Ông mở xem những tập bài làm của học sinh chất thành đống ở trên một cái bàn để xa tít tận cuối phòng và nói về việc học hành của các em. Ông là người điềm đạm, nhã nhặn, nhưng có điều ông chậm chạp quá. Tất cả học sinh đều đang nôn nóng muốn biết ai là người sẽ đoạt giải đây?

Nay giờ phút quan trọng đã đến. Phần nữ sinh được quyết định trước. Mọi người thấy ông tiến tới chỗ món hàng đăng-ten của chị Măng và cầm lên ngắm nghía kỹ lưỡng. Đoạn, ông quay lại chiếc áo đan của An, nhặt lên, lật đi lật lại trên tay ra chiều suy nghĩ. Tiếng ruồi bay cũng nghe thấy rõ.

Vào giữa lúc ấy, đột nhiên có tiếng nói cất lên, giọng trong trẻo rõ ràng là của con nít: “Áo ấy của chị cháu đan đấy!”

Vị chủ khảo giật nảy mình, đưa mắt nhìn về phía đầu bà. Một khuôn mặt bụ bẫm, xinh xinh, đang ngẩng về phía ông. Trên khuôn mặt ấy ông đọc thấy rõ vẻ hy vọng nồng nàn tha thiết. Không hiểu sao trong giây phút, ông chợt nghĩ đến hình ảnh một cây giẻ gai đang đâm chồi nảy lá trong ánh nắng ban mai.

“Nếu thế thì chị cháu giỏi lắm”, ông trầm tĩnh đáp, sau giây phút yên lặng. Mắt ông lúc ấy mới nhìn thấy cặp nạng gỗ.

“Có phải cái áo ấy đẹp nhất không ông?” bé Danh vẫn sốt sắng nói, không hề biết rằng mọi người trong phòng đang lắng tai nghe nó. Thực ra, lúc ấy nó chẳng để ý đến việc gì hết, vì lòng nó đang nôn nóng muốn chị nó trúng giải.

Cứ thật tình mà nói, lúc bé Danh mới cất tiếng nói, vị chủ khảo chưa quyết định hẳn ai sẽ trúng giải; nhưng nay ông bỗng không phân vân, do dự nữa. Ông không ngờ rằng chính bé Danh đã quyết định hộ ông.

“Phải, ta cũng nghĩ vậy, cái áo đẹp nhất thật”, vị chủ khảo nói. Ông vừa dứt lời, bé Danh đã quay mình trên đôi nạng nhìn về phía chị nó. Lúc ấy An đang đỏ bừng mặt, mắc cỡ vì những lời nói lạnh chanh của em trai mình.

“Chị đoạt giải rồi, chị An ơi!” bé Danh kêu lớn làm cho mọi người phải bật cười, rồi cùng nhau vỗ tay mừng. Thế là người đoạt giải về phụ nữ đã được tuyên bố trong một hoàn cảnh thật bất thường và bất ngờ.

Về phía con trai thì người đoạt giải là Thạch. Trước khi trao giải, vị chủ khảo có đọc một bài diễn văn khá dài, nhưng chẳng một đứa bé nào để ý nghe. Kế đấy là tiệc trà với đủ thứ bánh kẹo ngon mà trẻ con hằng ưa thích. Sau tiệc trà, Thạch được các bạn xúm xít đưa về nhà. Chúng chơi nhảy cừu ở công viên, và Thạch được các bạn mua kẹo súc-cù-là mời ăn để thưởng công nó. Về nhà, nó còn được má nó dọn cho ăn những món đặc biệt nên cả đêm hôm ấy bụng nó ọc ạch.

Duyên xuống dưới làng để lấy bánh mì. Lúc nó đi trở về qua trường học, nó thấy sân trường vắng tanh; tất cả học sinh đều đã về nhà. Nó một mình lủi thủi leo lên đồi, hai vai sụm lại, mắt nhìn dán xuống đất.

Không phải sức nặng của cái giỏ bánh mì nó đeo trên lưng làm người nó còng lại như một ông già, mà chính vì nỗi sầu thảm nó mang trong lòng. Tại sao có ngày thấy dễ can đảm, phấn khởi lạ thế, mà có ngày nó chỉ thấy giận hờn, ghen ghét nặng trĩu trong lòng? Hôm qua, lúc ở nhà ông già trên núi về, nó đã nghĩ nó sẽ không bận tâm đến việc Thạch trúng giải, nhưng hôm nay sao nó thấy căm tức Thạch quá. Ông già nói về nỗ lực để trở thành người hiền tốt như Thượng Đế đã muốn ta trở thành. Nhưng nó thấy hình như không thay đổi được con người nó, dầu nó có cố gắng đến đâu.

Tuy nhiên, ông già đã đổi khác, và Duyên bản khuôn tự hỏi không hiểu bằng cách nào. Ông già đã nói về Thượng Đế, có lẽ Thượng Đế có thể làm cho người xấu trở thành tốt nếu người ta kêu cầu đến Ngài. Duyên tự nghĩ nó không hiểu biết nhiều về Thượng Đế, nhưng dù sao chắc Thượng Đế cũng giận nó lắm vì nó đã ác độc với bé Danh.

Nhưng có thực Thượng Đế yêu thương nó nhiều lắm không? Chắc không khi nào Ngài lại vội vàng tha thứ cho một tội ác như việc nó đã làm? Và dù cho Thượng Đế có tha thứ cho nó, người khác cũng chẳng ai tha thứ cho nó đâu? Nó lại cảm thấy buồn khổ vô cùng, và không nhin được, nó tức giận, đá vào những hòn đá trên lối đi.

Lúc ấy nó đã đi tới chỗ đường rẽ, một đường dẫn tới chỗ nhà ăn ở cách đây không xa, và đường kia dẫn về nhà nó. Tai nó thoáng nghe tiếng trẻ con đang ca hát khiến nó quay đầu lại.

Bé Danh và con mướp đang lúi húi trong đồng cỏ mới hái, giống như đôi chim đang nằm gọn trong tổ. Đầu bé Danh đang cúi xuống như đang mãi nhìn ngắm vật gì trong lúc miệng vui vẻ khe khẽ ca. Đôi nạng của nó để nằm trên mặt đất bên cạnh nó.

Được thúc dục vì thấy mình cô quạnh quá, Duyên tiến lên một bước và đứng nhìn. Đột nhiên, mặt nó tươi lên, hai má ửng đỏ, miệng khẽ hít hà. Một niềm khoái cảm dâng lên trong lòng nó, vì nó nhìn thấy bên trong đồng cỏ mà bé Danh làm như một cái ổ có hình những con vật bằng gỗ nó đã cố công tạc khắc cho bé Danh.

“Như vậy là nó có đưa cho em nó,” Duyên nghĩ thầm, lòng hân hoan rạo rực. “Và Danh cũng thích chúng nữa!”

Nghĩ đến đây nó liền cất tiếng hỏi, “Danh đang chơi cái gì thế?”

Bé Danh giật nảy mình, ngẩng nhìn lên. Khi nhận ra Duyên là đứa trẻ định giết con Mướp của nó, phản ứng đầu tiên của nó là ôm chặt lấy con Mướp như để che chở, miệng thì nói: “Cút đi, đồ ác độc!”

Nhưng vừa nói xong, nó nhận ngay thấy vẻ buồn rầu hiện trên nét mặt Duyên, đầu bé Danh chỉ mới có năm tuổi. Và nhìn thấy người khác buồn rầu đau khổ là điều trái tim hồn nhiên thơ ngây của nó không thể nào chịu đựng nổi. Vì thế, tuy vẫn ôm chặt con Mướp lúc ấy đang cố vùng vẫy thoát ra, nó ngập ngừng nói sau giây phút im lặng:

“Em đang chơi với những con vật Nô-ê bà Tiên cho em, nhưng chị An dặn em không được nói chuyện với anh.”

Duyên dịu dàng và ngọt ngào đáp, “Nhưng anh có làm gì em đâu! Anh rất buồn về chuyện cái chân của em, vì thế anh mới làm những con vật ấy cho em đó.”

“Đâu có phải anh làm,” bé Danh hớn hờ tiếp, “Em tìm thấy ở sau đồng củi kia mà—các bà Tiên đã để chúng ở đấy đó.”

Duyên vừa định trả lời thì có tiếng An nói vọng ra từ cửa nhà, giọng tức tối giận dữ.

“Danh”, An quát, “vô nhà ngay, cơm đã dọn rồi đấy”

Duyên buồn rầu quay đi. “Thế ra không phải nó nói cho em nó biết, “ nó chưa chát nghĩ thầm. Tuy nhiên, được bé Danh yêu thích những con vật nó làm cũng khiến nó vui vui trong lòng. Một ngày kia nó sẽ có cơ hội để giải thích, và lúc ấy có lẽ bé Danh với nó sẽ lại thân mật như cũ. Nó leo theo con đường đồi nằm giữa đồng cỏ, lòng cảm thấy phần nào được an ủi.

Bé Danh khập khểnh bước vào bếp leo lên ghế ngồi, lắc lắc cái bụng đói rỗng tuếch còn mũi thì hít hà mùi thơm của món súp khoai do Nội nó nấu.

“Chị An nè”, Danh nói, “Duyên nó bảo là nó làm những con vật Nô-ê cho em đấy, nhưng đâu có phải, phải không chị? Chính các bà Tiên đã để chúng sau đồng củi, phải không chị? Duyên chỉ nói láo, phải không chị?”

“Chị đã bảo em không được nói chuyện với Duyên cơ mà”, An nói, giọng hơi xẵng. “Rồi nó sẽ hại em nữa cho mà xem. Thằng ấy gớm khiếp lắm.”

“Nhưng em chỉ nói với nó có một tí ti thôi mà”, bé Danh đáp, “nhưng nè chị, đâu phải nó làm những con vật ấy, phải không chị? Chị hãy nói cho em biết đi.”

An ngập ngừng, nó vốn là đứa trẻ chân thật, nó không muốn nói dối. Nhưng nếu Danh biết được sự thật, Danh sẽ biết ơn Duyên và sẽ tha thứ cho Duyên ngay. Nó sẽ tìm đến cảm ơn Duyên và lúc ấy hai đứa lại sẽ thân mật với nhau. An biết tính em nó lắm. Ngay đến bây giờ cũng khó làm cho bé Danh thù hận thằng Duyên chứ đừng nói đến khi nó biết rõ sự thật về những con vật kia nữa.

“Mày đã biết rõ là mày tìm thấy chúng trong đồng củi”, An đáp, mắt nhìn đi chỗ khác, “như vậy, sao còn có chuyện Duyên làm ra chúng được nữa? Mày thật ngớ ngẩn quá!”

“Nó bảo nó làm ra những con thú ấy;” bé Danh nói, “nhưng em biết không phải nó làm. Chắc hẳn là những bà Tiên đấy chị ạ! Có phải thế không chị?”

“Chị không biết”, An gắt. “Hôm nay em thật lắm chuyện quá! Ăn súp cho mau đi kéo nguội hết cả rồi.”

Bé Danh ngoan ngoãn cúi đầu xuống ăn. Nhưng Nội nó chăm chăm nhìn vào mặt An. Tuy tuổi già mắt kém nhưng Nội nó còn nhìn thấu sự đời hơn mắt nhiều người khác. Nội nó đã nghe hết những câu trao đổi giữa An và bé Danh và bà đang nghĩ ngợi về những con thú tìm thấy trong đồng củi.

An biết rõ Nội đang chăm chú nhìn nó. Mặt đỏ bừng, nó đi lại phía bếp lò giả bộ múc thêm ít súp nữa. Nó chỉ múc có một ít thôi, vì thật ra bụng nó không thấy đói chi cả. Các ngày mà nó trông chờ bao lâu nay đã thành ra hồng mất. Nó đã đoạt được giải thưởng mà nó ao ước ngày đêm, nhưng sao nó chẳng thấy vui thích gì cả. Trái lại, nó còn thấy bức bối, khổ sở nữa. Nó lẳng lặng rửa chén đĩa rồi xếp dọn đâu vào đấy. Bé Danh đã thiêu thiêu ngủ. Nó khẻ hôn em nó

rồi lên bước ra ngoài trong bóng hoàng hôn mờ nhạt. Nó vẫn thường thích sống một mình những buổi chiều tà mùa hạ—chỉ có nó và những dải núi lam im lìm bất động – để được tự do ngắm cảnh vật lúc chiều tà, tự do nghĩ ngợi hay chơi đùa, hay đi dạo đó đây.

Nhưng tối nay có gì đổi khác. Tiếng suối reo róc rách và tiếng dế tí tê ngoài đồng hình như không còn là những tiếng thân mật quen thuộc nữa. Cả cánh đồng trùm trong bóng tối cũng có vẻ cô quạnh hãi hùng. An không muốn vẫn vơ suy nghĩ, vì cứ động suy nghĩ là trong óc nó nảy ra hình ảnh con ngựa bị giẫm gãy từng mảnh trên đất và vẻ tươi sáng trên mặt bé Danh lặn mất khi bị nó cau có gắt gỏng.

“Có lẽ ta sẽ chẳng bao giờ còn thích có những giờ phút sống một mình nữa”, An buồn rầu nghĩ trong lúc quay đầu trở về nhà. “Ước gì ta có thể kể lại được với ai! Khi ấy có lẽ sẽ đỡ khổ sở hơn. Ước gì má còn sống; ước gì, ước gì, ước gì ta đừng có làm việc ấy!”

Chương 7

Hết hạ sang thu. Bò đã được đưa từ đồng cỏ trên núi về nhà, và mùa gặt hái thứ nhì cũng đã làm xong. An kéo chiếc xe chở bé Danh lên tận các bụi giẻ, và hai chị em hái được mấy thúng đầy trái giẻ. Bé Danh lớn rất mau; vào tháng mười, người thợ giày trong làng đã phải làm cho nó một đôi giày mới. Ngoài ra hàng ngày nó còn đi học ở trường Mẫu giáo, và ông Bình phải trả cho hai cậu thiếu niên mỗi cậu một quan mỗi tuần để kéo xe nó từ trường về nhà.

Giờ lại sắp đến mùa lễ Giáng Sinh, mái nhà bị tuyết phủ kín dày có đến ba tấc. Ông Bình phải đào một lối đi từ cửa chính ra tới tận con đường dành cho xe trượt tuyết. Nước suối đã đóng thành băng nên không còn có tiếng róc rách nữa; những miếng băng nhỏ treo rủ từ trên các phiến đá nom giống như lưỡi kiếm lóng lánh. Mỗi sáng An và Danh đi học lúc trời còn tờ mờ ánh sao, nhưng lúc chúng trở về thì bầu trời xanh biếc, tuyết trắng phản chiếu ánh mặt trời óng ả như kim cương.

Lễ Giáng Sinh là một thời gian đặc biệt đối với bé Danh, vì bao việc quan trọng trong đời nó đều xảy ra vào dịp Giáng Sinh. Má nó mất vào đêm áp lễ Chúa Giáng Sinh, và tuy nó không được biết má nó, để mà nhớ mà thương, nhưng nó cũng vẫn cảm thấy một mối buồn man mác trên mặt ba nó và tự nhiên nó cũng cảm thấy thương mến ba nó và chị An nó nhiều hơn. Má nó mất

đi, nó được nội và chị An nó hết lòng chăm nom săn sóc như một người mẹ, nên không bao giờ nó thấy thiếu tình mẫu tử. Chỉ có một lần nó nghĩ tới má nó là khi Nội nó đọc cho nó nghe về Thiên Đàng kể trong Kinh Thánh. Từ đấy nó thường nhìn lên bức ảnh trên tường và nghĩ rằng đến lúc mà nó được lên trên ấy, nó sẽ nhìn thấy khuôn mặt dịu dàng hiền hậu kia – giống hệt của chị An nó – đang đứng tươi cười chờ đón nó.

Lễ Giáng Sinh cũng là ngày sinh nhật của nó nữa. Năm nay nó vừa tròn sáu tuổi. Từ lâu, nó đã nghĩ nhiều đến lúc nó lên sáu tuổi, và nó trông đợi cái buổi sáng áp ngày Lễ Giáng Sinh nó sẽ thức giấc dậy hoàn toàn là một đứa trẻ khác hẳn. Vì vậy, trong khi nằm ấm áp trên giường trong gian phòng còn đầy bóng tối, nó hơi thất vọng khi thấy nó chẳng lớn hơn, hay mạnh hơn, hay oai phong hơn ngày hôm qua tí nào cả. Sau đấy nó nhớ ra rằng ngày hôm nay nó sẽ đi đến nhà thờ để coi cây Giáng Sinh, và Nội nó đã làm cho nó một cái bánh đặc biệt để ăn mừng sinh nhật nó.

Phước hạnh nhất là hôm nay là ngày sinh nhật Chúa Giê-xu Christ nữa, và tuy bé Danh không nói nhiều. Nó thấy trong lòng hân hoan sung sướng vì được biết rằng ngày nó sanh trùng với ngày Hải Nhi tuyệt bích ra đời.

“Không biết cháu nên tặng quà sinh nhật gì cho Chúa Giê-xu, hả bà?” bé Danh vờ chống tay lên đùi Nội vừa ngược lên hỏi Nội nó.

Nội nó đang đan, nghe hỏi liền đáp, “Thì cháu có thể dâng hiến đời cháu cho Ngài. Cháu cũng có thể cầu xin Ngài khiến cháu thành đứa trẻ dễ thương, biết ngoan ngoãn vâng lời. Như vậy Ngài sẽ vui lòng hơn cả.”

Vâng theo lời Nội nó, trong suốt ngày Giáng Sinh, bé Danh cố gắng chứng tỏ mình là đứa bé ngoan ngoãn dễ thương để làm vui lòng Đấng Christ mà nó có vinh hạnh được sanh cùng ngày. Tất cả mọi người trong gia đình đều được nó săn sóc để bày tỏ tình yêu thương. Nó xếp dọn lại ngăn nắp cái hộp đựng đồ khâu đan của Nội nó. Nó lau đĩa chén giúp chị An nó. Buổi trưa nó lần lượt đi thăm các con bò ở chuồng, và ghé tai từng con thì thầm lời chúc mừng Giáng Sinh. Buổi chiều tối, lúc quỳ xuống cầu nguyện, nó khẽ nói, “Lạy Chúa Jê-sus, con mong rằng con đã làm vui lòng Ngài ngày Sinh Nhật.”

Cũng như mọi đứa trẻ ngoan bao giờ cũng vui sướng, bé Danh được hưởng một ngày sinh nhật hoàn hảo. Buổi tối, đến lúc mặc đồ ấm để xuống nhà thờ dự lễ, chén hạnh phúc của nó đầy tràn đến nỗi nó tưởng chừng không còn chỗ nào để chứa thêm một giọt nào nữa.

Trước hết là cuộc xe trượt tuyết đi xuống nhà thờ. Nó ngồi ép mình giữa ba nó một bên chị An một bên. Gió thổi lạnh buốt khiến mũi tê cứng như không còn cảm giác nữa. Dưới ánh trắng sáng, những rặng núi tuyết phủ hiện ra một màu trắng bạc. Cây trong rừng bị tuyết đè trĩu xuống, và khi chiếc xe trượt tuyết lướt qua, những cành ấy rung rinh làm những bông tuyết

rụng lá tả trên mặt tuyết băng nghe như tiếng vĩ cầm bất tận, và vòng tay của chị An ôm ngang lưng nó mang lại cho nó một cảm giác êm đềm ấm áp giữa cảnh đêm khuya gió lạnh và giữa vùng trời bao la núi bạc.

Xe ra khỏi rừng, vượt qua một cây cầu nhỏ lắc lư, băng qua một cánh đồng chót là nhìn thấy ngôi nhà thờ hiện ra ở xa, với hàng trăm ngọn nến chiếu ánh sáng hồng lung linh qua khung cửa và cửa sổ, và những hình bóng dân làng đang chào hỏi nhau nơi thềm cổng chính. Bé Danh được ba nó bế đưa lên ngồi trên dãy ghế dài ở hàng đầu, cùng chung với những đứa trẻ khác của trường Mẫu giáo – ba chục em nhỏ sắc mặt hồng hào đang há hốc miệng nhìn cây Giáng Sinh dựng ở trước mặt. Mới cách đây ba ngày thôi, cây này còn bị sức nặng của tuyết đè trĩu xuống trong cánh rừng già gần nhà bé Danh. Nay nó đã được trang hoàng lộng lẫy với những bóng đèn màu, những hình ngôi sao lấp lánh, kèm theo những chùm cam, những gói kẹo súc cù là, và những chiếc bánh gừng nặn hình con gấu sáng chói.

Vị mục sư già trèo lên bục giảng. Ông làm mục sư ở làng này đã được bốn mươi lăm năm trời và được tất cả mọi người cảm mến. Lưng ông hơi còng, da ông rám nắng, vì ông vẫn còn leo lên núi để thăm những con chiên ở rải rác bất kể lúc trời mưa hay nắng. Râu ông thật dài và bạc trắng đến nỗi bé Danh, đầu còn tơ tưởng đến cây thông Giáng Sinh, đã lẫn lộn ông với ông già Nô-En, và thắc mắc tự hỏi không hiểu sao ông lại không mặc chiếc áo màu đỏ thay cho màu đen.

Vị mục sư già đứng từ trên bục nhìn xuống đám người mà ông hằng yêu thương quen thuộc tên từng người một như người trong gia đình. Năm nay ông đã già lắm rồi – đây có thể là bài giảng Giáng Sinh cuối cùng của ông. Ông cầu Chúa giúp ông nói lên được những lời mà mọi người sẽ ghi nhớ mãi mãi không quên.

An thần thờ nghe kể câu chuyện mà nó đã hiểu biết tường tận. Lúc ấy óc nó đang vờn nghĩ đến đâu đâu. Chợt những lời nói nhắc đi nhắc lại chủ vị mục sư già lọt vào tai nó, những lời nói đã từng ám ảnh nó mỗi mùa Giáng Sinh:

“Không có chỗ cho họ.....” – không có chỗ cho Ngài!”

Vị mục sư lặp đi lặp lại câu ấy ba lần, thông thả chậm rãi theo lối nói của những người già. Mỗi lần An lại tưởng chừng như lời ấy vang lên sâu thẳm hơn. Đáng lẽ nó phải mau mau mở cửa ra mới phải!

“Ấy vậy mà”, vị mục sư già nói tiếp, “Đêm nay Cứu Chúa vẫn còn đứng ở bên ngoài những cánh cửa khép kín – vẫn còn những tấm lòng không có chỗ cho Ngài. Và đây lời Ngài phán:

“Này, ta đứng ngoài cửa mà gõ; nếu ai nghe tiếng ta và mở cửa cho, thì ta sẽ vào...”

“Lễ Giáng Sinh này, các bạn sẽ làm gì đối với Ngài? Các bạn có vui lòng mở cửa, hay các bạn cứ để Ngài đứng mãi bên ngoài? Có phải những lời nói đáng buồn kia là để nói về các bạn không,

“Không có chỗ cho Ngài?”

“Ta cần phải mời Ngài bước vào”, An nghĩ. “Không hiểu như vậy là ý nghĩa thế nào. Vị mục sư nói về việc mời Chúa ngự vào lòng chúng ta. Không biết mình có thể mời Ngài ngự vào lòng mình được không.”

Lúc ấy Anh cho rằng đấy cũng là một ý nghĩ hay hay, và nhìn quanh để xem mọi người khác có nghĩ như nó không. Lúc nó quay đầu nhìn quanh, nó chợt nhận ra Duyên đang ngồi cùng với má nó và chị nó ở cánh bên kia giáo đường.

Vừa nhìn thấy Duyên, An nhận ngay ra nó không thể mời Chúa ngự vào lòng nó, vì lòng nó đang chứa đầy hận thù đối với Duyên. Dĩ nhiên, Cứu Chúa không khi nào ngự vào lòng một kẻ đang chứa đầy hận thù, một tấm lòng không tha thứ. Chỉ có hai đằng nó phải chọn một: hoặc nó phải sẵn sàng tha thứ, gạt bỏ mọi ghen ghét, hận thù, hay nó đành phải để cho Chúa Jêsus Christ đứng chờ đợi bên ngoài.

Lúc này nó chưa muốn tha thứ, chưa muốn tha thứ được. Chưa phải lúc.

Ngoài ra, còn có một việc khác nữa. Nó đã làm gãy con ngựa gỗ của Duyên và cố tình để Duyên tưởng lầm là tại con mèo; nó đã làm cho Duyên mất trứng giải. Nếu Chúa Jêsus ngự vào lòng nó, Ngài tất sẽ phải nói một cái gì về chuyện ấy.

Bài giảng đã chấm dứt, nhưng An chẳng nghe được bao nhiêu, vì lòng nó đang nghĩ ngợi vu vơ. Nó mãi nghĩ ngợi đến nỗi bé Danh phải đứng dậy đi lấy con gấu.

Mọi người rì rầm trò chuyện trong giáo đường. Những em nhỏ nối đuôi nhau tiến lên phía cây Giáng Sinh. Ông Lễ, thợ rừng, đứng ra phân phát gấu. Bé Danh giật mạnh tay áo ông rồi chỉ lên con gấu ở chỗ cao nhất đang hả hoác miệng cười với ngôi sao Giáng Sinh.

“Lấy hộ cháu con kia, ông ơi”, nó khẽ nhắc, “cái con ở cao tít trên kia kìa, ông lấy hộ cháu con ấy, đi ông!”

Vì nhìn thấy cặp nạng, và vì là ngày Giáng Sinh nên ông Lễ phải hì hục mang thang ra, dẹp đám trẻ con; dẹp luôn cả những bóng đèn màu ở dưới thấp để lấy chỗ leo lên gỡ con gấu đem xuống cho bé Danh. Dưới ánh sao sáng, tên suối quăng đường về nhà, bé Danh ôm chặt lấy con gấu mà nó đã lựa chọn; mỗi lần nó nhìn xuống con vật đang toét miệng cười, nó lại khoái chí chắt lưỡi như thể giữa nó và con gấu đang treo đối với nhau một chuyện gì lý thú lắm mà người ngoài không ai biết được.

Chương 8

Ngày Lễ Giáng Sinh đã qua. Bé Danh đang ngủ say; nó nằm nghiêng, đầu gối lên cánh tay. Ba nó ở đằng chuồng bò. Chị An và Nội ngồi ở hai bên cạnh lò. Nội đang đan vớ len màu trắng cho hai chị em nó, còn An thì tưởng chừng như đang vá lại cái tạp dề. Thực ra cái tạp dề đã tuột xuống đất từ lúc nào An cũng chẳng biết, vì lúc ấy nó đang hai tay chống cằm nhìn vào khoảng trống không trước mặt.

“An à”, Nội đột nhiên gọi, mắt vẫn không rời khỏi món đồ đan, “Lễ Giáng Sinh năm nay có vui không cháu?”

“Vui lắm Nội à”, An đáp một cách gượng gạo, vì nó biết nó không trả lời khác hơn. Rồi đột nhiên nó tiếp, “Cầu nói Đấng Christ gõ cửa lòng chúng ta có nghĩa là gì vậy, Nội?”

Nội đặt món đồ đan xuống, rồi chú mục vào An, Nội giảng, “Câu ấy có nghĩa rằng Cứu Chúa nhìn thấy cuộc đời của cháu đầy những việc sai lầm và những tư tưởng đen tối. Ngài xuống thế gian, chịu đóng đinh trên Thập Tự giá để có thể gánh thay cho cháu những hình phạt do việc làm lỗi lầm và những tư tưởng đen tối của cháu gây nên. Rồi Ngài sống lại để có thể ngự vào cuộc đời cháu và sống ở trong cháu, để xua đuổi tất cả những tư tưởng sai lầm kia và chính Ngài suy nghĩ trong cháu những tư tưởng tốt, đầy tình yêu thương. Như thế một người gõ cửa một căn nhà bẩn thỉu, tối tăm, đầy bụi bặm mà nói: “Nếu người để Ta vào Ta sẽ cất hết bụi bặm và bóng tối đi và sẽ làm căn nhà sáng sủa đẹp đẽ.” Nhưng cháu nên nhớ, Ngài không bao giờ tự đẩy cửa vào – Ngài chỉ hỏi xem cháu có để cho Ngài vào không. Chữ gõ cửa có nghĩa là như vậy. Cháu phải đáp, “Vâng, lạy Chúa Giê-xu, con cần có Ngài và con xin mời Ngài ngự vào trong con” – việc mở cửa có nghĩa là như vậy đó”.

An chăm chú nghe Nội nói, mắt không rời nhìn Nội. Sau một thời gian khá dài thật yên lặng, nó mới cất tiếng:

“Nhưng thưa Nội”, vừa nói nó vừa kéo ghế lại gần hơn rồi ngã mình vào lòng Nội, “Khi mình hận thù ai có phải mình không mời được Đấng Christ ngự vào trong mình không?”

“Nếu cháu hận thù ai”, Nội đáp. “Cháu lại càng phải mời Ngài ngự vào trong cháu. Gian phòng càng tối tăm lại càng cần đến ánh sáng, cháu ạ!”

“Nhưng cháu không thể thôi thù hận Duyên”, An khẽ nói, mấy ngón tay vân vê mớ tóc dài ra chiều suy nghĩ.

“Cháu nói đúng lắm”, Nội đáp. Không một ai trong chúng ta có thể thôi không có những ý nghĩ bậy trong đầu, dù chúng ta có cố gắng cũng chẳng được bao nhiêu. Cháu An này – khi cháu ở trên lầu bước xuống dưới nhà vào buổi sáng và thấy gian phòng này tối tăm, cửa đóng kín mít, cháu có nghĩ rằng “Ta phải xua đuổi bóng tối đi trước, rồi sau đấy ta sẽ mở các cửa ra để ánh

sáng chiếu vào?” Liệu cháu có phí thì giờ tìm cách xua đuổi bóng tối đi không?”

“Lẽ dĩ nhiên là không!” An đáp.

“Vậy làm thế nào để xua đuổi bóng tối đi?”

“Thì cháu chỉ việc mở toang các cửa ra là ánh sáng lọt vào”.

“Lúc bấy giờ bóng tối ra sao?”

“Cháu không biết; nhưng sẽ không còn bóng tối nữa, vì khi ánh sáng lọt vào là bóng tối biến mất.”

“Vậy khi cháu mời Chúa Giê-xu ngự vào cũng như vậy đấy”, Nội nói. “Ngài là Tình Thương, và khi Tình Thương vào đâu là hận thù, ích kỷ, ác độc phải nhường chỗ, cũng như bóng tối phải nhường chỗ cho ánh sáng mặt trời khi cháu mở cánh cửa ra. Còn tự mình đơn độc tìm cách xua đuổi hận thù, tự kỷ đi, thật chẳng khác nào mình tìm cách xua đuổi bóng tối đi ra khỏi một gian phòng cửa đóng tối om. Chỉ mất thì giờ vô ích mà thôi.”

An không trả lời. Nó đắm đắm nhìn vào khoảng không một lát, đoạn thở dài cúi xuống nhặt cái tạp dề lên tiếp tục khâu vá. Được một lát, nó đứng dậy hôn Nội, đoạn lặng lẽ lên lầu.

Nhưng nó không thể nào ngủ được ngay. Nó nằm trần trọc trong bóng tối, chốc chốc lại xoay mình đổi chiều, suy nghĩ.

“Thật đúng vậy”, nó tự nhủ. “Nếu ta mời Chúa ngự vào trong ta, ta sẽ phải thân mật lại với Duyên, và đó là điều ta không muốn. Chắc ta cũng còn phải kể lại câu chuyện ta đã làm gãy con ngựa gỗ của nó, và điều này ta lại càng không thể nào, không bao giờ làm được. Vậy, chỉ có cách là ta phải cố quên đừng nghĩ đến gỗ cửa nữa—nhưng ôi, sao lòng ta khổ sở thế này.”

Nó đâu biết rằng đứa trẻ nào nghe thấy tiếng gõ cửa của Chúa Giê-xu mà cứ để Ngài ở ngoài thì chẳng còn tìm thấy yên vui trong lòng nữa. Khi người ta đóng cửa đối với Đấng Cứu Chuộc là người cũng đóng cửa không cho Nguồn Hạnh Phúc vào lòng mình. An tưởng nó có thể quên được hết mọi chuyện ấy và tìm được một cách khác để làm cho lòng nó yên vui. Nghĩ vậy, nó lật lại cái gối đầu, đổi lại dáng nằm, rồi lẩm nhẩm đếm thầm trong miệng những con dê chạy ra đồng cỏ cho đến khi nó ngủ thiếp đi.

Nhưng trong giấc ngủ nó mơ thấy một ngôi nhà tối om, cửa đóng then gài kỹ lưỡng. Trong đêm tối có bóng một người đi trên mặt tuyết và tiến về phía ngôi nhà. Vết chân người ấy in rõ trên lớp tuyết mềm. Người khách lạ gõ cửa nhà, từ tốn, thông thả, nhẫn nại, nhưng không một ai ra mở cửa. Sau, ông ta lần mò tìm cái nắm cửa, nhưng cửa không có nắm. Gió thổi mạnh, mặt trăng bị mây che khuất, nhưng ông vẫn không chịu bỏ đi. Ông tiếp tục gõ cửa, gõ hoài, gõ mãi, gõ cho đến khi An tỉnh giấc dậy mà vẫn không có tiếng người đáp và trong nhà vẫn tối om không một ánh đèn lửa.

“Không chừng nhà không có người ở”, An thầm nghĩ trong lúc ngái ngủ. Tuy nhiên, trong thâm

tâm có một cái gì khiến nó biết rõ trong nhà vẫn có người ở – có điều họ không muốn ra mở cửa mà thôi.

Giấc mơ sầu thảm đeo đuổi nó mãi. Cho tới lúc nó ăn vận xong và xuống dưới nhà để ăn điểm tâm, lòng nó vẫn còn nặng trĩu. Dưới nhà đang náo loạn vì chuyện bé Danh không tìm thấy con Mướp. Danh nhất định không chịu ăn điểm tâm, và bảo đợi tới khi nó tìm thấy con Mướp nó mới ăn.

Bé Danh không ngớt miệng giải thích, “Sáng nào nó cũng đánh thức con dậy. Nó mò đến rút vào người con để con tỉnh dậy – nhưng sáng nay con không thấy nó. Tối qua, trước khi đi ngủ, nó đã bỏ đi đâu mất rồi. Đến giờ vẫn chưa thấy nó trở về.”

Nom nét mặt bồn chồn thiếu ngủ của bé Danh, cả nhà ai cũng phải tội nghiệp. Ông Bình lập tức đi ra ngoài làm một vòng quanh các kho chứa và các chuồng súc vật; Nội thì vào lục lạo trong nhà bếp; còn bé Danh thì đi tìm khắp mọi xó xỉnh. An thì lên lầu tìm kiếm trong các phòng ngủ. Nhưng chẳng một ai tìm thấy con Mướp ở đâu. Ông Bình cho biết lần chót ông nhìn thấy con Mướp là lúc nó chạy băng qua sân tuyết đi về phía nhà kho, cái đuôi vểnh lên trời. Rồi từ lúc ấy chẳng ai nhìn thấy nó nữa.

Hôm ấy thật là một ngày trời u đất thảm. Bé Danh xuống tinh thần trông thấy. Lúc ăn cơm nó bật lên khóc và nói rằng nó không thể ăn gì được vì con Mướp đang bị đói. Nó khóc mãi giọt cả nước mắt vô tô súp và chẳng ai đủ tài dỗ nó nín. Tuy nhiên, Nội nó và ba nó tỏ ra không lo lắng lắm về chuyện con Mướp. Ba nó điềm tĩnh bảo nó “Nín đi con! Thế nào con Mướp cũng trở về. Nó chỉ ẩn quanh quần đâu đây nội ngày hôm nay thôi.”

Hôm ấy trời không có nắng. Mây xám buông rủ che kín núi rừng. Tuyết lại bắt đầu lả tả rơi. Đến đêm, tuyết đóng lại thành một lớp vỏ cứng và ngày hôm sau sẽ ít ai dám đi bộ vì sợ nguy hiểm. Ông Bình khoát áo ấm, lấy cái xe trượt tuyết lớn để ra chỗ gỗ về nhà. Nội ngồi trong ghế bành bên cạnh lò, ngủ gà ngủ gật. Bé Danh tìm đến ngồi vào lòng An, ngửa mặt lên nhìn chị.

“Chị An à!” nó rầu rĩ nói, Danh muốn đi ngủ.”

“Sau vậy, cưng?” An sững sốt hỏi. “Còn sớm quá mà – trời đã tối hẳn đâu! Vả, em cũng chưa ăn cơm nữa!”

“Nhưng em muốn đi ngủ”, bé Danh năn nỉ. “Em muốn đến giờ để em cầu nguyện”.

An cười rộ:

“Cưng cần gì phải đợi đến giờ đi ngủ mới cầu nguyện được. Cưng có thể cầu nguyện được ngay bây giờ, đoạn rồi ăn cơm và đi ngủ như thường lệ”

Nhưng bé Danh lắc đầu.

“Không”, bé Danh nói, “Em muốn cầu nguyện đàng hoàng như mọi ngày cơ, lúc em đã mặc áo ngủ rồi đấy. Chị đưa em đi ngủ đi chị”.

“Thôi cũng được”, An vừa nói vừa bắt đầu cởi cúc áo cho em nó. “Nhưng cưng phải nhớ điều này nhé”, An tiếp, “dù cưng cầu nguyện lúc mặc áo ngủ hay chưa mặc áo ngủ cũng vậy thôi, không khác gì đâu!”

Đoạn nó cúi xuống hôn em nó, vì mặt bé Danh lúc ấy nom rầu rĩ, tội nghiệp quá.

Sau khi mặc áo ngủ xong, cúc áo cài lại cẩn thận rồi, bé Danh mới quỳ xuống khoanh tay cầu nguyện cho con Mượp.

“Lạy Chúa”, nó cầu nguyện, “Xin Chúa ban phước cho con Mượp. Xin Chúa hãy tìm ra nó và đem nó về đây cho con ngay. Xin Chúa đừng để nó bị lạnh, bị đói, bị hãi hùng. Xin Chúa hãy chỉ đường cho nó về nhà đêm nay. Chúa yêu dấu, xin Chúa hãy làm mọi việc ấy cho con. Amen.”

“Thế em tính không cầu nguyện cho ai khác nữa ư?” An hơi gay gắt với em nó.

“Không”, bé Danh đáp. Nhóm dậy một cách vội vàng và tiếp: “Tối nay em không cầu nguyện cho ai cả. Tối nay em không muốn Chúa nghĩ tới ai khác ngoài ra con Mượp.” Nói đến đây, có lẽ nó nghĩ làm như vậy hơi xấu, nó mới tiếp, “Chị có thể cầu nguyện cho mọi người lát nữa đây.”

Sau khi đã giao con Mượp vào trong tay của Cha trên trời, bé Danh mới yên lòng trèo lên giường đi ngủ úp mặt trên bàn tay. Nhưng nó chưa ngủ ngay. Nó còn mở mắt ra, giọng nói buồn ngủ, “Chị An nè...”

“Gì vậy?” An hỏi.

“Khi nào nó về, chị đánh thức em dậy nhé?”

“Ai về kia chứ?”

“Con Mượp chứ còn ai nữa!” Vừa dứt câu, Danh đã ngủ rồi.

Còn lại một mình, An đi vớ vẩn trong phòng, lòng bồn chồn khắc khoải không yên. Nó thấy hai má nóng bừng, và vì suốt ngày nó đã ở trong nhà, nó mới mở cửa bước ra ngoài bao lơn.

Tuyết đã ngừng rơi. Một làn gió tây thổi tới làm tung bay những bông tuyết nồn trên mặt lớp tuyết cũ, tiếng nghe rào rạt như sóng biển. Gập bức tường ở ngôi nhà, tuyết đọng lại chồng chất lên nhau thành đống. Gió không đến nổi lạnh buốt – An cảm thấy mát mẻ dễ chịu trên đôi má nóng hổi nên nó quyết định đi dạo một vòng tới bên bờ suối. May ra nó gặp thấy con Mượp chẳng?

An khoác áo choàng lên người rồi đi ra. Trời sáng trắng vàng vạc có thể đọc sách cũng được. Đi tới đầu cánh đồng, An quay đầu nhìn trở về lối cũ và thấy vết chân nó in trên tuyết giống hệt vết chân của người khách lạ trải dài ra xa tít như thể người ấy đã ở tận đâu đâu tìm đến ngôi nhà tối om nọ – tìm đến để rồi chẳng được gì cả.

Chương 9

An đi hết một quãng đường dài thì tới cây cầu nhỏ bắc ngang giòng suối. Hai bên thành cầu tuyết bám lại thành từng mảng dày. Giòng suối hầu như yên lặng – chỉ có tiếng rì rào nhỏ ở sâu dưới những phiến đá tuyết phủ trắng xóa, mới cho ta biết suối vẫn còn chảy.

Trên cao này cảnh vật hoàn toàn yên tĩnh. Gió đã ngưng và tuyết bắt đầu đông đặc. Trên cây cầu nhỏ này có những hố trượt hết sức hiểm nghèo. Đang mãi nghĩ đâu đây, An không hề để ý đến lớp băng mỏng nằm bên dưới phần tuyết mềm. Chợt chân nó trượt xuống một hố khiến nó ngã nhoài về đằng trước, miệng thốt lên một tiếng kêu đau đớn.

Mắt cá chân bị sái, khiến nó đau quá nằm lặng trong đống tuyết mật đến mấy phút. Sau đấy, nó mới cố gắng đứng dậy, nhưng rồi lại ngã khụy xuống, miệng thét lên. Chỗ đau ở mắt cá khiến nó không thể nào đứng lên nổi. Nó rên rỉ khe khẽ.

Nỗi lo sợ trong lòng nó tăng lên mau chóng. Chỉ có mình nó ở đây giữa cảnh rừng núi hoang vu. Một đêm như đêm nay chắc chẳng có ai đi qua con đường rừng hẻo lánh này. Trời càng ngày càng lạnh buốt; nếu không tìm tới được một chỗ trú ẩn, chắc nó sẽ chết cóng mất.

Đến đây, nó chợt nhớ ra có một căn nhà gỗ nhỏ ở trên triền núi gần đó nơi chỗ đường queo, ngay bên trong cánh rừng. Nhà đó của hai vợ chồng người thợ rừng sẽ dùng xe trượt tuyết đưa nó về nhà. Từ đây đến chỗ nhà họ ở không xa lắm. Nó phải khởi hành ngay mới được.

An bắt đầu lết đi trong tuyết một cách cực nhọc, khó khăn và đau đớn. Chỗ chân đau của nó đã sưng lên. Mỗi cử động đều làm nó đau tái người. Chẳng bao lâu nó thấy mệt. Hai tay nó cứ thụt xuống tuyết, và nước mắt nó tràn ra ràn rụa; chẳng biết nó có tới được trên kia không.

Cố mãi nó tới được nơi đường queo chỗ bìa rừng và nhìn thấy được ngôi nhà ở cách đấy không còn xa lắm, ánh lửa le lói nơi cửa sổ. Nó cảm thấy nhẹ hẫng người, nhưng đồng thời cũng thấy mệt quá không còn sức đi xa thêm. Nó nằm phục trong đống tuyết để nghỉ một lát cho lại sức. Chưa bao giờ nó thấy lạnh buốt nên phải cố gắng vùng lên.

Từng tí từng tí, nó lết mãi lên. Không biết trong bao lâu, nhưng đối với nó có lẽ dài cả hằng tiếng đồng hồ, nó mới lết tới bậc thềm của căn nhà gỗ. Nó yếu ớt gọi, hy vọng có ai trong nhà sẽ ra mở cửa và dìu nó lên khỏi bậc thềm, nhưng chẳng thấy bóng một ai. Nó đành cố gắng tự leo lên, rồi kiệt lực nằm phục bên bậc cửa.

Giây phút trôi qua. Hít mạnh một hơi, nó vươn người lên gõ vào cửa.

Không có tiếng trả lời. Trong nhà im lặng chẳng khác gì cảnh im lặng của tuyết trắng và rừng cây bật gió. Nó cố vói người lên nữa và ra sức gõ mạnh vào cánh cửa. Vẫn không thấy tiếng trả lời. Trong nhà vẫn không có một tiếng động. Không một tiếng bước chân nào của người quen đi ra phía cửa.

Sợ quá, An khập khiễng đứng thẳng lên, nắm tay dấm mạnh vào cửa đến đau điếng cả tay, miệng kêu thật lớn. Nó xô cửa rầm rầm. Đến lúc sự thật khủng khiếp nẩy ra trong óc nó, nó tuyệt vọng buông rơi người xuống bực cửa òa lên khóc. Nhà vắng tanh không người ở, cửa bên ngoài khóa chặt. Ánh lửa le lói bên trong chẳng qua là để đánh lừa quân trộm cướp mà thôi. Chẳng có ai trong nhà cả.

An hoảng quá – là dân miền núi, nó thường được nghe kể chuyện những người bị chết công trong vùng tuyết hoang vu. Một lát sau, nó tĩnh tâm lại và bắt đầu suy nghĩ, tính toán.

Nếu họ còn chong đèn lửa ở nhà, có lẽ lắm họ sẽ trở về nhà đêm nay.

Nhưng nếu họ đi xuống tận dưới thung lũng, còn lâu họ mới trở về được, và khi ấy sợ đã quá muộn. Nó đã thấy khí lạnh lan tới tận đầu ngón tay.

Có lẽ nếu nghỉ ngơi một lát, nó sẽ đủ sức bò lết trở lại đường cũ.

Nhưng con đường từ đây đến ngôi nhà kế cận còn xa lắm, mà tuyết lại phủ rất dày.

Tính đi tính lại, nó thấy chỉ còn cách chờ đợi thêm một chút nữa rồi cố gắng thực hiện ý định. Đây là hy vọng duy nhất của nó trong lúc này.

Nó nhìn ra ngoài vùng trời bao la tuyết phủ không in một dấu chân người. Phía bên tay phải là cánh rừng và dòng suối, phía bên tay trái là cánh đồng thoai thoải xuống tận dưới thung lũng bị tuyết bao phủ tràn ngập. Một lần nữa nó lại nghĩ về giấc mơ đêm qua. Trong giấc mơ nó nhìn thấy những vết chân người đi tới tận cửa ngôi nhà lạnh lẽo tối om. Trong khi ngồi đợi ở đây, nó còn nghĩ tới một việc khác nữa. Nay là lần đầu tiên nó hiểu được khi gõ cửa một căn nhà mà không được ai lên tiếng trả lời, người gõ cửa có cảm nghĩ như thế nào.

Nó chỉ mới gõ cửa ngôi nhà này có mấy phút thôi. Nhưng Chúa Giê-xu Christ đã gõ cửa hết năm này sang tháng khác không ngơi nghỉ – nó biết rõ Ngài đã làm như vậy.

Nó ngưng gõ cửa vì nó biết trong nhà vắng người. Nhưng cứ thử cho rằng hai vợ chồng ông Đỗ từ nãy vẫn ngồi yên trong nhà – cứ thử cho rằng họ nghe thấy tiếng gõ cửa ngoài đêm tối, nhưng người nọ nhìn người kia và bảo nhau: “Có ai gõ cửa đấy, nhưng bây giờ khoan cho họ vào đã – mình cứ giả bộ như không nghe – mình đừng thêm chú ý gì đến!”

Nếu như vậy có lẽ nó sẽ tức giận bọn họ biết bao nhiêu. Nó sẽ thù hận bọn họ không để đâu cho hết vì bọn họ độc ác, tồi tệ quá!

Nhưng đấy cũng chính là cách nó đang đối xử với Chúa Giê-xu – ấy vậy mà Ngài không thù hận nó. Ngài vẫn yêu thương nó, nếu không, Ngài đã chẳng tiếp tục gõ cửa như vậy và vẫn còn

muốn ngụy vào lòng nó. Nội nó đã chẳng từng nói như vậy ư?

An mãi nghĩ về chuyện đó đến nỗi có lúc nó hầu như quên cả nỗi sợ hãi và cô đơn của nó. Bây giờ nó đột nhiên ngẩng đầu lên và hết sức lắng tai nghe, vì vừa mới có một tiếng động lọt vào tai nó.

Tiếng động rất êm, nhưng đối với đám trẻ sinh trưởng trên miền núi thì tiếng động rất quen thuộc dễ nhận. Đó là tiếng giầy trượt tuyết từ trên núi xuống đi băng qua rừng, và chỉ khoảnh khắc nữa thôi họ sẽ lướt qua chỗ đường queo và vượt qua trước cửa nhà. Nếu họ đi mau thì không chừng họ sẽ không kịp nhìn thấy An...

Một bóng người nhỏ thó hiện ra ở đằng xa chỗ khúc đường queo. Mũi giầy của hắn thúc vào tuyết làm tuyết nồm bay lên chung quanh. An quỳ thẳng lên ra sức la hét:

“Cứu tôi với! Hãy dừng lại cứu tôi với!”, nó vừa lấy bàn tay làm loa, vừa kêu cứu.

Người trượt tuyết đang phóng nhanh chợt xoay mình đứng phắt lại. Y tháo đôi giầy trượt tuyết ra, rồi chạy bay lên núi tiến về phía An.

“Làm thế nào?” y hỏi, “Ai đấy? Có bị thương không?”

Người ấy là Duyên. Nó đi thăm ông già trên núi về và tiếng kêu cứu của An làm nó sững sốt dừng lại. Khi nhìn rõ bóng người đang quỳ trong tuyết dưới ánh trăng sáng, nó sững sờ tưởng chừng như nhìn thấy ma.

Nhưng An khi nhìn thấy người thì mừng quá, bất kể người ấy là ai. Trong giây phút, nó quên hết mọi sự, chỉ biết rằng nay nó đã được tìm thấy và được cứu đối với nó, Duyên có thể được coi như một thiên thần đã từ trên trời bay xuống. Nó duỗi tay ra nắm chặt chiếc áo khoát của Duyên như sợ Duyên bỏ đi mất.

“Ô Duyên!” giọng nó run rẩy, “gặp anh tới đây tôi mừng quá. Tôi bị sái chân và tưởng sẽ bị chết cồng ở đây trước khi ông bà Đỗ về kịp. Anh đưa tôi về nhà đi, tôi bị lạnh quá rồi.”

Chẳng mấy chốc, Duyên đã lấy chiếc áo ngụy hàn của mình choàng qua cho An, và ngồi xuống xoa nóng đôi bàn tay đã bị cồng của An.

Duyên dịu dàng đáp, “Tôi không thể chở An về nhà bằng giầy trượt tuyết được. Để tôi về lấy cái xe trượt tuyết lớn và lấy tấm mền rồi tôi trở lại đón An ngay. Từ đây về nhà chỉ chừng năm phút thôi. Cả đi lẫn về chỉ chưa đầy nửa giờ là An đã có mặt ở nhà rồi.”

Không hiểu sao lòng nó tự nhiên vui sướng lạ đến nỗi nó muốn reo lên, hát lên, chạy nhảy lung tung.

Mộng ước của nó đã thành sự thật. Nó hiện đang giúp đỡ An – An đang cần đến nó. Giờ đây có lẽ An đã vui lòng tha thứ cho nó và đã quên đi cái việc nó làm gãy chân bé Danh.

“Không có áo trùm ngoài mà Duyên không thấy lạnh ư?” An hỏi với giọng yếu ớt vì nó đã kiệt lực.

Duyên lạnh lẽo cởi luôn chiếc áo đang mặc đem quần quanh đầu An. Nó ước gì có thể đưa luôn An cả chiếc áo sơ mi nữa, dẫu rằng chiếc sơ mi mỏng manh chẳng đem lại được ích lợi gì. Giá buốt đã thấm vào thân thể nó khiến nó phải rùng mình. Nó hít mạnh một hơi, gồng mình chống lại giá lạnh như cắt ấy mà nó có kể như cái giá nó đang trả phần nào về tội trọng của nó, trong khi rảo bước đi xuống. Trong nháy mắt nó đã tra chân xong vào giày trượt tuyết, rồi như mũi tên phóng ra khỏi cây cung, nó vùn vụt lao mình xuống núi, lòng rộn ràng một nguồn vui mới lạ. Giá lạnh làm thân thể nó tê dại nhưng nó chẳng hay biết gì hết. Mấy phút sau nó đã về tới nhà, mặt và hai cánh tay trần tím ngắt.

Còn lại một mình trên núi tuyết, An co ro núp trong chiếc áo choàng ấm áp của Duyên. Chừng hai chục phút nữa Duyên sẽ trở lại, và trong hai chục phút ấy An có khối việc quyết định trong trí óc.

Trước hết, nó đã được an toàn. Duyên đã ra khỏi rừng thật đúng lúc đã nghe thấy tiếng kêu cứu của nó. Như vậy trong suốt thời gian nó tưởng nó chỉ có một mình thì Cứu Chúa là Đấng đang đứng bên ngoài cửa vẫn hằng lo cho nó và đã khiến Duyên tới cứu nó.

Thứ đến là nó đã khám phá ra được câu chuyện cửa đóng. Tuy nó chưa biết chắc việc gì sẽ xảy ra khi nó mở cửa, nhưng nó biết chắc là nó không thể để Cứu Chúa đứng mãi bên ngoài được nữa. Nó tựa đầu vào thành bao lơn rồi nhắm mắt khế cầu nguyện:

“Lạy Chúa Giê-xu, giờ con xin mở cửa ra để đón Ngài vào – con rất lấy làm hối hận đã đóng cửa lâu như vậy để Ngài phải đứng chờ – giờ xin mời Ngài hãy bước vào. Con hối hận đã căm thù Duyên – xin Ngài hãy khiến con yêu thương nó, và nếu con có phải kể hết với nó về chuyện con ngựa gỗ nọ, xin Ngài hãy ban cho con đầy đủ can đảm. Con đội ơn Ngài đã khiến Duyên đến cứu con. Amen.”

Thế là Chúa Giê-xu Christ đứng đợi bên ngoài cánh cửa lòng và cánh cửa đời của An từ bấy lâu nay, đã bước vào để tha thứ mọi tội lỗi cho nó và để khiến nó thành một đứa bé ngoan. Không có ai ở đó để chứng kiến giờ phút thiêng liêng tuyệt diệu ấy – đến ngay cả An cũng chẳng cảm xúc có gì đổi khác thật sự. Nhưng trên thiên đàng đêm ấy tên nó đã được ghi vào cuốn sách sự sống của Thượng Đế, và các thiên sứ hân hoan mừng rỡ vì dưới hạ giới đã có thêm một đứa trẻ nữa mở cửa lòng để đón nhận Cứu Chúa Giê-xu.

Chương 10

An nghĩ thầm: “Hừ, mình đã làm việc ấy thì giờ mình phải chịu chớ sao!”

Nó thấy trái tim đập rất nhanh trong lồng ngực. Nó ngẩng đầu lên nhìn bầu trời đầy sao và những dãy núi cao để trấn tĩnh tâm thần. Trời và núi đều to lớn, lâu đời và không thay đổi chút nào cả! Nỗi lo sợ trong lòng nó tự nhiên nhỏ bớt đi và không còn quan trọng nữa. Dù sao thì mọi việc rồi cũng xong và sẽ chìm vào quên lãng, chỉ có trăng sao và núi non là còn mãi mãi không thôi.

Một bóng đen hiện ra ở khúc đường queo kéo theo một cái xe trượt tuyết lớn. Duyên đã mặc một cái áo ấm khác, và đang thở hổn hển nói không ra lời:

“Lên đây, An! Tôi đang kéo cái xe trượt tuyết lớn này lại để có chỗ cho An đuổi chân. Chỉ năm phút nữa thôi là chúng mình sẽ về tới nhà”.

Duyên chìa tay ra để đỡ An đứng lên, nhưng An lùi lại. “Xin anh một phút đã,” An nói giọng vội vàng, run run. “Tôi muốn nói với anh một chuyện trước khi chúng ta trở về nhà. Duyên à, không phải con mèo nó làm lật con ngựa của anh xuống đất đâu. Chính là tôi đấy. Tôi cố tình làm vậy vì tôi không muốn thấy anh đoạt giải – bởi vì anh đã làm gãy chân bé Danh; nay tôi rất lấy làm hối hận, Duyên ạ!”

Duyên đứng ngó sững An. Nó ngạc nhiên quá và cũng kỳ lạ thay, nó vui sướng quá nên không nói nên lời. Đáng lẽ nó phải tức giận mới đúng mà sao nó lại cảm thấy nhẹ hẫng người. Thì ra An cũng đã làm điều sai quấy như nó, và nếu nó phải tha thứ cho An thì việc An tha thứ cho nó dễ dàng hơn. Dĩ nhiên một con ngựa gỗ bị bể gãy không nghĩa lý gì với một đứa bé bị gãy chân.

Tuy nhiên không hiểu sao nó vẫn làm cho hai đứa gần nhau hơn.

Tuy nghĩ vậy, nhưng Duyên không thể nói ra được bằng lời. Nó chỉ cười gượng ghệu và nói: “Không hề gì, không hề gì. An đừng có bận tâm. Hãy lên xe đi đã”.

Nó quần chiếc áo choàng sát người An rồi ngồi xuống đằng trước xe. Hai đứa bươn xuống sườn dốc núi và về tới trước cửa nhà ông Bình, người phủ đầy tuyết.

An bò lên bậc thềm và đứng cựa kiểng ở chỗ cửa ra vào. Nó ngoảnh nhìn Duyên lúc ấy đang chậm chạp quay chiếc xe trượt tuyết định ra về.

An đã mở cửa lòng để đón nhận tình thương của Đấng Christ, như vậy có nghĩa là nó đã mở cửa lòng cho cả Duyên nữa, vì tình thương của Cứu Chúa không bao giờ đóng lại với ai cả.

“Lên đây, Duyên”, An gọi. “Hãy vào đây chào Nội đã. Nội chắc sẽ vui lòng lắm vì anh đã cứu được An”.

Vừa nói An vừa mở rộng cánh cửa để hai người cùng bước vào.

Vừa thấy An, Nội đã mừng rỡ đứng dậy reo lớn. Cả nhà đã lo lắng từ nãy đến giờ và ông Bình đã lên tận núi để kiếm con gái. Nội vừa định mở miệng mắng cháu thì nhìn thấy cái chân cà

khẩng của An. Nội liền nín thình, đỡ cho An ngồi lên đi vắng rồi đi kiếm nước lạnh để băng bó. Lúc xoay lưng lại, Nội nhận thấy Duyên đang đứng bên lén do dự nơi bậu cửa. Hai người đứng lặng nhìn nhau trong giây lát. Đôi mắt mờ vì tuổi già của Nội có thể đọc thấy những ý nghĩ trên mặt con trẻ như người biết chữ đọc sách vậy. Lúc ấy Nội đọc thấy trên mặt Duyên nét hối hận, vẻ van xin cầu khẩn thiết tha pha lẫn niềm hy vọng rụt rè và lòng can đảm rạng rỡ mà bà chưa bao giờ thấy trên mặt một đứa trẻ nào trước đó. Nội liền đặt cả hai tay lên vai nó kéo nó lại gần nơi bếp lửa ấm và sáng sủa.

“Cháu hãy vào đây”, Nội nói. “Hãy ngồi xuống đây và ăn cùng với chúng ta”.

Cánh cửa lại mở ra. Ông Bình từ ngoài bước vào, đang rũ chiếc áo choàng cho tuyết rơi xuống. Ông đoán An không sao cả vì ông nhìn thấy cái xe trượt tuyết và bóng hai đứa trẻ ngồi trên xe đang vun vút lao qua cánh đồng. Sau khi nghe kể chuyện xong, ông mắng con gái qua loa về tội đã một mình đi ngoài đêm tối. Đoạn ông cũng ngồi xuống bên bếp lò đợi Nội dọn súp-cù-là nóng ăn với bánh mì dòn quét bơ vàng ngậy. Bên trên mỗi miếng bánh, Nội còn để thêm một miếng pho mát dày lỗ chỗ tổ ong. Mọi người ngồi ăn trong im lặng, một thứ im lặng hạnh phúc thỏa mãn.

Sau khí lạnh ngoài trời, hơi nóng toát ra từ bếp lò khiến tất cả đều hiu hiu buồn ngủ. Duyên ngồi nhìn ánh lửa, lòng thầm ước cứ được hưởng hạnh phúc thế này mãi mãi...Bỗng có tiếng cào cửa phá tan bầu không khí im lặng ấm cúng trong phòng.

“Con Mướp đã về!” An reo lên và định nhảy bổ ra, nhưng cái chân đau khiến nó phải dừng lại. Cả ba người, Nội nó, ba nó, và Duyên cùng chạy ra mở cửa.

Con Mướp bước vào phòng, cái đuôi thẳng đứng miệng tha một con mèo con mới đẻ chưa mở mắt. Nó chẳng thèm để ý tới một ai, cứ một mạch đi thẳng tới chỗ giường bé Danh đang nằm ngủ và nhảy tót lên đám chăn nệm. Nó thả con mèo con ngay sát gối bé Danh rồi lại vội vàng chạy ra cửa, miệng kêu ngao ngao.

“Cứ để nó đi, rồi nó sẽ mang thêm con mèo khác trở về”, ông Bình nói.

“Nếu vậy ta cứ để cửa ngỏ thì hơn”, Nội vừa nói vừa quấn lại cái khăn quàng che kín cổ và vai. Nội nhờ Duyên đi kiếm hộ mảnh da sơn dương để phủ lên hai đầu gối Nội. Cả nhà ngồi run rẩy trong giá lạnh chờ cho tới khi con Mướp trở về mang theo một con mèo nhị thể. Nó đặt con mèo vào chỗ con mèo trước rồi lại phóng mình ra ngoài đêm tối.

“Mong rằng đây sẽ là con chót”, Nội khẽ nói, óc nghĩ tới cảnh gió lạnh và cuộc sống trong nhà khi bé Danh có thêm ba con mèo nhỏ. Nhưng chẳng ai nói ra một lời, vì mọi người đang chăm chú nhìn ra ngoài cửa. Con Mướp của bé Danh muốn làm gì thì làm, chẳng ai hỏi han gì nó cả. Con Mướp đi quanh góc vừa lú, nhưng lần này bước đi của nó chậm chạp và oai vệ; nó đã hoàn thành nhiệm vụ. Con mèo nó tha về lần này cũng thuộc loại mèo mướp giống hệt nó. Nó nằm

ngay trên ngực bé Danh, hai chân trước ôm vòng ba con mèo con và miệng bắt đầu liếm láp. Nội thở một hơi nhẹ nhõm và bảo Duyên đóng cửa lại. Quay về ông Bình, Nội bảo ông hãy đi kiểm một cái ổ để làm ổ cho mấy con mèo. “Nếu không, thằng nhỏ sẽ chết ngạt mất”, Nội tiếp. Ông Bình tặc lưỡi – “thôi, để đến sáng hãy hay mẹ ạ!”, ông đáp. “Đêm nay cứ để chúng ở đấy cũng được rồi. Giống vật khôn lắm. Chúng biết rõ người nào yêu thương chúng. Vả lại, dù chúng có ở đấy bé Danh cũng chẳng khó chịu đâu.”

Ông nhẹ nhàng dịch chân phải của con Mướp ra khỏi cằm bé Danh; đoạn, ông bỏ ra ngoài để đi khóa cửa chuồng bò.

Duyên đứng dậy để ra về. Nó bước tới chỗ Nội và chìa tay ra.

“Cháu phải về”, nó nói, “Cháu cảm ơn bà đã cho phép cháu vào nhà, và cháu mong rằng chân của An chóng khỏi.”

Nội giơ cả hai tay ra nắm chặt lấy bàn tay nó. Mắt nhìn thẳng vào mặt nó, Nội nói, “Thôi, cháu phải về! Nhưng nhớ trở lại đây nữa nhé! Bà sẽ rất mừng gặp cháu trở lại đấy!”

An không dă động đến việc đánh thức bé Danh dậy, vì sợ Nội không bằng lòng. Nhưng dù sao, một lời hứa vẫn là một lời hứa. Nó chờ cho đến lúc Nội đi rửa các tách uống súc-cù-là, nó mới nhảy lò cò lại chỗ bé Danh nằm. Nó vuốt lại mái tóc ướt đầm trên trán bé Danh, miệng thì thầm gọi, “Danh!” Danh thở dài, giang hai tay sờ soạng trên không, nhưng không thức dậy.

“Danh!”. Lần này An gọi lớn hơn, đồng thời véo khế một cái. Danh mở mắt ra, hấp háy một lát rồi trừng trừng nhìn chị.

“Coi này, Danh”, An nói, “con Mướp đã trở về rồi đấy – nó mang cả quà tặng cho cưng nữa!”

Bé Danh ngó sững đám mèo con đang nằm gọn trong cánh tay nó. Nó còn ngái ngủ không lộ vẻ ngạc nhiên. Nó cũng không biết nó đang tỉnh hay mơ nữa.

“Nó bắt được ba con chuột”, Danh nói.

“Không phải, không phải”, An đáp. “Không phải chuột đâu, đây là ba con mèo con đó. Con Mướp sanh chúng trong nhà kho và nay nó mang về tặng cưng đấy. Giờ chúng là của cưng đấy!” Danh hấp háy nhìn đám mèo con. “Em biết thế nào con Mướp cũng trở về”, nó khế nói, “em đã cầu xin Thượng Đế rồi mà.”

An quỳ xuống bên giường, mở rộng vòng tay ôm lấy cả Danh, con Mướp và đám mèo con.

“Chị cũng cầu xin Chúa Giê-xu Christ ngự vào lòng chị nữa”, An nói khế, “và Ngài đã vào. Thế là hai lời cầu nguyện được đáp ứng trong một đêm!”

Nhưng bé Danh không nghe nữa, nó đã lại quay ra ngủ, hơi thở điều hòa, miệng ngậm cái chóp đuôi con Mướp.

Chương 11

Tài băng bó bằng nước lạnh của Nội giỏi thật. Sáng hôm sau lúc An thức giấc dậy, chỗ đau ở mắt cá chân không còn sưng đầy lên nữa. Giờ nó chỉ còn khó chịu lúc bước đi thôi. Đêm qua tuyết lại xuống nhiều. Những lớp tuyết chồng chất lên nhau thành từng đống cao khiến ông Bình phải đào một con đường để đi tới chuồng bò. Như vậy, ngày hôm nay không còn hy vọng đi ra ngoài chơi nữa.

Nhưng An, bé Danh, con Mướp và ba con mèo con bị chôn chân trong phòng khách chật hẹp không phải là một điều thích thú, nên vào quá trưa, Nội bảo chúng đi ra chơi ở nhà kho chứa cỏ khô. Bé Danh liền bỏ gia đình mới của nó vào một cái rổ và đem ra nhà kho. Nó bới cỏ khô làm ổ cho đám mèo và nô rần trong nhà kho trong khi An nằm sắp, cuốn Thánh Kinh lớn của Nội để dựng đứng trước mặt, đang lần lượt giở từng trang.

An muốn tìm câu gốc của Nội nói về Chúa Giê-xu gõ cửa. Câu này nó đã từng nghe vị mục sư đọc, và nay nó muốn học cho thật thuộc lòng. Nó kiếm không mấy khó khăn, vì vị mục sư đã cho biết trong sách Khải Huyền, đoạn 3, câu thứ 20:

“Này ta đứng ngoài cửa mà gõ; nếu ai nghe tiếng ta mà mở cửa cho, thì ta sẽ vào cùng người ấy, ăn bữa tối với người, và người với ta.”

An học thật thuộc câu ấy để có thể nhắc lại khỏi cần nhìn vào sách. Nó thắc mắc không hiểu có phải phần chót nói về bữa ăn tối không. Nó tự nhủ phải nhớ để hỏi Nội nó khi có dịp. Đoạn, nó ngã đầu trên cánh tay, nằm nghĩ ngợi và nhìn bé Danh đang tập nhào lộn. Bé Danh nhào lộn nom thật kỳ, cái chân lành cong lại, còn cái chân đau thì thẳng đơ.

An đã mở cửa cho Chúa Giê-xu Christ. Ngài đã ngự vào và đang sống trong lòng nó, và ngừng gì Nội nó nói quả là đã thực hiện. Ngài đã bước vào với Thánh Linh tha thứ và yêu thương của Ngài; bao ý nghĩ giận hờn, ghen ghét đều ta biến trước ánh sáng, và việc tha thứ cho Duyên tự nhiên không còn thấy khó khăn gì nữa. Thực ra, nó đã thôi nghĩ tới chuyện ấy, vì khi Đấng Christ bước vào, Ngài đã chứng tỏ cho nó thấy rõ lòng ích kỷ tàn ác của nó, và điều nó thực sự băn khoăn lúc này là không biết Duyên có vui lòng tha thứ cho nó không.

Nó đã kể hết sự thật với Duyên, và xem chừng Duyên cũng không có vẻ tức giận. Nhưng dù sao Duyên cũng đã hệt mất giải thưởng và giờ đây An biết rằng nó có thể làm nhiều hơn nữa để đền bù cho Duyên nếu thật sự nó muốn.

Chẳng hạn có những con thú vật ở chiếc tàu Nô-ê. Nếu nó đem những con thú ấy trình bày

giáo và kể lại hết mọi chuyện, chắc thầy giáo sẽ biết tài Duyên và không chừng thầy sẽ cho nó một giải thưởng khác để đền bù lại, nếu thầy biết rõ những việc đã xảy ra.

Nhưng An lại sợ thầy giáo sẽ nghĩ không tốt về nó, và các bạn trong tường sẽ nói thế này thế kia nên nó quyết định không làm gì nữa cả. Sau khi quyết định thế xong, nó thấy không còn muốn nghĩ tới câu Kinh Thánh mà nó mới học đó nữa, vì câu này đã làm cho nó mất vui. Nó liền ra chơi đánh đu trên sà ngang và cho bò ăn cỏ qua một lỗ hổng nơi vách. Một lát sau, ông Bình tới để vắt sữa bò. Nó đi xuống ngồi bên ông trò chuyện trong khi ông làm việc.

Chẳng mấy chốc trời đã tối. An và bé Danh trở lên nhà trên để ăn cơm. Sau đấy là đến giờ bé Danh đi ngủ. Đến lúc ấy mới xảy ra chuyện lục đục, vì một đảng Nội muốn để đám mèo con ngủ trong nhà kho chứa cỏ, một đảng bé Danh lại muốn chúng ngủ ngay trên giường. Sau cùng, mỗi người nhường nhau một tí và đi tới thoả thuận để đám mèo con ngủ dưới gầm giường. Vì phải nói nhiều, Nội mệt mỏi để bụng người xuống ghế với tiếng thở dài. An kéo ghế lại ngồi gần bên Nội, nhưng ngồi chưa thoải mái đã có tiếng gõ cửa nên nó lại phải đứng dậy ra mở.

Duyên đứng ngoài ngưỡng cửa, hai tay xoa vào nhau một cách ngượng nghịu, còn An cũng không tránh khỏi ngượng ngùng bẽn lẽn đầu nó muốn niềm nở ân cần. Hai đứa đứng im lặng, Nội ngạc nhiên ngẩng đầu lên nói.

“Vào đây cháu, còn đứng ngoài đó làm gì! An, kéo thêm cái ghế nữa lại đây, và cả hai đứa bây hãy ngồi xuống”.

An và Duyên cùng vâng lời ngồi xuống. Sau khi nói nó đến đây để hỏi thăm cái chân của An đã đỡ chưa, Duyên lại chìm vào yên lặng. Còn An sau khi nói được câu “Cám ơn anh, đã đỡ nhiều rồi” cũng lại im lặng cúi đầu nhìn xuống sàn nhà. Nội ngược mắt lên chăm chú nhìn hai đứa sau cặp kiếng lão.

“An và Duyên nghe bà bảo đây”, Nội bỗng cất tiếng nói, “từ nay chúng bây phải thôi hiềm khích nhau, và phải cư xử cho đảng hoàng phải đạo.

Duyên, cháu đã làm một việc hết sức lỗi lầm, dù đấy không phải là việc mà cháu cố ý muốn làm, và cháu đã phải chịu đau khổ vì việc cháu làm. Việc đã lỡ rồi, có khóc than cũng vô ích mà thôi. Giờ cháu phải thu hết can đảm và bắt đầu trở lại. Còn An, cháu phải biết tha thứ, phải có lòng nhân và phải thôi đừng tự cho mình là tốt, là hay hơn người khác”.

“Cháu có bao giờ nghĩ vậy đâu”, An ngạc nhiên nói.

“Có đấy”, Nội đáp, “nếu không, cháu đã không thấy việc tha thứ cho người khác là khó khăn”.

“Nhưng cháu đã tha thứ cho Duyên rồi”, An đáp. “Đêm qua ở trên núi ấy – và cháu thấy cũng không khá khăn gì lắm, bởi vì chính cháu cũng đã làm một việc không phải đối với anh ấy. Và khi cháu kể hết sự thật với anh ấy, anh nói anh cũng thứ lỗi cho cháu nữa. Có phải vậy không? Duyên? Như vậy là chúng cháu cùng hư đốn như nhau”.

“Phải”, Duyên thủng thẳng đáp, “Nhưng việc An làm không ghê gớm như việc tôi làm. Tôi có thể làm con ngựa khác nhưng tôi không thể làm cho bé Danh có đôi chân khác. Vả lại, mọi người đều bảo An tốt và đều ưa thích An; nhưng chẳng một ai ưa thích tôi cả”.

An đáp: “Có lẽ tại vì mọi người biết rõ việc anh làm mà không ai hay biết việc tôi làm. Duyên biết không chiều nay tôi đã nghĩ tôi cần phải nói hết mọi chuyện cho thầy giáo biết, nhưng không hiểu sao tôi thấy tôi không có đủ can đảm”.

Duyên và An đang nói chuyện với nhau, Nội ngồi lặng thinh nghe, nhưng vì là Nội nên hai đứa trẻ không ngại gì và cứ nói tự nhiên. Lúc này Nội mới lên tiếng.

“An à,” Nội thành linh nói, “tự nhiên làm sao cháu lại nghĩ cháu có thể tha thứ được? Mới cách đây hai đêm thôi, cháu còn bảo với ta là cháu không bao giờ tha thứ được cho Duyên.”

“Dạ thưa Nội, cháu mở cửa lòng theo đúng như lời Nội nói, và rồi mọi việc diễn ra cũng theo đúng như lời Nội nói. Lúc cháu mời Đấng Christ ngự vào trong lòng cháu, cháu tự nhiên thấy không còn khó khăn như trước nữa.”

“Phải”, Nội nói, “ta biết mọi việc sẽ xảy ra như vậy nếu cháu chỉ chịu mở cửa lòng. Khi Đấng Christ với tình thương vĩ đại và lòng tha thứ bao la ngự vào trong lòng cháu, cháu tự nhiên thấy không còn khó khăn như trước nữa.”

“Phải”, Nội nói, “ta biết mọi việc sẽ xảy ra như vậy nếu cháu chỉ chịu mở cửa lòng. Khi Đấng Christ với tình thương vĩ đại và lòng tha thứ bao la ngự vào lòng, chúng ta, trong lòng ta sẽ không còn chỗ cho những ý tưởng xấu xa, vị kỷ, và không chịu tha thứ nhau nữa – những ý tưởng này tan biến đi như bóng tối tan biến trước ánh sáng mặt trời. Tình yêu thương của Chúa Giê-xu cũng còn đuổi được một cái gì khác hơn là sự thù nghịch ghen ghét. Cháu hãy lấy cho ta cuốn Kinh Thánh đây.”

An mang cuốn Kinh Thánh lại. Nội chậm chạp giở từng trang, ghé mắt nhìn vào các hàng chữ cho tới khi Nội tìm thấy chương 4 trong thư thứ nhất của Giăng. Nội chỉ vào hai câu 18, 19 và bảo An đọc.

An đọc lớn tiếng, thông thả rành rọt từng chữ một: “Quyết chẳng có điều sợ hãi trong sự yêu thương, nhưng sự yêu thương trọn vẹn thì cất bỏ sự sợ hãi, vì sự sợ hãi có hình phạt, và kẻ đã sợ hãi thì không được trọn vẹn trong sự yêu thương. Chúng ta yêu vì Chúa đã yêu chúng ta trước.”

“Đúng vậy”, Nội nói. “Sự yêu thương trọn vẹn cất bỏ sự sợ hãi. Khi Đấng Christ mang sự yêu thương trọn vẹn của Ngài vào lòng chúng ta, chẳng những sự vị kỷ, ác độc, mà ngay cả sự sợ hãi nữa cũng bị xua đuổi ra ngoài. Các cháu thấy không, nếu chúng ta thực lòng tin rằng Đấng Christ yêu thương chúng ta trọn vẹn, sẽ chẳng còn có gì khiến chúng ta phải sợ hãi nữa. Nếu Ngài yêu thương chúng ta trọn vẹn, Ngài sẽ không bao giờ để bất cứ cái gì làm hại chúng ta.”

An và Duyên ngồi suy nghĩ một lát, đoạn mỉm cười với nhau. An đứng dậy đi tới tủ riêng lấy ra con gấu Giáng Sinh đem bẻ làm đôi để làm quà tặng giảng hoà. Hai đứa ngồi trên ghế, Duyên thì nhai bánh ngon lành, còn An vẫn có vẻ tư lự, băn khoăn. Nay nó biết rõ hơn bao giờ hết điều gì là phải, nhưng nó vẫn không muốn làm theo.

Duyên ngồi chơi chỉ một tí rồi từ biệt ra về. Khi nó đi rồi, An cũng chúc Nội ngủ ngon rồi đứng dậy định đi lên phòng riêng.

“An này”, Nội nói, “Cháu hãy nhớ rằng khi Chúa Giê-xu ngự vào trong ta, Ngài chỉ ngự vào như là chủ ta. Ngài bảo gì ta phải làm như thế, chứ không phải ta muốn làm gì thì làm”.

“Dạ”, An đáp với giọng hơi buồn. Nó bước lên lầu, và sau khi thay quần áo xong nó quỳ xuống cầu nguyện.

“Lạy Chúa Giê-xu”, An cầu. “Con cũng rất muốn làm đúng theo những lời Ngài chỉ dạy. Nếu quả con phải nói hết mọi sự thật, xin Ngài hãy ban cho con lòng dũng cảm và khiến con đừng sợ hãi nữa.”

An bước lên giường nằm lòng cảm thấy nhẹ nhàng hơn trước. Chẳng mấy chốc nó đã ngủ say. Sáng hôm sau nó thức dậy sớm. Nằm trong gian phòng tối mọi cửa đóng kín, nó tự hỏi không biết đã mấy giờ rồi.

Đang tự hỏi như vậy, nó chợt nhận thấy một tia sáng lọt qua kẽ cửa sổ chiếu thẳng vào sàn gác.

“Sáng rồi”, nó nghĩ thầm; “ta phải mở cửa sổ xem trời hôm nay có đẹp không!”

Nó nhảy xuống giường, mở tung các cửa để ánh sáng tràn vào. Thung lũng bên dưới hãy còn chìm trong bóng tối, nhưng ánh nắng từ đầu non phía bên kia dội thẳng vào nhà nó; mặt tuyết trắng phản chiếu ánh sáng chói lòa và những đỉnh núi ở phía sau lưng nó sáng rực lên như lửa hồng. Gian phòng nhỏ bé lúc này còn tối om nay chan hòa ánh sáng ban mai dịu dàng, mát lạnh. An nghĩ thầm, “Thật đúng như Nội đã nói. Không có cách nào xua đuổi bóng tối ra khỏi thung lũng ngoài cách chờ cho mặt trời mọc lên chiếu thẳng vào đó. Đến lúc ấy thì có ai muốn giữ bóng tối lại cũng không được. Lòng thù ghét Duyên và lòng sợ hãi không dám thú thật cũng giống như là bóng tối; còn để Đấng Christ ngự vào cũng giống như là mở cửa sổ ra vậy”.

Những ý tưởng vừa nảy ra trong óc làm nó thích thú vô cùng. Nó trở lại giường nằm tiếp tục suy nghĩ cho đến khi tới giờ vùng dậy. Chân hãy còn hơi khập khiễng, nó mặc áo rồi đi xuống nhà bếp.

Gặp Nội đang pha cà phê, nó cương quyết nói, “Nội à, cháu muốn đến trường để gặp ngay thầy giáo vào sáng hôm nay’.

“Nhưng chân cháu đã khỏi hẳn chưa?” Nội hỏi.

“Cháu sẽ đi bằng xe trượt tuyết”.

“Thế còn lúc trở về thì làm thế nào?”

Cháu cũng không biết nữa! Có lẽ cháu phải lội bộ cà nhắc về, dầu ra sao thì ra. Nội à, cháu phải đi để gặp thầy giáo ngay sáng hôm nay; cháu không chờ đợi được nữa.”

“Có việc gì thế?” ông Bình đang đứng ở bậc cửa giậm chân cho tuyết ở ủng chân rơi xuống nói vọng vào. “Nếu con An muốn gặp thầy giáo sáng hôm nay thì nó có thể đi với tôi. Tôi đang tính đem xe ngựa chở phó mát xuống dưới tỉnh đây. Tôi sẽ thả nó xuống ở trường học, rồi lúc ở nhà ga về tôi sẽ lại đón nó”.

Mặt An tươi hẳn lên. Nó mừng quá! Nó biết nó không thể chờ đợi được nữa. Nếu nó đợi thêm một ngày nữa, có lẽ nó lại cảm thấy sợ hãi và rồi thôi không dám thực hiện ý định.

An ngồi cạnh ba nó trong xe ngựa tay nắm chặt những con vật bằng gỗ của chiếc tàu Nô Ê bọc kỹ trong một chiếc khăn tay. Đằng sau lưng nó, những bánh phó mát lắc lư xô đi xô lại theo đà xe chạy. Nó thấy lòng không được vui sướng như nó tưởng.. Nó không biết nó sẽ nói thế nào với thầy giáo lát nữa đây! Không biết thầy có nổi giận với nó không? Rất có thể lắm.

“Con muốn gặp thầy giáo có việc gì thế?” Ông Bình thành linh hỏi. “Hay con buồn chán vì không có bài học chẳng?”

An ngả đầu tóc vàng óng vào ngực ba.

“Không phải vậy”, nó bẽn lễn đáp. “Con có chuyện muốn thưa với thầy giáo. Bí mật ba ạ!”

An luôn tay vào bàn tay ba nó lúc ấy đang nắm dây cương. Ông Bình là người tốt và hiểu biết; ông chỉ mỉm cười không hỏi thêm gì nữa. Ông luôn luôn bận việc. Ông làm quần quật từ sáng sớm đến tối mịt để cái trại nhỏ của ông có đủ lợi tức nuôi con cái. Ông không mấy khi có thì giờ dạy dỗ các con – ông nhường việc ấy cho Nội. Tuy nhiên, ông vẫn biết được chúng nghĩ gì trong đầu khi nhìn vẻ mặt chúng và nghe chúng trò chuyện. Trong khi làm việc để nuôi chúng trong bầu không khí yên lặng nơi chuồng bò và trong rừng, ông vẫn thường nghĩ tới các con và cầu nguyện cho chúng. Ông biết gần đây con gái ông không được vui, nhưng nay ông thấy nó đã được lại sự bình an. Thấy con vui vẻ như vậy là ông hài lòng lắm rồi, ông không cần tìm hiểu đầu đuôi câu chuyện làm gì.

Hai cha con đi trong im lặng cho tới khi nhìn thấy ngôi nhà trắng hiện ra ở đằng xa. Về mùa hè ngôi nhà nom trắng tinh, nhưng về đông tuyết rơi, ngôi nhà hiện ra vẻ xám đục trên nền tuyết trắng phau.

Ông Bình bảo An, “Con xuống đi. Chừng nửa giờ nữa ba sẽ quay lại đón con”.

Con ngựa lộp cộp kéo xe đi. Trống ngực đập mạnh, An men theo lối đi vào nhà thầy giáo, nhưng đến cửa nó đứng đợi rất lâu không dám gõ. Nó có thể đứng yên đấy mãi cho đến lúc ba nó đến đón đưa nó về nhà nếu thầy giáo không từ sau cửa sổ nhìn thấy nó và mở cửa cho nó.

“Vào đây, vào đây”, thầy giáo vồn vã nói và dẫn nó vào trong gian phòng nhỏ là nơi hai thầy trò vẫn thường ngồi làm bài. Thầy rất mến trẻ con. Những ngày nghỉ, thầy nhớ chúng và rất muốn

chúng đến thăm thầy. An đi thẳng đến bàn, cởi nút buộc ở mù xoa ra và đem bày những con vật của chiếc tàu Nô Ê thành một hàng dài.

“Thưa thầy, chính anh Duyên đã tạc những con vật này”, An mạnh bạo nói. “Thầy coi có đẹp không?”

Thầy giáo nhặt những con vật lên ngắm nghía một cách thích thú rồi mới đáp, “Đẹp lắm! Đối với một đứa trẻ bằng tuổi nó mà làm được như vậy là khá lắm rồi. Chẳng bao lâu nữa nó sẽ kiếm ăn được rồi. Thật thầy không ngờ nó lại có thể tạc khác được như vậy. Tại sao nó không dự vào cuộc thi thủ công vừa qua?”

“Dạ anh ấy có dự” An vẫn mạnh dạn đáp. “Vì vậy mà con đến đây thưa chuyện cùng thầy Anh ấy có tạc một con ngựa nhỏ bằng gỗ, nhưng bị con bẻ gãy khi anh ấy vắng nhà, bởi con quá tức giận anh ấy về việc bé Danh. Nhưng nay con rất hối hận, và con băn khoăn không biết anh ấy có đáng được hưởng giải thưởng không – vì nay thầy đã biết rõ mọi chuyện rồi”.

Thầy giáo nhìn An ra chiều suy nghĩ. Hai má An đỏ tía, cặp mắt nó nhìn cắm xuống đất. Sau cùng thầy nói: “Nhưng thầy làm gì có giải nào khác! Chỉ có cả thầy hai giải, một giải trao cho trò Thạch, còn một giải cho con”.

“Nếu vậy thì anh Duyên phải được hưởng cái giải đã trao cho Thạch. Anh ấy khắc gỗ giỏi hơn Thạch nhiều, và giải ấy là để tặng cho người nào khắc giỏi nhất”.

Thầy giáo vội đáp, “Không được, không được! Chúng ta không thể làm như vậy được. Dù sao, trò Thạch cũng đã thắng giải một cách công bằng và đàng hoàng. Chúng ta không thể lấy lại cái giải đã trao cho nó. Nếu con thực sự muốn trò Duyên có một giải thì con phải trao giải của con cho nó. Vì do lỗi tại con mà nó hụt trúng giải, phải không?”

“Vâng đúng vậy,” An đáp – và nó ngồi lặng yên đến ba phút để suy nghĩ. Giải thưởng của nó là một cuốn sách đẹp chứa đầy những hình ảnh các ngọn núi ở Thụy Sĩ. Nó quý cuốn sách ấy lắm nên đem bọc giấy lụa và cất kỹ trong ô kéo riêng.

Dĩ nhiên nó có thể từ chối, và biết chắc thầy giáo cũng không khi nào buộc nó phải cho giải ấy đi. Nhưng với tình yêu thương trọn vẹn của Ngài giờ đây đang sống trong lòng nó, Ngài không muốn nó giữ lại bất cứ cái gì.

“Thế cũng được”, An đáp.

“Tốt!” thầy giáo nói, mắt ông ánh lên một tia đắc thắng vì trong ba phút vừa qua ông biết rằng An đã trải qua một trận chiến nội tâm và đã thắng một cách vẻ vang. “Con hãy mang sách ấy lại cho thầy khi trường học khai giảng lại. Thầy sẽ trao tặng sách ấy cho trò Duyên ngay trong lớp học, và các học sinh khác sẽ được coi những tác phẩm tạc khắc của trò Duyên.”

“Vâng ạ”, An đáp. Nó dụt dề ngẩng lên nhìn thầy giáo để xem thầy có nghĩ cho nó là hết sức độc ác không, nhưng nó chỉ thấy thầy mỉm cười với nó. Nó chào thầy để ra về, lòng biết chắc nó vẫn

được thầy yêu thương như cũ.

Chiếc xe ngựa lại lắc lư leo ngược con đường đồi tuyết phủ. Tới nhà, An trèo qua mấy bậc thềm và đứng lại ở hàng hiên. Bé Danh tới đứng bên chị, hai tay ôm giữ đám mèo con. Trong nhà bếp Nội đang nấu ăn, và trước mặt An ánh nắng mặt trời đã chiếu tới thung lũng.

An ngó xuống những mái nhà sáng láng và dòng sông màu trắng nhạt. Nó cảm thấy bàn tay nhỏ bé ấm áp của bé Danh đang luồn vào tay nó và nó ngửi thấy mùi súp thơm ngào ngạt từ nhà bếp tỏa ra.

Nó nghĩ thầm, “Mới hồi sáng, thung lũng còn đầy bóng tối, nhưng giờ đây đã đầy ánh sáng mặt trời”. Cảnh này thật giống như việc Chúa Giê-xu ngự vào lòng nó, đem đến cho nó đầy tình yêu thương, ánh sáng và can đảm.

Chương 12

Lòng phơi phới, Duyên nhẹ nhàng bước lên đồi. An đi bên cạnh nó. Trước kia chưa bao giờ hai đứa cùng đi chung với nhau ở trường về, nhưng nay thì tình thế đổi khác.

Đối với Duyên, đây là một buổi sáng đầy hạnh phúc trong đời. Thầy giáo, không giải thích lý do, bỗng nhiên nói cho cả lớp hay rằng trong ngày nghỉ ông đã được coi một tác phẩm điêu khắc gỗ đẹp đến nỗi nay ông quyết định trao giải thưởng nữa. Rồi trước sự ngạc nhiên của hết thầy mọi học sinh, thầy gọi Duyên lên nhận lãnh giải thưởng. An cũng mừng quá suýt xỉu đi khi thầy giáo kể lại đầu đuôi câu chuyện. Sau đấy các học sinh xúm lại để ngắm những vật bằng gỗ do Duyên tạc khắc, và người lớn tiếng tán thưởng nhiều hơn ai hết lại chính là Thạch. Thạch vui vẻ nói cho chúng bạn biết nó thật là may mắn vì các con vật ấy đã đưa dự thi quá trễ, nếu không, nó chẳng thể nào đoạt giải được. Mọi trò đều đồng ý. Sau đấy nó đòi coi cuốn sách giải thưởng của Duyên, và đám học trò gái la lớn: “Ừa, sao giống hết cuốn sách của con An?”. An đã lo Duyên sẽ nói, “Chính cuốn sách của An đó.” Nhưng Duyên chỉ lững lờ đáp: “Thật vậy ư?” và đợi khi không có ai ngó, nó khẽ nháy mắt với An.

Khi hai đứa đi khuất đám đông các trò khác, Duyên trao cuốn sách cho An, miệng nói: “Được một giải thưởng cũng thú thật, nhưng tôi không muốn giữ cuốn sách này. Thật vậy, An ạ! Đây là cuốn sách của An, tôi không muốn đoạt nó của An.”

An lắc đầu:

“Không, Duyên cứ giữ lấy. Thầy giáo đã bảo vậy mà, bây giờ là sách của Duyên rồi.”

“Thôi thế này vậy”, Duyên tắc lưỡi nói, “Cuốn sách này là thuộc về cả hai chúng ta, vậy theo tôi nghĩ chúng ta nên chia nhau xài chung. Chẳng hạn tôi giữ sách tháng nay, An giữ nó tháng sau, và tháng sau nữa lại đến lượt tôi.”

Mắt An sáng hẳn lên. Nó quý cuốn sách vô cùng.

“Cũng được, An đáp, “anh muốn vậy thì tôi cũng làm theo ý anh. Mỗi đầu tháng chúng ta lại đổi sách cho nhau.”

Từ đấy thành một cái lệ. Cứ năm giờ chiều mỗi ngày mồng một đầu tháng người chủ cuốn sách lại trình trọng mang sách tới tận nhà người kia đem để trên bàn. Cứ thế trong suốt cả năm, và đây là một ước lệ tốt, vì cứ mỗi lần trao đổi sách chúng lại thầm nhớ lại rằng hạnh phúc thật sự là do ở sự tha thứ, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau.

“Chúng ta hãy ngồi xuống đồng củi nay để coi sách một chút”, Duyên đề nghị. Hai đứa gạt cho tuyết rơi xuống rồi ngồi lên đồng củi mở sách ra coi, vì Duyên chưa được coi sách ấy lần nào. Nó rất thích núi non và nó chỉ vẽ các đường khác nhau để leo lên núi. Nó dùng ngón tay và vạch ra con đường và say sưa nó, “Đây là lối tốt nhất để lên ngọn Mát-tơ. Tôi sẽ trèo theo lối này trước nhất.” An ngồi đu đưa chân bên cạnh; nó cũng thầm ước chi mình được sanh làm con trai để có thể leo núi.

Hai đứa ngồi đó một lúc lâu trong ánh nắng ấm buổi giữa trưa. Sau những đỉnh núi tuyết phủ là cả một khoảng trời xanh biếc. Chúng mãi ngắm các hình ảnh trong sách đến nỗi quên cả thì giờ về nhà ăn cơm. Có tiếng trách của đứa trẻ nít nổi lên sát cạnh chúng:

“Chị An nè, Nội bảo em đến tìm chị về ăn cơm. Cơm đã dọn từ lâu rồi, và em đã ăn xong phần em rồi.”

Bé Danh nom có vẻ mệt nhọc. Nó tựa mình vào cặp nạng, mặt đỏ như gấc. An vội vàng nhảy xuống khỏi đồng củi, miệng la:

“Danh, em không được xuống tí tặn dưới núi nay. Rồi làm sao em về được. Thôi chúng ta về ngay đi.”

Ba đứa thông thả leo ngược lên. Bé Danh mệt quá. Nó chưa bao giờ một mình chống nạng đi xa như vậy, nhưng vì nó cứ nghĩ rằng tới góc đường đây nó sẽ gặp chị nó nên nó tiếp tục khập khiễng đi mãi. Sau cùng, Duyên phải bế nó lên, còn An thì xách cặp nạng. Duyên bế bé Danh đi thẳng tới tận cửa nhà. Không ai nói một lời. Giữa Duyên và An hình như có một tấm màn đen tối đã buông rủ xuống, vì cả hai đứa đều nghĩ tới cái chân què của bé Danh. Dù chúng đã hòa với nhau rồi, nhưng bé Danh vẫn bị què và không có gì có thể đền trả lại được cặp chân cho nó. “Chân em đau quá”, Danh nũng nịu nói khi An bế nó lên bọc thêm. “Chị đưa em đi ngủ đi.”

An đặt em xuống giường và đem cả mấy con mèo lại cho nó chơi. Đoạn nó ngồi vào bàn ăn bữa cơm đã nguội. Ông Bình đã trở đi làm việc, còn Nội cũng đi xuống bếp sau khi đã mắng nó về tội về trễ. Ăn xong, An xuống bếp tìm Nội. Nội đang đứng cạnh bàn đánh sữa để lấy kem và An tiến lại giúp Nội.

“Có chuyện gì thế?”, Nội thỉnh linh hỏi nó. “Coi bộ cháu không được vui.”

An lặng thinh một lúc lâu rồi mới nói, “Nội à,”

“Gì vậy cháu?”

“Nội bảo nếu cháu mời Đấng Christ ngự vào trong lòng, Ngài sẽ làm cháu quý mến Duyên và sẽ xua đuổi khỏi cháu cái ý nghĩ cháu không thích nó. Tuần lễ vừa qua thì không sao cả. Nhưng nay khi nhìn bé Danh và cái chân què của nó và khi nhớ lại trước kia nó khỏe mạnh bao nhiêu, những ý nghĩ thù ghét Duyên lại trở lại như cũ.”

“Phải, ta cũng đã đoán như vậy:” Nội đáp. “Trong đời cháu, ngày nào những ý nghĩ xấu xa, vị kỷ, giận hờn cũng sẽ gõ cửa và tìm cách trở vào lại. Cháu đừng có tự mình tìm cách đẩy lui chúng ra; cháu hãy nhờ cậy Đấng Christ dùng tình thương vĩ đại của Ngài để đối xử với chúng. Cháu hãy cố nghĩ tới tình thương của Đấng Christ. Ngày nào cháu cũng đọc Kinh Thánh về tình yêu thương của Ngài. Nếu cháu giữ cho lòng cháu lúc nào cũng tràn đầy tình yêu thương thì sẽ không còn chỗ cho những ý nghĩ bậy bạ, xấu xa ấy đâu”.

“Đọc đoạn nào trong Kinh Thánh hử Nội?” An hỏi.

“Trong suốt cả Kinh Thánh chứ không riêng ở đoạn nào”, Nội đáp. “Hồi khuya rồi chúng ta đã lớn tiếng đọc phần Phúc Âm của Mác, có phải vậy không? Và trang nào cũng tràn đầy tình yêu thương của Chúa Jêsus—tình yêu thương của Ngài đối với các môn đồ Ngài, tình yêu thương của Ngài đối với những người nghèo khổ và đau yếu, tình yêu thương của Ngài đối với trẻ thơ. Cháu hãy tự đọc kỹ mọi chuyện về đời sống của Đấng Christ và hãy nghĩ nhiều tới đường lối yêu thương của Ngài, và cháu nên nhớ rằng chính cái tình yêu thương đó nó nhập vào lòng cháu khi cháu mời Đấng Christ ngự vào trong cháu”.

“Dạ”, An lơ đãng đáp. Lúc ấy nó đang nhủ thầm, “Ta sẽ bắt đầu ngay từ ngày hôm nay. Mỗi sáng ngủ dậy ta sẽ đọc một chuyện nói về tình yêu thương của Đấng Christ”.

Trên đường về nhà, Duyên cũng đang suy nghĩ. Trông thấy bé Danh mệt nhọc, nó lấy làm buồn lòng vô cùng. Đối với An, mọi việc đều xong cả rồi—An đã chuộc lại rồi. Nhưng đối với nó, chẳng bao giờ nó có thể làm cho chân bé Danh được lành.

Tại sao An đã tha thứ cho nó và biến đổi thành một đứa trẻ khác hẳn? Câu hỏi ấy lặp đi lặp lại trong óc nó có đến cả trăm lần. Đầu tiên, nó nghĩ rằng đó là chỉ vì nó đã cứu được An trong cái đêm mưa tuyết ấy, nhưng nay nó biết rõ còn có cái gì hơn thế nữa. An đã nói đến chuyện mở cửa cho Đấng Christ, và Nội nó cũng đã bảo tình yêu thương của Ngài có thể xua đuổi được

những ý nghĩ ích kỷ, xấu xa.

Ông già trên núi cũng đã nói về lòng nhân từ, tha thứ. Có lẽ khi người ta “mở cửa”, lòng nhân từ, tha thứ sẽ nhập vào cùng với tình yêu thương. Có lẽ tất cả chỉ là một.

Dù sao, việc mở cửa cũng làm cho An thay đổi lớn. Trước kia cô bé ấy thường tự cao tự đại và không chịu tha thứ cho ai. Nhưng nay An tự nhiên rất khiêm nhường và tử tế. Duyên suy nghĩ và cho rằng Đấng Christ không phải chỉ là một người đã sống tự thuở xa xưa trong những truyện tích Kinh Thánh, mà là một Đấng có thể thực hiện được cả những việc trong hiện tại, ngay lúc này.

Duyên đi rất chậm chạp, nhưng cũng đã về gần tới nhà. Cách đây hai mươi phút, lúc nó và An còn ngồi trên đồng cỏ, bầu trời xanh biếc và lạnh gió. Nhưng nay mây đen kéo tới từ sau dãy núi và gió lạnh bắt đầu thổi.

“Điều gì thế này thì đêm nay có bão tuyết mất”, Duyên nghĩ thầm.

Trong chuồng, bò dậm chân thành thịch trong lúc bên ngoài gió nổi lên mỗi lúc một lớn. Duyên đi mau vào nhà và tìm đến má nó lúc ấy vừa ăn cỏ xong.

“Lại đây con”, bà Mầu nói. “Con về trễ hôm nay. Thật may mà chiều nay không có học vì má thấy mây kéo đầy trời, má sợ sắp bão lớn—cuốn sách gì con cầm trên tay kia?”

“Giải thưởng đó ạ”, Duyên đáp. “Thầy giáo có biết về môn thủ công tạc khắc gỗ. Trong ngày nghỉ thầy có coi mấy món con làm”.

“Thầy ấy tốt nhỉ”, bà Mầu nói. “Thế thầy có biết về con ngựa gỗ bị gãy bể của con không?”

“Dạ có”, Duyên đáp, rồi lảng sang chuyện khác. Nó không muốn phải trả lời những câu hỏi khó trả lời. Nó tính giữ bí mật hộ An.

Khi ngồi ở phòng ngoài gọt đẽo gỗ trên một tờ báo, nó lại nghĩ tới An nữa. Bà Mầu đang ủi đồ trong nhà bếp. Ở ngoài nhà chỉ có mình nó. “Tôi xin Đấng Christ ngự vào.”—An đã nói như vậy—đoạn Nội đọc mấy câu trong Kinh Thánh...may ra nó có thể tìm thấy những câu này. Nó muốn đọc lại những câu ấy lần nữa.

Nó đi tới kệ lấy cuốn Kinh Thánh bụi bặm cũ kỹ trong gia đình xuống, ngoài mặt bìa có ghi những ngày quan trọng như ngày sanh, ngày hôn lễ, ngày tử. Nó không hay đọc Kinh Thánh, và nó cũng không biết gì nhiều về cuốn sách này trừ có những điều nó đã học ở nhà trường. Nó không nhớ được đoạn Nội đọc nằm ở chỗ nào trong Kinh Thánh, nhưng nó cứ cho là ở khoảng cuối sách.

Nó không tìm được ra đoạn Nội đọc, nhưng nó tìm thấy những đoạn khác, như Phúc Âm và những chuyện Chúa Giê-xu chữa bệnh mà nó đã được nghe kể ở nhà trường—chuyện Ngài chữa người mù được sáng, người phong được sạch, và người chết sống lại; phải, còn có cả chuyện Ngài chữa cho một người đi được nữa.

“Hãy đứng dậy, vác lấy giường, mà trở về nhà ngươi”.

Phải, nếu Chúa Giê-xu ngày nay thực sự còn sống, và đã biến đổi được lòng dạ An, thì nhất định Ngài có thể làm cho bé Danh đi được nữa.

Duyên chưa bao giờ thực sự cầu nguyện kể từ khi nó còn bé tí, có đôi lần nó đọc những bài Kinh cầu nguyện với má nó. Nay nó lén bước qua chuồng bò rồi chạy phóng lên gác xép quỳ xuống.

Tuy nó vẫn chưa hiểu mở cửa cho Chúa Giê-xu Christ vào có nghĩa là gì, nhưng nay nó tin rằng Thượng Đế ở rất gần và sẽ lắng nghe nó cầu nguyện—cho bé Danh và làm cho bé Danh đi được như cũ, như Ngài đã từng chữa lành cho ngừng người kể trong Kinh Thánh.

Duyên ở lại rất lâu trong gác xép rồi mới thùng thảng trở xuống đi vắt sữa bò. Vắt xong, nó xách thùng sữa mở cửa định đi ra thì bị gió và tuyết thổi lui trở lại. Má nó đứng nơi cửa sổ nhìn ra ngoài cảnh hoang hôn với vẻ lo lắng.

“Gió bão đang nổi lên rồi đó”, bà nói. “Con hãy lấy cây đèn bão đi đón chị con đi; trời nay trở tối sớm lắm đấy”.

Vừa lúc ấy cánh cửa mở tung; chị Mai đầy mình tuyết phủ đứng nơi ngưỡng cửa vừa thở vừa cười.

“Leo núi mà gặp lúc gió thổi ngược thật khổ quá!” Chị giữ áo, thay giày, đoạn tiếp: “Thật mệt bỏ hơi tai. Duyên, sao em không mang đèn bão đi đón chị? Má ơi cơm đã xong chưa, con đói lắm rồi”.

Mấy mẹ con ngồi vào bàn ăn. Mai vẫn vui vẻ trò chuyện, hai má đỏ như hai trái táo.

“Hôm nay làm việc dữ quá!” chị nói. “Suốt ngày kẻ ra người vào tấp nập ở khách sạn. Tội nghiệp! Thời tiết nay thì còn chơi thể thao gì được. Con chạy muốn đến lỏng ống chân; nhưng may lại được một món tiền thưởng khá lớn. Má coi này”.

Mai móc trong túi ra một tờ giấy bạc và đưa cho mẹ. Bà Mầu cầm lấy, mặt lộ rõ vẻ ngạc nhiên vui mừng. Cũng như mọi gia đình khác ở lân cận, bà phải khó khăn chật vật lắm mới làm cho cái trại nhỏ của bà sanh đủ lợi tức. Mai quả là một cô gái ngoan khi biết mang tiền lương về đưa cho mẹ để giúp thêm vào quỹ gia đình.

“Ai cho con số tiền lớn vậy?” Bà hỏi Mai.

“Ồ, ông ấy tử tế lắm!” Mai đáp. “Con chắc ông ấy cũng là một người có danh vọng nữa. Lúc ngồi ăn cơm bà chủ khách sạn có nói chuyện với con về ông ta. Ông là một bác sĩ rất giỏi, có thể chữa được hầu hết mọi trường hợp gãy xương. Ông có một bệnh viện ở thành phố bên hồ và bệnh nhân ở khắp nơi đã tìm đến đây để nhờ ông chữa bệnh”.

Duyên hồi hộp nghe Mai kể chuyện. Lúc Mai kể xong, nó nhoài người trên bàn rồi rít hỏi.

“Chị Mai à, liệu ông ấy có chữa khỏi được cho bé Danh không?”

Mai ngó sừng Duyên. Chị đâu biết lòng nó vẫn còn băn khoăn về chuyện cái chân gãy của bé Danh, con ông Bình.

“Chị không biết”, Mai dịu dàng trả lời. “Nếu muốn nhờ bác sĩ Văn xem cho bé Danh thì họ phải đưa nó xuống tận thành phố bên hồ. Nhưng nhà họ làm gì có đủ tiền. Những bác sĩ tài giỏi danh tiếng như ông Văn, tính tiền chữa bệnh mắc lắm, em ạ! Chị sợ đem bán tất cả bò của ông Bình đi, cũng không đủ tiền trả cho bác sĩ Văn đâu!”

Xuống tận thành phố bên hồ! Đối với Duyên chưa bao giờ ra khỏi cái thung lũng nay, thật chẳng khác gì đi qua tận bên kia chân trời.

Nhưng nó vẫn cố gắng.

“Thế chị nghĩ họ có thể dẫn bé Danh tới khách sạn vào buổi sáng được không?”

“Bác sĩ Văn sẽ ra đi vào chuyến tàu sớm—hành lý của ông đã sẵn sàng cả rồi.”

“Thế đêm nay họ có thể dẫn bé Danh đi được không?”

Lòng sốt sắng của thằng Duyên làm chị Mai cảm động.

“Đâu có thể được, em!” chị ôn tồn đáp. “Em thử nghĩ đưa một đứa bé đi vào một đêm gió bão như đêm nay! Chuyến tàu chót đã khởi hành cách đây hàng tiếng đồng hồ, còn con đường băng qua đèo thì chắc sẽ bị ngập tuyết. Nhất định là không thể được. Ngoài ra, chị đã bảo với em là họ không có tiền! Thôi em đừng băn khoăn về bé Danh nữa. Em đâu có ý định hại nó. Nay nó chống nạng đi lò cò như vậy cũng được rồi; nó cũng chẳng buồn mà còn được Nội nó nuông chiều quá đáng nữa!”

Duyên nín lặng. Chị nó tiếp tục nói về những người khách khác ở khách sạn, về câu mà cô chiêu đãi đã nói với người gác cửa, và câu ông chủ khách sạn đã nói với người bếp. Duyên không để ý nghe gì cả. Nó đã thầm quyết định trong óc việc nó sẽ làm, nhưng nó thấy có ba điểm khó khăn lớn lao:

Tiền trả cho bác sĩ rất cao, mà nó lại không có tiền.

Nó liền nghĩ tới ông già trên núi. Ông ta có nhiều tiền lắm, nó chỉ cần làm sao thuyết phục được ông giao số tiền ấy cho nó.

Đường đèo rất có thể đã bị ngập tuyết và nghẽn lối.

Về điểm nay, nó sẽ cố. Dù thất bại, nó cũng được an ủi là đã cố gắng hết lòng.

Còn việc bác sĩ Văn có chịu đến không? Liệu ông có chịu hoãn chuyến đi về bệnh viện của ông ở bên hồ để cùng đáp chuyến xe lửa địa phương với một đứa trẻ mà ông chưa hề quen biết? Và liệu ông có chịu vượt núi trong cơn bão tuyết để đi coi bệnh cho con một nông dân nghèo? Không có gì chắc chắn lắm, nhưng dù sao cũng vẫn có một tia hy vọng. Chị Mai chẳng đã bảo ông là một người tử tế đấy ư!

“Con ăn cơm xong rồi”, Duyên nói với má. “Con lên lầu đây”.

Chương 13

Lên tới phòng riêng rồi, Duyên bắt tay vào việc ngay. Duyên không để lỡ một giây đồng hồ nào. Lấy cái áo khoác ngoài treo trong tủ xuống, và đội lên đầu cái mũ len trùm kín cả hai tai. Duyên quấn vải quanh chân rồi xỏ chân vào đôi giày bền chắc nhất. Đoạn Duyên viết để lại cho má nó mấy chữ hẹn sáng mai nó mới về nhà.

Nó rón rén xuống thang đi vào nhà bếp lấy bánh mì, phó mát bỏ đầy túi. Nó không quên mang theo cả một hộp quẹt. Đoạn nó nhẹ nhàng nhấc cái then cài cửa sau lên rồi khom mình bò qua sân tới nhà kho. Cây đèn bão treo trên tường. Nó đốt đèn lên, và ánh sáng của cây đèn khiến nó vững dạ thêm. Nó tự hỏi không biết có nên lấy giày trượt tuyết không, nhưng sau nó quyết định là lúc ấy trời đã tối quá. Nó mở cánh cửa phía bên kia nhà kho và bước ra cánh đồng lộng gió. Một trận cuồng phong thổi tới khiến nó suýt té nhào, nhưng nó cắn răng chống lại. Cuộc hành trình đầy mạo hiểm của nó bắt đầu.

Nếu ngoài đồng trống mà đã gió như thế này thì không biết trên đường đèo gió còn mạnh đến đâu? Nhất định nó sẽ bị gió thổi bay và chôn vùi trong đống tuyết! Thôi đành để đến lúc ấy hãy hay. Còn bây giờ nó phải nghĩ đến việc tới nhà ông già trên núi đã.

Tới được rừng cây nó thấy nhẹ hẫng người. Ở đây nó được che khỏi gió bão dầu cây cối bị gió thổi ngã nghiêng, cành lá quất vào nhau phát lên tiếng động rào rào. Tuyết trên lối đi trong rừng cũng mỏng hơn là ở ngoài cánh đồng. Nó có thể đi mau hơn không bị thụt chân trong tuyết dày.

Nó tiến lên mãi giữa những hàng cây nghiêng ngửa cho tới khi nó nhìn thấy ánh sáng ấm cúng màu da cam sau khung cửa sổ nhà ông già. Chặng đầu trong cuộc hành trình gian nan của nó sắp chấm dứt. Nó gồng mình chống lại sức gió thổi khi nó ra khỏi bìa rừng bước vào nơi đồng trống. Nó cố sức tiến tới cửa nhà ông già và giơ tay lên gõ.

“Ai đấy?” ông già ở trong nhà dè dặt hỏi vọng ra.

“Cháu đây, Duyên đây.”

Cánh cửa lập tức mở toang; ông già kéo nó vào trong.

“Kìa, cháu Duyên”, ông la lớn, mắt nhìn nó đầy vẻ sửng sốt, “trời đêm hôm mưa gió như thế này cháu đến đây có việc gì?”

Sau khi phải chiến đấu với gió, Duyên mệt đừ phải buông rơi người xuống ghế để lấy lại sức. Nó chẳng muốn hỏi ông già lấy tiền nhưng nó không còn cách nào khác hơn.

Nhìn thẳng vào ông già nó lo lắng nói: “Có một lần ông kể với cháu, ông có để dành được một số tiền lớn và ông sẵn lòng đưa cho người nào thực sự cần đến tiền. Nay cháu tìm được một người đang thực sự cần tiền. Nếu ông vui lòng đưa cháu số tiền ấy, cháu nghĩ may ra chân bé Danh sẽ chữa khỏi được.”

Ông già nhìn chăm chú vào Duyên và cất tiếng hỏi: “Làm sao mà chữa khỏi được?”

“Ở khách sạn nơi chị cháu làm việc có một vị bác sĩ”, Duyên giải thích, “ông ta có thể chữa được những người què và hàn gắn được những chỗ xương gãy. Giờ cháu tính đi mời ông ta tới xem cho bé Danh; nhưng chị cháu bảo, ông ấy tính tiền mắc lắm.”

“Cháu định đi ngay bây giờ ư?”, ông già lặp lại, “giữa lúc trời đang gió bão thế này? Thôi cháu điên rồi; cháu làm sau có thể vượt ngọn đèo trong đêm gió bão này.”

“Cháu tính cháu có thể vượt được”, Duyên bướng bỉnh đáp. “Gió bão mới nổi cách đây chừng vài ba tiếng đồng hồ, và tuyết mới đổ chưa đến nổi dày lắm, nếu cháu đi ngay thì cũng còn được—nhưng nếu không có tiền thì có đi cũng vô ích mà thôi!”

Ông già nín lặng trong giây phút: Xem chừng ông đang suy tính. Sau cùng, ông nói với giọng hoài nghi. “Ta sẽ cho cháu số tiền ấy nếu ta tin được ông thầy thuốc nọ. Ta không muốn mất tiền hay phí tiền một cách vô ích. Làm sao ta tin cậy được ông thầy thuốc nọ là người lương thiện bây giờ? Tên ông ấy là gì cháu?”

“Tên ông ấy là bác sĩ Văn, bác sĩ Văn. Chị cháu bảo ông ấy là người có tiếng tăm.”

“Ông Văn!...”

Ông già khẽ nhắc lại hai tiếng ấy bằng một giọng kỳ lạ như thể ông không tin bởi tai ông. Nhìn ông, Duyên có cảm tưởng mặt ông tái đi. Không nói thêm một lời, ông quay đi, lấy trong hộp ra một cái chìa khóa và dùng chìa khóa ấy mở một ngăn tủ nhỏ gắn ngay vào tường nơi giường ông. Ông lôi từ trong tủ ra một chiếc vớ cũ nhét đầy giấy bạc.

“Cầm cả đi”, ông nói, và đem cho ông Văn. Nói với ông ấy rằng cả số tiền này là của ông ấy nếu ông vui lòng chữa cho bé Danh... Hãy nói với ông ấy đây là tiền trả một món nợ”.

Giọng ông già hơi run run. Duyên ngạc nhiên liếc nhìn ông, nhưng không hỏi thêm vì lúc ấy nó đang vui mừng quá. Chưa bao giờ nó được cầm một số tiền lớn như vậy trên đời. Nó bỏ số tiền vào bên trong áo sơ mi, cài khuy áo ngoài lại, rồi khoác áo choàng lên người. Tiến ra tới cửa, nó nói với trở lại:

“Cám ơn, cám ơn ông rất nhiều. Cháu sẽ trở về kể cho ông nghe mọi việc xảy ra.”

Ông già theo ra cửa đứng nhìn nó đi, tay giơ cao chiếc đèn bão để soi sáng lối mòn. Duyên mới đi được mấy bước đã bị ông già lớn tiếng gọi giật lại.

“Duyên!”

Duyên quay trở lại.

“Dạ, ông kêu cháu?”

“Cháu đừng quên lời ông dặn, nghe chưa?”

Duyên cẩn thận đáp, “Vâng, cháu sẽ nhớ. Cháu sẽ nói đây là số tiền để trả món nợ. Ông cứ yên tâm! Thôi chào ông, cháu đi”.

Nó vừa đi được mười bước đã lại bị ông già kêu lại.

“Duyên”.

Duyên lại phải quay lại, nhưng lần này nó đã lộ vẻ sốt ruột.

“Ông kêu cháu?”

“Cháu đừng nói cho bác sĩ biết một tí gì về ta, nghe? Cả tên ta nữa cũng đừng nói, nhớ nghe!”

“Chính cháu cũng không biết tên ông”, Duyên nhắc cho ông già nhớ.

“Cháu cũng đừng cho ông ta biết chỗ ở của ta nữa nhé!”

Đang lúc nóng ruột vì cứ bị trì hoãn, Duyên không để ý thắc mắc về thái độ của ông già. Nó đáp:

“Vâng, cháu xin nhớ. Cháu sẽ chỉ nói đây là để trả một món nợ thế thôi! Chào ông, cháu đi.”

Nó bước thật mau trong lớp tuyết mềm, chỉ sợ ông già lại gọi nó lại nữa. Tới bìa rừng, nó quay cổ lại giơ cây đèn lên vẫy. Tuyết vẫn rơi đều đều. Qua tấm rèm tuyết nó nhìn thấy bóng mờ của ông già in đậm trên nền sáng của khung cửa.

Nó phải đi sao cho thật nhanh, vì với độ tuyết rơi đều như thế này, chỉ lát nữa là đường đèo sẽ bị bế tắc, hay không chừng đã bị bế tắc rồi cũng nên.

“Đi bộ chắc không qua được đèo đâu”, nó nghĩ thầm, “Ta phải tạt qua chuồng bò để lấy giày trượt tuyết mới được.”

Nó thụt lên thụt xuống khi đi qua cánh đồng chót. May quá, chuồng bò vẫn chưa khóa. Nó hết sức cẩn thận bước vào trong. Vừa nhắc được đôi giày trượt tuyết xuống thì nó nghe thấy tiếng cánh cửa mở tung và nhìn thấy má nó cùng chị Mai bước vào, tay cầm một chiếc đèn bão.

Duyên vội gác đôi giày trượt tuyết vào cạnh tường nằm áp mặt xuống nền nhà dơ bẩn, phía sau con bò lớn nhất.

Bà Mầu giơ cao cây đèn bão soi sáng chung quanh chuồng bò rồi nói với Mai giọng đầy lo âu:

“Nó không có đây, con ạ! Má cho là con nói đúng đấy! Nó đã có ý nghĩ điên rồ về việc đi tìm kiếm ông ông bác sĩ. Chắc lúc này đang lội bộ qua đường núi ấy. Thằng nhỏ ngu đến nỗi không mang cả giày trượt tuyết đi. Má đang nghĩ không biết mình có nhờ được ông Bình đi kiếm nó về hộ không – nó đi bộ chắc chưa đi được bao xa.”

“Con cũng nghĩ mình phải nhờ đến ông Bình”, giọng Mai cũng chứa đầy lo âu. “Ông Bình dùng giày trượt tuyết sẽ đuổi kịp nó dễ dàng. Ông sẽ ngăn nó lại trước khi nó đi tới quãng đường

thật sự hiếm nghèo. Giờ hai mẹ con mình lại nhờ ông Bình đi.”

Bà Mầu và Mai hấp tấp ra khỏi chuồng bò. Duyên lúc ấy mới rời khỏi chỗ núp đằng sau con bò lớn. Nó tính phải đi ngay mới được, không thể để mất một phút chậm trễ.

Má nó và chị nó phải mất hai ba phút mới đi xong ủng và mặc xong áo ấm. Rồi từ đây tới nhà ông Bình trong lúc gó và tuyết như thế này cũng phải mất mười lăm phút nữa là ít. Lại còn mười phút để kể chuyện với ông Bình và để ông lấy đèn bão, đi giày ủng và giày trượt tuyết. Như vậy nó sẽ khởi hành được trước ông Bình chừng nửa tiếng đồng hồ—bình thường ra ông Bình sẽ khó đuổi kịp, nhưng đằng này nó chỉ là một đứa trẻ yếu ớt, còn ông Bình là một người lớn khỏe, lại trượt tuyết nhanh hơn nó rất nhiều. Không, nó không thể mất một phút nào. Hết sức cẩn thận, Duyên bò ra khỏi chuồng bò, thả lại cây đèn bão mà nó đã thối tắc lúc nghe thấy tiếng động ở then cửa, rồi thắt chặt dây giày trượt tuyết ở chân. Đứng thẳng day, nó bắt đầu ra đi, cây đèn bão giờ ra đằng trước, đầu cúi thấp để tránh trận cuồng phong làm nó tối tăm mặt mũi.

Nó phóng qua đồng cỏ để rồi một thoáng sau lại lọt vào cánh rừng kín gió, nơi đây nó có thể ngẩng đầu lên nhìn về phía trước. Ra khỏi rừng, nó vượt qua những cánh đồng viền quanh làng, ở đây gió thổi bật mạnh nên nó có thể nhìn thẳng về phía trước ra sức tiến mau.

Nó đi xuyên qua làng vắng vẻ không ai, nhưng nó vẫn lo lắng nhìn quanh chỉ sợ có người gặp thấy và hỏi nó đi đâu. Rốt cuộc nó chẳng gặp thấy một ai, vì vào giờ khuya khoắt ấy tất cả mọi người đều ở trong nhà. Duyên yên tâm phóng đi, ánh đèn chiếu ra từ các cửa sổ các nhà trong làng đem lại cho nó thêm can đảm.

Nó băng qua khu chợ yên tĩnh, rồi theo triền dốc lướt qua trại làm sữa của làng, qua nhà ga, qua cây cầu bắc qua sông, đoạn ngừng lại mấy phút để lấy hơi; vì nó đã đi xuống tới khu thấp của thung lũng, nay nó lại phải leo ngược lên sườn bên kia, thẳng qua con đường đèo chạy giữa hai ngọn núi.

Nó hoảng sợ liếc nhìn lại phía sau, phòng trường hợp ông Bình theo dõi, nhưng nó không nhìn thấy bóng một người nào cả. Tự nhiên, nó cảm thấy trơ trọi một cách khủng khiếp, và ước mong được thấy ngôi làng quen thuộc với những căn nhà chìm trong bóng tối và những khung cửa ánh sáng màu cam. Đã có lúc nó thầm ước ông Bình đuổi bắt kịp nó, nhưng rồi nó xua đuổi ý nghĩ ấy đi và lại bắt đầu leo lên cao.

Tuyết phủ trên mặt lộ thung lũng không đến nỗi tệ lắm. Nó tháo gỡ giày trượt tuyết ra và bước cũng không khó khăn chật vật lắm. Tuy nó vẫn nghe thấy tiếng gó gào thét ở trong rừng bên phía đầu nó, những trận cuồng phong hình như đang bắt đầu ngưng.

Một lần nữa nó đi sâu vào trong rừng cây và tiếp tục leo, nhưng nó cảm thấy mệt mỏi và lo sợ nữa. Đây không phải là những rừng cây quen thuộc ở bên phía núi nó ở, mà là những rừng cây

tối tăm xa lạ. Nó cũng không biết chắc nó có còn đi đúng đường không; nếu làm đường, rất có thể nó sẽ bị dẫn tới đáy một vực thẳm nào đó. Đâu đây, vượt bên trên tiếng gió gầm thét nó có thể nghe tiếng suối chảy ầm ầm như giận dữ, và đôi giày trượt tuyết của nó hình như càng lúc càng nặng thêm.

Nó leo qua rừng cây mất ba tiếng đồng hồ trong khung khiếp kinh hoàng. Các mẫu chuyện mà nó đã được nghe kể về những nguy hiểm trên núi lại dồn dập trở lại ám ảnh đầu óc nó—nào núi lở sụp, nào những hố hiểm nghèo, những cành cây gãy. Nó nghĩ tới đàn chó ST. Bernard được huấn luyện để cứu khách lữ hành bị mắc cạn trên núi. Ở quanh đây chẳng có con chó nào cả. Nó cho rằng rồi nó sẽ bị mắc nạn, trừ phi ... nó quay trở lại.

Nó dừng lại trong giây lát, bang khuâng tự hỏi sao ý nghĩ ấy không đến với nó từ trước. Thật giản dị! Nó chỉ cần xỏ chân vào giày trượt tuyết rồi phóng mình qua con đường mòn trong rừng để trở về nhà.

Nó sẽ nói với mọi người : “Tôi đã cố gắng hết sức mình, nhưng không thể nào đi thoát được”—và gia đình ông Bình chắc sẽ coi nó như một vị anh hùng dù nó đã thất bại.

Gió gầm thét khung khiếp. Các cây to gào lên, cành cây vung ra như những cánh tay dài; Duyên đã tới gần chót đỉnh rừng, giữa cảnh hoang vu man rợ của con đường đèo. Ở đây gió có thể nhắc bổng nó lên và quăng nó vào vách đá giống như những bông tuyết. Hai hàm răng nó va vào nhau lập cập và nó bật lên khóc.

“Tôi sợ quá, sợ quá”, nó meo meo nói. “Tôi không đi được nữa đâu. Tôi chết trên đường đèo mất. Ước gì ông Bình tới đây.”

Trong lúc nó cúi xuống để thắt dây giày trượt tuyết hầu trở về nhà, nó chợt nhớ đến cái giờ phút ấm cúng nó ngồi với An và Nội bên cạnh bếp lò, và lời Nội nói về sự sợ hãi.

“Sự yêu thương trọn vẹn thì cất bỏ sự sợ hãi...nếu chúng ta thật lòng tin rằng Đấng Christ yêu thương chúng ta trọn vẹn, sẽ chẳng có gì khiến chúng ta phải sợ hãi nữa... nếu Ngài yêu thương chúng ta trọn vẹn, Ngài sẽ không bao giờ để bất cứ cái gì làm hại chúng ta”.

Duyên ngừng lại, tay vẫn còn để trên cái cúc cài ở giày trượt tuyết với những ý nghĩ trong đầu óc. Như vậy là không phải chỉ có một mình nó bơ vơ ở đây. Nội đã chẳng nói rằng Chúa Giê-xu yêu thương nó trọn vẹn Ngài sẽ không để một đứa trẻ một mình bơ vơ trong cảnh đêm tối hãi hùng. Thật đúng như thể có một người nào mạnh hơn đêm tối, mạnh hơn bão tuyết và hãi hùng đã thành linh đến với nó, nắm bàn tay nó chỉ lên đồi cao.

Duyên vác giày trượt tuyết lên vai và tiếp tục đi.

“Sự yêu thương trọn vẹn cất bỏ sự sợ hãi”, nó thầm nhắc đi nhắc lại câu ấy nhiều lần. Nó thấy cũng đúng nữa. Nó đã không còn thấy sợ hãi ghê gớm như trước vì nó đã không còn cảm thấy cô đơn bơ vơ.

Nó tới đỉnh chót cánh rừng và bước qua chỗ khoảng trống. Giờ nó không còn nghĩ ngợi gì khác mà chỉ nghĩ cách làm sao đi cho được tới nơi.

Gió thổi mạnh như những làn roi lạnh buốt quất vào mặt nó. Nó bước vào một chỗ tuyết mềm lún sâu tới tận đầu gối. Nó cố gắng ra khỏi chỗ tuyết lầy đó. Đoạn, gập đôi người lại để tránh gió lạnh quất vào mặt, nó tiếp tục cố sức tiến lên từng chút từng chút một.

May thay, tuyết đã ngừng rơi và bầu trời đã bớt đen như mực. Chốc chốc một vầng trăng lọt lại lộ ra khỏi đám mây dày chiếu ánh sáng mờ mờ xuống cảnh vật. Vào những lúc đó, nếu nó ngẩng đầu nhìn lên, nó sẽ thấy những tảng đá hiện ra bên cạnh nó, và nó biết rằng nếu nó tiếp tục đi thẳng thì chẳng bao lâu nữa nó sẽ tới trên đỉnh đèo.

Nó đi không biết bao nhiêu lâu nữa thì bị một trận gió thật mạnh thổi nó ngã ngửa về đằng sau. Nó nằm thở hổn hển trong đống tuyết. Nó nhủ thầm, “Mình không bao giờ còn đủ sức chỗi dậy nữa”. Lúc ấy nó mệt quá nên cũng chẳng cần quan tâm đến việc nó có chỗi dậy được hay không. Nhưng rồi nó lại nhớ đến tình yêu thương trọn vẹn của Đấng Christ, và vì nó là một đứa bé, nó cảm thấy Cứu Chúa ở ngay sát cạnh nó, nó không cầu nguyện mà chỉ giơ tay lên để nhờ Ngài nâng nó dậy.

Chừng một lát sau, sức khoẻ dần dần hồi phục, nó cố gắng đứng lên và nhận thấy con đường ở trước mặt nó dốc thoải xuống. Thì ra nó đã vượt qua đèo.

Gió vẫn thổi mạnh, nhưng lúc này nó không sợ nữa mà lại lấy làm mừng. Nếu không có ngọn gió thổi ngược lên ấy, nó sẽ leo xuống rất mau và sẽ gặp nguy hiểm vì chân nó tê cứng và mệt yếu quá không còn đủ sức để lái giày trượt tuyết theo ý muốn. Nó lướt đi rất chậm, hai chân khum khum, cho đến khi hai chân nó sụm hẳn xuống, nó đành ngồi yên để mặc cho đôi giày trượt tuyết chở nó đi như người ngồi trên xe trượt tuyết.

Người nó tê cứng đến độ nó không còn cảm thấy lạnh nữa. Nó ngồi yên để mặc cho người nó trôi xuống đường dốc. Con buồn ngủ kéo đến mỗi lúc một thêm mạnh và giữa lúc nó đang tự hỏi không biết nó có đủ sức chống lại được cơn buồn ngủ không thì nó nghe thấy đùng một cái mạnh. Nó choàng tỉnh dậy và trước mặt nó lù lù một đống tuyết và gió cũng thôi không còn đẩy lui nó nữa. Nó rùng mình và nhìn chung quanh. Thì ra nó đã lọt vào rừng cây. Nó không nhớ nổi những gì đã xảy ra trong mấy phút vừa qua—đối với nó, có lẽ là cả mấy tiếng đồng hồ—nhưng hiển nhiên Cứu Chúa với tình yêu thương trọn vẹn của Ngài đã dẫn dắt nó đi đúng đường, trước mặt nó lúc ấy là con đường rừng trơn tru nhẵn nhụi len lỏi giữa những hàng cây.

Nó cố giữ tỉnh táo, vì trong rừng tối om, ngọn đèn bão chỉ chiếu sáng được chừng một mét trước mặt. Đường rừng lại vòng vèo chữ chi nên nó phải lái đi cho thật cẩn thận, nếu không nó có thể ngã xuống vực hoặc đâm sầm vào các gốc cây. Tuy nhiên, trong rừng kín gió nên nó cũng đỡ khổ. Nó bắt đầu cảm thấy chân tay đỡ tê cứng, nhưng lại đau nhức vô cùng.

Nó tiếp tục lướt xuống, lướt xuống, vì nó đang tiến về một thung lũng sâu. Trong rừng hầu như hoàn toàn yên tĩnh. Có lúc nó đứng hẳn dậy lái đi, nhưng cũng có lúc nó ngồi xồm để mặc cho đà dốc lôi nó xuống. Vào lúc gần sáng, mây đen tan biến và vầng trăng ló ra chiếu ánh sáng xuyên qua kẽ lá cành cây. Sau cùng, khi nó ra khỏi rừng cây, nó nhìn thấy những cánh đồng im lặng một màu bạc lóng lánh và dưới chân nó là thành phố hãy còn chìm trong bóng tối. Chỉ chừng nửa giờ nữa là nó sẽ tới thành phố, gõ cửa khách sạn chị nó làm, và khi ấy...

“Nếu Đấng Christ thật sự yêu thương mình trọn vẹn”, Duyên nghĩ thầm, “Ngài chẳng nỗ để cho mình phải thất bại sau khi đã vượt từng ấy chặng đường”. Nhưng vì quá mệt mỏi, nó không thể suy nghĩ gì hơn là nghĩ đến đó rồi nó cứ tiếp tục lướt qua bãi cỏ.

Chương 14

Ông Văn thức dậy rất sớm. Điều đầu tiên ông suy nghĩ ấy là thấy bão đã dứt và thung lũng hoàn toàn yên tĩnh. Đoạn ông nhớ lại ngày hôm nay là ngày ông trở về nhà.

Ông Văn rất vui mừng được trở về nhà. Ông bị đau yếu nên phải tìm lên miền núi này để nghỉ ngơi một tuần lễ. Nay ông đã hồi phục và sẵn sàng để làm việc trở lại. Ngày hôm nay, ông sẽ đáp chuyến xe lửa sớm và vào khoảng gần trưa ông đã về tới nhà rồi. Chắc người nhà sẽ đón tiếp ông linh đình lắm đấy.

Đám trẻ chắc sẽ làm ồn lắm! Nghĩ tới các con, ông mỉm miệng cười: nào thằng Mạch khỏe mạnh cứng cáp, con Vân nhí nhảnh vui cười, chú Biền mập mạp nghiêm trang, và nay lại thêm bé Đào. Hết nghĩ tới con ông lại nghĩ tới vợ? Bà Văn tươi vui và tóc cũng quăn như tóc bé Vân, nhưng cứ đến buổi chiều là bà thường mệt nhoài. Ông ước gì có thể kiếm được một người để giúp đỡ bà, vì bà phải một mình trông nom các con từ ngày chị vú bỏ đi lấy chồng cách đây một tháng. Thôi được, để khi trở về nhà ông sẽ lo việc này.

Ông Văn bước xuống giường và đi rửa mặt rồi mặc quần áo. Tuy đã ngót bốn chục tuổi đầu, ông vẫn còn vui vẻ huýt sáo miệng trong khi cạo râu. Ông vừa sửa soạn xong thì có tiếng gõ cửa.

“Cứ vào”, ông Văn nói. Ông hơi ngạc nhiên vì thấy trời còn sớm quá đâu đã đến giờ ăn điểm tâm. Mới có năm giờ rưỡi thôi mà.

Cửa mở. Người gác cửa đêm bước vào. Nom anh ta, người ta có cảm tưởng anh sắp báo một tin gì bí mật. Đầu hơi nghiêng nghiêng về một bên như để dò xét, anh nói: “Xin lỗi bác sĩ, nhưng hình như bác sĩ không có ý trông đợi một ai đến thăm”.

“Có người đến thăm tôi ư?” ông Văn hỏi lại với giọng càng ngạc nhiên hơn, “vào giờ này và giữa thời tiết này? Thật tình tôi không mong đợi một ai cả”.

Người gác cổng thêm phần khởi nói, “Dạ, thưa bác sĩ, câu chuyện như vậy. Cách đây chúng mười lăm phút đồng hồ, tôi nghe thấy tiếng gõ cửa. Lúc tôi mở cửa ra thì thấy một cậu bé đi giày trượt tuyết đang đứng nơi ngưỡng cửa. Cậu ta trạc mười hai tuổi, mắt trắng bệch nom như một xác chết chứ không phải là người. Chẳng chào hỏi ai, cậu ta nói ngay, “Tôi muốn gặp bác sĩ Văn”, rồi ngồi bệt ngay xuống bậc cửa, đầu tựa vào tường. Thấy vậy, tôi có bảo cậu ta: “Trời chưa sáng mà cậu đã đến kiếm người ta, đâu có được. Ông bác sĩ còn đang ngủ.” “Thì tôi đợi vậy”, chưa nói dứt câu, đầu cậu đã gục xuống”.

“Thấy cảnh ấy tội nghiệp quá nên tôi mới tháo gỡ giày trượt tuyết cho cậu và lôi cậu vào phòng đặt ngồi trên ghế. “Cậu từ đâu đến đây?”, tôi hỏi. Cậu ra đáp, “Từ thung lũng Đồng Xanh.”

“Cậu đi bằng cách nào vậy?”, tôi hỏi tiếp. “Chuyến tàu sớm chưa khởi hành mà?”

“Tôi băng qua đường đèo”, cậu ta nói. Dạ thưa bác sĩ, tôi càng nhìn kỹ cậu ta càng tin là cậu ta nói thật. Cậu ta còn đang ngồi đợi ở hành lang kia. Lúc tôi qua cửa phòng bác sĩ, nhìn thấy ánh đèn sáng, tôi nghĩ cứ thử vào để hỏi bác sĩ có bằng lòng tiếp cậu ấy không.”

Bác sĩ Văn đáp ngay: “Tôi ra gặp cậu ta chứ. Nhưng thật tình tôi không tin được câu chuyện cậu bé ấy vượt đèo tới đây. Ngay đến những người hướng đạo chuyên leo núi cũng chưa chắc đã vượt qua đèo ấy đêm qua. Trời gió bão như vậy trên đèo ấy tất phải khủng khiếp lắm.”

Người gác cửa nhún vai, dẫn bác sĩ Văn xuống dưới nhà. Nhưng vừa tới sảnh đường, cả hai kinh hoàng rú lên một tiếng kêu sừng sốt.

Duyên đã tuột khỏi ghế ngồi và đang nằm ngất xỉu trên nền nhà; mặt nó trắng bệch như mặt người chết.

Bác sĩ Văn vội cúi xuống bỗng đứa bé đang bất tỉnh lên. Ông bảo người gác cửa: “Tôi đem cậu bé này lên phòng tôi. Ông hãy kiếm ngay cho tôi mấy chai nước nóng, ít rượu mạnh và ít cà phê nóng. Thật mau lên nhé.”

Lên tới phòng, ông Văn đặt Duyên nằm ngay trên giường của ông. Ông cởi bỏ giày vớ cho nó, rồi chà xát chân nó thật mạnh. Khi chân nó đã ấm, ông cởi bỏ luôn cả những áo quần bám đầy tuyết nó mặc trên người rồi lấy chăn trùm kín cho nó. Lúc ấy người gác cổng đem cả rượu mạnh, cà phê và những chai nước nóng lên. Ông ta thở hổn hển như người vừa chạy đua về.

Bác sĩ Văn ấn các chai nước vào người Duyên rồi đổ vào miệng nó một muống đầy rượu mạnh. Duyên chưa mở mắt ra, người người ta nghe thấy tiếng nó thở dài mệt mỏi và nuốt rượu

mạnh.

“Thế là không hề gì”, ông Văn nói. “Chỉ lát nữa là con sẽ trở lại như thường.”

Lúc Duyên mở mắt ra mấy phút sau đấy, nó nhìn thấy một khuôn mặt rám nắng, hiền từ đang cúi xuống nhìn nó. Nó không nhớ được nó đang ở đâu. Nó cảm thấy trong người ấm áp, khoan khoái và hơi buồn ngủ. Nó muốn cứ được nằm yên như vậy để hưởng cái thú ấy mãi mãi.

Nhưng nó còn muốn biết cái người có khuôn mặt rám nắng, hiền từ ấy là ai mà cứ nhìn nó đắm đắm.

“Ông là ai?” Duyên khẽ hỏi.

Ông Văn không trả lời ngay. Ông nâng đầu Duyên dậy và đổ cà phê cho nó uống. Nó uống rất chậm chạp và nó phải cố gắng khó khăn lắm mới nuốt được. Khi uống xong, nó lại hỏi.

“Ông là ai và đây là đâu vậy?”

“Ta là ông Văn”, bác sĩ nói. “Ta không quen con, nhưng ta biết con đang muốn gặp ta.”

Duyên ngẩn ngơ ngó ông bác sĩ; nó mệt quá nên hầu như không còn nhớ mục đích nó đến đây để làm gì. Nhưng hơi ấm và chất rượu mạnh cùng cà phê nóng đã bắt đầu giúp nó tỉnh táo trở lại. Sau cùng nó nói.

“Ông có phải là vị đại bác sĩ lừng tiếng tài ba không?”

“Không; ta chỉ là một bác sĩ thường thôi.”

“Nhưng ông có thể làm cho trẻ con què đi được chứ?”

“Cũng tùy cái nguyên nhân tại sao nó què. Thỉnh thoảng ta cũng chữa được cho một vài đứa.”

“Đứa bé này bị què vì ngã xuống vực. Nay nó phải chống nạng và đi một chiếc giày đế cao.”

“Đứa nào vậy.” Ông Văn ngạc nhiên hỏi.

“Đó là bé Danh, sáu tuổi, con ông Bình. Nhà nó ở gần nhà cháu. Cháu tìm đến đây để hỏi xem ông có chữa cho nó được không. Cháu có đủ tiền để đưa trả ông.”

“Nhưng sao mà cháu biết đến ta.”

“Tối hôm qua chị cháu có nói chuyện về ông. Chị cháu giúp việc ở khách sạn này.”

“Nhưng cháu làm cách nào mà đến được đây giữa lúc trời gió bão.”

“Dạ cháu vượt qua đèo bằng giày trượt tuyết.”

“Đâu có thể được cháu, nhất là giữa lúc trời bão tuyết như đêm qua.”

“Cháu vẫn phải cố, vì không có cách nào khác để đến được đây.”

Duyên đã nói đúng; thật quả không có cách nào khác. Ông Văn ngồi ngó Duyên như thể ngó một vật kỳ lạ, hiếm có. Trong lúc ấy tay Duyên mò vào trong cái áo sơ mi nó vẫn còn mặc trên người và lôi ra cái vớ đựng tiền.

“Thưa ông”, nó nói, “chừng này tiền liệu đã đủ để chữa cho bé Danh chưa?”

Ông Văn moi mớ giấy bạc đựng trong chiếc vớ cũ ra, và không khỏi thốt ra một tiếng ngạc

nhiên. Quay về phía Duyên, ông nhẹ nhàng nhưng cương quyết, “Trước khi chúng ta bàn thêm, cháu phải nói cho ta hay cháu đã lấy tiền này ở đâu? Cháu có biết bao nhiêu tiền cả thầy không.”

Duyên đáp giọng buồn ngủ, “Cháu không biết rõ. Nhưng chị cháu bảo muốn nhờ ông phải mất nhiều tiền lắm. Ông thấy từng ấy đã đủ chưa?”

“Quá đủ nữa,” bác sĩ Văn đáp. “Nhưng tiền này cháu lấy ở đâu.”

“Một ông già cháu quen, đã cho cháu số tiền ấy”, Duyên đáp khẽ. Nó thấy buồn ngủ quá, mí mắt nó như cứ muốn nhắm lại. Nó cố nói tiếp, “Và có lời nhắn nhủ này: Ông ấy bảo đây là để trả một món nợ – và bác sĩ cứ cầm cả đi.”

Bác sĩ Văn hỏi dồn, “Ông già ấy là ai? Cháu nói cho ta biết đi rồi thì cháu đi ngủ. Tên ông ta là gì.”

“Dạ, cháu cũng không biết.”

“Thế ông ấy ở đâu.”

“Ông ấy bắt cháu hứa không được nói cho ông biết.”

Vừa dứt lời, mắt Duyên đã nhắm lại, đầu ngoẹo về một bên. Nó đã ngủ say.

Bác sĩ Văn thấy mình ở giữa một trường hợp khó xử. Bốn mươi lăm phút nữa thì chuyến xe lửa ông định đi sẽ khởi hành. Nhưng còn cậu bé đang nằm trên giường đây đã liều hy sinh tánh mạng để đến tìm ông. Có thể câu chuyện rồi chẳng đi tới đâu, nhưng trước một tấm lòng dũng cảm hy sinh như vậy, ông không thể làm cho thất vọng bằng cách từ chối đến xem bệnh cho cậu bé què. Nhìn Duyên ông đoán nó còn có thể ngủ hàng tiếng đồng hồ nữa.

Bác sĩ Văn nhẹ nhàng rời khỏi phòng, đi xuống tầng dưới khách sạn để kêu điện thoại về cho bà Văn.

“Em đấy ư?” ông bắt đầu. “Anh rất tiếc không thể về được nhà sáng hôm nay. Chắc phải tới khuya anh mới về được. Vì có một chuyện kỳ lạ vừa xảy ra...”. Đoạn, ông kể cho bà Văn nghe đầu đuôi câu chuyện.

Lúc rời phòng điện thoại, ông suýt đụng phải một cô gái mắt đỏ hoe, mặt tái nhợt. Cô này nắm chặt lấy bàn tay ông.

“Thưa bác sĩ”, cô ta hấp tấp nói, “người gác cổng có cho cháu hay em cháu đã được ông cứu tỉnh và hiện đang nằm trên phòng ông. Bác sĩ ạ, má cháu và cháu đã tưởng nó chết trong bão tuyết rồi. Thôi, cháu phải về ngay để cho má cháu biết tin.”

Bác sĩ Văn ngồi xuống bên cạnh cô gái trên đi văng. Ông muốn hỏi để biết nhiều chuyện, nhưng cô gái chỉ nói rất về nỗi lo sợ của hai mẹ con cô đêm qua. Ông Bình đi ra ngoài suốt đêm để tìm kiếm thằng Duyên, nhưng vì ông nghe nói Duyên đi chân không chứ không đi giày trượt tuyết nên ông chỉ lo tìm kiếm quanh bìa rừng. Ông biết một đứa trẻ đi chân không, không thể nào đi

vào chỗ đồng tuyết ngập đầu nơi đường đèo; còn dấu vết giày trượt tuyết của Duyên thì đã bị bão tuyết xóa mờ và che phủ. Trên lối đi trong rừng, ông Bình có tìm thấy dấu chân, nhưng không thấy vượt quá bìa rừng. Ông cũng đã tìm kiếm trong các chỗ tuyết đọng ngập nhưng không có kết quả. Gần sáng, ông trở về đem theo tin buồn cho mọi người.

Về bé Danh, Mai chỉ kể được cho ông Văn biết rất ít. Lòng rối loạn, Mai không còn bụng dạ nào làm việc. Nay chỉ biết tin Duyên không hề gì, chị muốn đưa nó về nhà ngay. Chị sẽ kêu điện thoại cho sở Bưu điện nhờ sở này cho một em nhỏ vượt núi đem tin về nhà cho má chị hay để bà yên lòng.

Nhưng bác sĩ Văn không muốn để Duyên về nhà ngay. Ông bảo Mai hãy về nhà một mình, còn ông sẽ dẫn Duyên về nhà bằng xe lửa khi nào Duyên thức giấc dậy. Ông còn bảo Mai hãy cho người đem xe trượt tuyết ra chờ đón ở ngoài ga vì ông sợ Duyên hãy còn tê cứng chưa đi đứng được.

Mai vâng lời, đi thu xếp ngay mọi việc trong khi ông Văn trở về phòng. Duyên vẫn còn nằm yên như lúc nãy, má gối vào bàn tay, nhưng mặt nó đã hơi có sắc hồng hào – nom nó đã khá hơn trước nhiều. Ông Văn ngồi xuống ngắm nghía nó, lòng lại băn khoăn tự hỏi, không hiểu làm sao nó có được nhiều tiền như vậy. Còn cái ông già đã dặn nó nói về tiền trả món nợ là ai vậy?

“Tiền trả món nợ.” Hừ, ông Văn nhất định phải tìm ra bí ẩn của vụ này.

Vào giữa trưa thì Duyên tỉnh dậy. Nó lại mơ màng một lúc lâu không nhớ rõ chỗ nó đang ở là đâu. Toàn thân nó đau ê ẩm, nhưng là một thứ đau ấm áp dễ chịu miễn là đừng ai bắt nó phải dời khỏi chỗ nằm. Nghe thấy tiếng nó cử động, ông Văn liền bước lại gần.

“Sao?” ông dịu dàng hỏi, “cháu đã thấy khá chưa?”

“Cám ơn bác sĩ, cháu đã thấy khá rồi”, Duyên đáp; đoạn nó nhớ lại mọi việc nên nó lo lắng hỏi tiếp, “Ông có thì giờ đi coi bệnh cho thằng nhỏ mà cháu đã nói chuyện với ông không?”

“Được”, ông Văn ngồi xuống bên cạnh nó và nói, “Đợi ăn xong rồi chúng ta sẽ đi. Giờ ta bấm chuông kêu họ mang lên đây hai phần cơm để ông cháu ta ăn. Trong khi ăn cháu hãy kể cho ta nghe về đứa nhỏ nợ và về ông già mà cháu bảo đã cho cháu tiền.”

Duyên vội đáp, “Cháu không thể nói cho ông nghe về ông già đâu, vì cháu đã có lời hứa rồi. Ông ấy sống bí mật lắm, ngoài cháu ra chưa hề có ai tới thăm ông ấy cả. Ông ấy dặn cháu chỉ thưa lại với ông rằng đây là tiền để trả một món nợ, ngoài ra cháu không được nói chuyện gì khác nữa. Ông ấy đối với cháu tử tế lắm nên cháu không thể nào sai lời hứa được.”

“Thôi cũng được”, bác sĩ Văn nói. “Cháu cứ việc giữ lời đã hứa, ta sẽ không ép cháu phải nói cho ta biết gì về ông già ấy nữa. Giờ cháu hãy nói cho ta biết về em nhỏ mà cháu bảo là bị què chân ấy – nó bị từ bao giờ, mà làm sao nó bị.”

Bác sĩ Văn để ý thấy mặt Duyên ửng đỏ. Nó lặng yên đến mười phút. Nó không muốn kể cho

ông bác sĩ nghe sự thật về cái chân đau của bé Danh, nhưng nó nghĩ thế nào ông chẳng hỏi chuyện ông Bình nên tốt hơn là nó cứ kể ra.

“Đó là lỗi tại cháu”, Duyên đáp, “Bé Danh bị té hồi mùa Xuân. Lúc ấy cháu định trêu nó. Cháu giả bộ ném con mèo của nó xuống dưới mương, nhưng vì lỡ tay nên cháu thành ném thật. Bé Danh tìm cách xuống cứu con mèo nên bị ngã xuống suối và bị gãy chân. Từ ngày ấy nó không còn đi đứng được như thường nữa. Muốn đi đâu nó phải chống nạng nên cháu nghĩ may ra...”
Duyên kể chuyện mà môi run lên, giọng nói rề rề nhất gừng nghe không được rõ lắm. Nhưng thế cũng đủ lắm rồi. Vì ông Văn vốn là người yêu thương và hiểu thấu trẻ thơ, nên chỉ qua mấy lời ngắn ngủi rụt rè của Duyên, ông hiểu rõ ngay câu chuyện và biết rằng cậu bé đang nằm một lã trên giường kia đã phải chịu sự trừng phạt nặng nề.

“Cháu Duyên à”, bác sĩ Văn nói, “chúng ta sẽ cùng đi thăm bé Danh. Có lẽ Thượng Đế tính dùng cháu làm phương tiện để chữa khỏi bé Danh. Cháu biết không, cháu phải cảm ơn Thượng Đế rất nhiều. Theo ta nghĩ, nếu không có Ngài trông nom che chở cho cháu đêm qua, cháu không thể nào vượt qua được đường đèo một cách an toàn.”

Duyên bẽn lẽn đáp, “Dạ, cháu biết. Mới hôm qua đây cháu cầu nguyện Thượng Đế hãy chữa khỏi cho bé Danh thì đến chiều tối lúc nghe chị cháu kể về bác sĩ, cháu nghĩ rằng Thượng Đế đã nhận lời cầu nguyện của cháu. Rồi đến khi đi tới rừng, cháu sợ quá định quay về nhà, nhưng rồi cháu nhớ lại câu cháu được nghe ngày lễ Giáng sinh, cháu lại mới tiếp tục đi nữa.”

“Cháu nhớ lại câu gì vậy”, bác sĩ Văn dịu dàng hỏi.

Duyên chậm chạp đáp, “Cháu nhớ lại cái câu mà Nội bé Danh đã đọc cho chúng cháu nghe trong Kinh Thánh. cháu không nhớ hết cả câu mà chỉ nhớ được một phần – rằng sự yêu thương trọn vẹn thì cất bỏ sự sợ hãi – và lời Nội nói rằng tình yêu thương của Đấng Christ là trọn vẹn. Lúc ấy cháu không thấy sợ nữa và cháu tiếp tục đi. Cháu cũng không nhớ được rõ lắm làm thế nào cháu lên được đỉnh đèo, nhưng khỏi đỉnh đèo thì cháu tuột xuống an toàn.”

Ông Văn đáp, “Phải, theo ta nghĩ thì chỉ có tình yêu thương trọn vẹn của Đấng Christ mới che chở được cho cháu trong cơn bão tố đó, mới dẫn dắt được cháu đi khỏi lạc đường, và mới cất bỏ được sự sợ hãi trong lòng, khiến cháu tiếp tục đi. Ngài đối với cháu thật tốt vô ngần đấy, cháu ạ! Giờ chúng ta hãy cảm ơn Chúa trước khi chúng ta đi dùng cơm.”

Thế là Duyên và ông Văn cùng cầu nguyện, Duyên thì úp mặt vào gối còn ông Văn quì bên cạnh giường. Ông tạ ơn Cứu Chúa đã biểu dương tình yêu thương trọn vẹn của Ngài mạnh hơn cơn gió bão này, đã dẫn dắt Duyên vượt qua đêm tối và đã cứu nó thoát khỏi sợ hãi và chết chóc; đoạn ông cầu nguyện cho bé Danh, cầu xin Thượng Đế hãy ban cho ông đủ tài khéo để chữa lành cái chân gãy của bé Danh.

Úp mặt vào gối, Duyên cũng cầu nguyện, nhưng nó không cầu lớn tiếng. “Lạy Chúa”, nó nói khẽ

trong lòng, “đêm qua Ngài đã ở sát bên con trên núi nên con không biết sợ hãi là gì. Xin Ngài đừng rời xa con nữa; con cũng muốn mở cửa lòng như An đã làm. Xin Ngài hãy ngự vào trong con”.

Chương 15

Ông Bình đích thân đánh xe trượt tuyết ra tận nhà ga. Lúc xe lửa tới, ông chở ngay bác sĩ Văn và Duyên về thẳng nhà. Dân làng kéo nhau rằng đứng ở cửa để nhìn vị bác sĩ danh tiếng đi qua, vì ai nấy đều đã được nghe rõ chuyện. Tên bác sĩ Văn được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, và mỗi lần ông lại thêm nổi tiếng. Còn trẻ con kháo nhau, làm như ông có mang theo một cây đuă thần chỉ cần khẽ đụng vào người bé Danh là nó khỏi liền. Duyên cũng được nói tới như thể nó là một thứ phép màu hiện đại, nhưng nó không nghe được những lời mọi người nói về nó vì xe chạy nhanh quá, lại thêm tiếng nhạc leng keng ing ỏi. Nhưng như thế cũng hay, vì đỡ làm cho nó thành kiêu căng tự đắc.

Nó ngồi trên xe, tựa mình vào ông Văn. Dầu nó có gắng sức cũng không bước đi được, mọi người phải đỡ nó từ trên xe lửa xuống; tứ chi nó cứng ngắc không chịu cử động theo ý muốn. Tuy mệt rũ rượi, nó vẫn cảm thấy khoan khoái, hân hoan và tràn đầy hy vọng. Lúc xe về tới gần nhà, lòng nó reo vui như muốn hòa nhịp với tiếng nhạc đeo ở cổ lừa kéo xe trượt tuyết.

Ông Bình ngồi im lặng lái xe, lòng băn khoăn không biết phải làm thế nào. Ông cảm thấy có trách nhiệm lớn lao khi chở một nhân vật danh tiếng như bác sĩ Văn trên chiếc xe trượt tuyết của ông. Ông chỉ mong con lừa – hôm ấy nó lại quá hăng hái – đừng làm lật nhào chiếc xe khi quẹo các góc đường. Ông nhớ đến những vụ xe lật nhào rất thường xảy ra vì nổi xe thì lớn mà đường đi thì nhỏ hẹp.

Ông cũng lo lắng về chuyện tiền nong nữa. Dĩ nhiên, ông sẵn lòng dâng cả của cải ông có để chữa lành chân cho bé Danh, nhưng buồn thay ông làm gì có nhiều của cải, và nếu ông không đủ tiền trả bác sĩ thì sao? Có lẽ vị bác sĩ danh tiếng này sẽ vui lòng để ông trả một con bê thay tiền.

May mắn quá, mọi người về tới nhà mà không gặp một trở ngại nào ở dọc đường. Ông Bình đỡ cho bác sĩ xuống xe, rồi ông bế Duyên vào thẳng phòng ngoài, đặt nằm trên một chiếc đi văng.

Ông cũng vui mừng được thấy Duyên, vì ông đã trải qua một đêm chạt vật lo âu, đi tìm kiếm nó trong các đồng tuyết.

Nội, An và bé Danh coi bộ khác thường, làm như thể cả ba người sắp sửa đi chụp ảnh. Cả ba đều ăn mặt thật đẹp và ngồi cứng ngắc nơi mép ghế. Nhìn họ, người ta có cảm tượng họ đã ngồi sẵn đấy từ lâu để chờ đợi nhân vật tiếng tăm là bác sĩ Văn. Khi ông Văn bước vào, An và bé Danh ngoảnh nhìn Nội rồi nghiêm trang đứng cả dậy; Nội lấy cớ đau bệnh tê thấp nên chỉ cúi đầu chào không thôi.

Bé Danh không ưng tí nào. Nó cứ tưởng một người tiếng tăm lừng lẫy thì phải mặc áo đỏ giống như vị vua chúa đã từng khiến hiệp sĩ William Tell bắn trúng trái táo kể trong cuốn sách lịch sử Thụy sĩ của chị An. Nó còn định nhìn người ấy phải có một bộ râu quăn vàng óng thật đẹp và phải cưỡi một con ngựa chiến trắng toát, trái lại cái ông lạ mặt đi sau ba nó lại có bộ quá tầm thường. Danh cảm thấy bức mình; nó nhăn mặt và bĩu dài môi dưới ra.

Bác sĩ Văn lựa một cái ghế thật xa chỗ mọi người rồi mới ngồi xuống. Ông mỉm cười với tất cả. Nụ cười của ông thật tươi, thật nở nang khiến bé Danh quên cả niềm thất vọng và mỉm cười đáp lại.

Ông Văn cho tay vào túi áo lấy ra một cái kẹo sữa và chìa về phía bé Danh.

“Cháu có muốn lấy cái kẹo này không?” ông hỏi.

Bé Danh gật đầu thật nhanh, miệng mỉm cười vui sướng; một cái kẹo sữa còn hơn chiếc áo dài đỏ và con ngựa chiến.

“Nếu cháu thích thì lại đây lấy đi”, ông Văn nói. Bé Danh hớn hờ nháy lò cò từng bước qua phòng; trong lúc bé nháy, ông Văn chú mục nhìn bé. Khi bé Danh tới trước mặt ông, ông nhắc bé đặt ngồi lên đùi ông và đút cái kẹo sữa vào miệng bé.

Ông Văn rất có cảm tình với gia đình này. Ông mến Nội lúc ấy đang ngã người về đằng trước chăm chú nhìn ông một cách tinh quái như thể muốn nói, “Đứa nhỏ kia là cháu tôi đấy – ông có làm gì nó thì coi chừng, kẻo không sẽ có chuyện với tôi đó!” Ông mến ông Bình với nét mặt thật thà, màu da sạm nắng, và đôi vai còng xuống vì công việc nặng nhọc. Ông mến An với những bím tóc màu bắp ngô và chiếc tạp dề sọc không một vết dơ – nhưng người mà ông mến hơn hết chính là cậu bé ngây thơ đang ngồi mút kẹo một cách ngon lành trên đùi ông. Ông cũng nhận thấy gia đình này vắng bóng người mẹ, và ông không biết có phải bà cụ già kia hay cô gái nhỏ nọ đã giữ cho căn nhà này được sạch sẽ, ngăn nắp như vậy.

“Cháu còn thấy đau chân không?” Ông Văn hỏi bé Danh.

“Không”, Danh đáp.

Nội vội vàng sửa lại, “Cháu phải nói: Thưa ông không.”

Bé Danh luôn luôn biết vâng lời nên nói tiếp, “Thưa ông chỉ thỉnh thoảng thôi ạ, khi nào cháu đi

mà không chống nạng kia – nạng cháu có chạm đầu gấu đẹp lắm, ông có muốn coi không?”

“Muốn lắm chứ”, ông Văn đáp. Và trong khi đó bé Danh nhảy từng bước đi kiểm cặp nạng, ông lại hết sức chăm chú nhìn nó.

“Cháu có thể chống nạng nhảy được thật xa”, bé Danh khoe. “Ông có muốn coi cháu nhảy thật xa không?”

“Có chứ! Cháu thử nhảy cho ta coi nào”, bác sĩ Văn đáp.

Nội lớn tiếng bảo bé Danh, “Coi chừng ghế đó, Danh!”. Xưa nay nội vẫn cấm bé Danh không được nhảy xa trong nhà. Còn An thì vội vàng mang hai con mèo con đi chỗ khác, vì sợ bé Danh nhảy đụng vào chúng.

Bé Danh nhảy một bước xa thật là xa. Bác sĩ Văn vỗ tay khen, “Giỏi lắm! Thật giống hệt như con đại thử ta đã được coi một lần ở Sở thú. Giờ cháu hãy bỏ đôi nạng xuống và đi lại phía ta xem sao.”

Danh khập khiễng đi lại phía ông. Miệng nó mỉm cười, nhưng cái chân đau của nó kéo lê nom thật tội nghiệp. Ông Văn cũng mỉm cười, rồi ông nhẹ nhàng nhắc bổng nó lên đặt ngồi trên đùi như cũ. Ông còn cho thêm nó một cái kẹo sữa nữa.

Từ nãy nội vẫn chăm chú theo dõi cử chỉ của hai người. Đến lúc ấy, Nội mới quay lại bảo An, “Cháu hãy đặt ấm lên bếp để lấy nước pha trà. Nhớ mang cả hộp bánh bích qui bơ ra nhé.”

Trong lúc An đi lo pha trà, ông Văn đặt Danh nằm lên bàn và sờ nắn, bẻ đi bẻ lại chân nó một lúc thật lâu. Khi ông xong việc thì trà cũng đã dọn lên bàn. Nội mời ông ngồi xuống dùng trà cùng với mọi người; ông kéo ghế ngồi xuống, nhưng hình như trí óc còn mãi nghĩ đâu đâu.

Sau cùng, Nội cất tiếng đồng dặc hỏi: “Thế nào, liệu ông có thể chữa cho cháu được không?”

Tất cả mọi người đều quay nhìn cả vào ông Văn để chờ đợi ông trả lời – trừ có bé Danh lúc ấy đang nhìn chăm chăm vào hộp bánh bích qui bơ. Nãy giờ mọi người đã quên không đưa cho nó một cái, và nó không dám tự tiện lấy vì sợ Nội nó quở mắng. Bánh bích qui bơ ngon tuyệt – vừa mỏng, vừa vàng, vừa dòn tan – mỗi tháng nội chỉ làm có một lần trong một cái lò nướng đặc biệt.

Ông Văn không trả lời ngay câu hỏi của Nội. Ông quay về phía Danh trước.

“Cháu này”, ông nói, “cháu có muốn chạy nhảy giống như mọi đứa trẻ khác không.”

Danh do dự. Nó cũng chưa biết chắc nó muốn gì; nó là đứa bé duy nhất trong làng có cặp nạng đầu gấu, và nhờ đó mới thành đứa trẻ đặc biệt được mọi người chiêu đãi. Nhưng rồi nó nhớ ra là mùa Xuân sắp tới, và nếu nó không chạy nhảy được thì nó không đuổi được những con dê con ngoài đồng như nó đã từng làm năm ngoái – đuổi dê con là một trò chơi đầy thích thú đáng để cho nó trở lại làm một đứa trẻ bình thường.

Nghĩ thế nó mới đáp, “Vâng, cảm ơn ông, cháu muốn; Nội à cho cháu một cái bánh bích qui bơ

nhé.”

Không ai trả lời. Duyên và An ngồi yên, tách trà cầm trên tay, cả hai mặt hơi tái. Ai nấy đều còn chăm chú ngó bác sĩ Văn.

Thình lình bác sĩ nói, “Danh nè, con mèo xinh đẹp của cháu đâu rồi.”

“Nó ở vừa củ ngoài kia ạ”, Danh đáp. “Ông có muốn coi có không? Nó còn có ba con mèo con đẹp lắm nữa.”

“Cháu mang vào đây ta coi”, ông Văn đáp. Thế bé Danh khập khiễng chạy đi kiếm con Mướp – lúc đó qua gần bàn, nó với tay lấy luôn hai chiếc bánh bích qui bơ, nhưng hình như cũng chẳng ai buồn để ý đến.

Đợi lúc nó ra khỏi phòng và cánh cửa đã đóng lại, bác sĩ Văn mới quay về phía ông Bình và nói, “Tôi nghĩ may ra tôi có thể giúp ông được. Tuy nhiên, cũng phải đợi coi hình chụp quang tuyến rồi mới dám nói chắc. Theo tôi thì cái chỗ xương gãy không được gắn đúng chỗ nên không thể nào liền lại được; giờ tôi tính phải làm cho nó gãy lại rồi kéo thẳng nó ra. Nhưng làm như vậy thì phải giải phẫu và phải nằm lâu tại bệnh viện. Vậy ông có bằng lòng để cháu Danh theo tôi tới bệnh viện không.”

Ông Bình lúng túng xoa hai tay vào nhau. Ông hết nhìn Nội lại nhìn An như hỏi ý kiến hai người. Đối với ông, giải phẫu là một chuyện gì ghê gớm lắm mà chỉ nghe nói tới thôi cũng đủ rùng mình. Ngoài ra, ông còn được nghe nói giải thuật tốn kém lắm, mà ông thời lại không có nhiều tiền.

Sau cùng, ông gãi đầu ngượng ngập hỏi, “Như vậy thì phải mất bao nhiêu tiền.”

Bác sĩ Văn đáp, “Ông không tốn đồng xu nào cả, vì cháu Duyên đã trả hết cả rồi. Giờ tôi không có thì giờ để giải thích cho ông rõ, vì cháu Danh sắp sửa quay trở lại rồi. Chúng ta phải giải quyết ngay trước khi nó vào tới đây. Vậy ông có vui lòng để nó đi theo tôi không.”

“Vâng, tôi bằng lòng”, Nội đáp dù chẳng ai hỏi Nội.

An xen vào hỏi, “Thưa thế bao giờ đi ạ.”

“Sáng mai”, ông Văn đáp. “Tôi sẽ đáp chuyến xe lửa sớm, và sẽ đem bé Danh cùng đi với tôi.”

“Ông đem cháu đi đâu vậy?”. Giọng trong trẻo của bé Danh vang lên. Nó vừa im lặng đi từ cửa sau vào mà không một ai để ý. Nó tiến đến đứng bên cạnh ông Văn, hai tay ôm cả đám mèo con. Trong đời nó mới có một lần được đi xe lửa – mà trong có mười phút thôi – nhưng nó không bao giờ quên được.

Không ai trả lời nó. Mọi người vẫn còn mãi ngó bác sĩ Văn.

“Đi đâu thế hả Nội?”, Bé Danh lại cất tiếng hỏi.

Ông Văn quay về phía nó.

“Cháu Danh à”, ông nói, “Cháu sẽ cùng đi với ta xuống thành phố bên hồ. Cháu sẽ ở với ta trong

một ít lâu, và ta hy vọng sẽ làm cho chân cháu khá hơn. Cháu có thích thế không.”

Danh ra vẻ nghi ngại. Sau đó rần rỏi nói, “Thế còn chị An? Còn Nội, còn ba, còn con Mướp và cả đám mèo con nữa? Vâng, thưa ông, tất cả chúng cháu đều thích thế lắm.”

“Ồ, không được đâu Danh”, An lớn tiếng. “Cả nhà không thể nào cùng đi với em được. Em phải ngoan và đi một mình. Ông đây sẽ trông nom em, và chỉ ít ngày thôi là em sẽ trở về nhà mà, - tuy nói thế nhưng lòng cô bé đau như dao cắt.”

An vừa nói xong, Danh đã lặn cả người nó lặn đàn mèo vào lòng chị, rồi vừa dậm chân vừa thét rống lên.

Chưa bao giờ gia đình ông Bình thấy nó làm như vậy. An vội vã ôm chặt lấy đầu em và hôn tới tấp lên mặt nó – Nội thì ve vuốt, vỗ về thân mình nó, còn ông Bình thì cố nhét vào tay nó những cái bánh bích qui bơ vàng ngậy; nhưng tất cả đều vô hiệu. Cả nhà nhìn nhau thất vọng. Trước quang cảnh đó ông Văn biết ngay nếu ông không nghĩ ra cách gì giải quyết ngay, ông sẽ phí một ngày vô ích.

Ông quay về phía Nội nói thật lớn tiếng để át tiếng gào thét của bé Danh, “Cô bé kia có biết cách trông nom trẻ con không.”

Nội gào trả lại, “Chính nó đã nuôi lớn đứa nhỏ này đó.”

“Vậy thì cụ nên cho nó đi theo em nó đi”, ông Văn thét. “Nó còn có thể giúp nhà tôi một tay.”

An lắc Danh thật mạnh đồng thời quát lớn, “Danh, có nín đi không! Chị cũng đi với em đây.”

Danh nín ngay tức khắc. Nó nấc cục ba tiếng rồi mỉm cười. Nhưng ông Văn không cười. Ông nhắc bổng nó lên rồi nghiêm trang nói với nó, “Ta e con đã được nuông chiều quá rồi đó! Khi con tới ở bệnh viện của ta, ta bảo gì con phải làm thế ấy, chứ không được gào thét hay làm ầm ĩ lên, nghe.”

Bé Danh nũng nịu dấm lên ngực ông.

“Cháu có chị An!”, nó đáp, và lại mỉm cười. Nó biết lần này nó lại thắng nữa.

Ông Văn đặt bé Danh xuống. Ông nói, “Giờ phiền mọi người cho tôi mượn một cái xe trượt tuyết, tôi sẽ dẫn cậu Duyên về nhà. Xin chào tạm biệt cả nhà. Sáng mai đúng tám giờ rưỡi hai cháu sẽ gặp tôi ở sân ga. Các cháu nhớ mang đủ đồ dùng cần thiết để ở trên tôi chừng vài ba tháng. Cháu An sẽ giúp tôi buổi sáng, còn buổi tối sẽ đi học. Vậy buổi chiều cháu tha hồ ở chơi với em cháu.”

Ông Bình tho thẩn bắt tay bác sĩ Văn và giơ tay lau trán mình. Mọi việc diễn tiến mau quá đến nỗi ông tưởng như mình đang mê ngủ. Ông chỉ biết rõ có một điều là bắt đầu từ sáng mai ông sẽ phải sống xa hai đứa con thân yêu là An và bé Danh trong suốt hai ba tháng trời. Ngoài ra ông không còn nhớ được gì hết. Ông lão đảo đi về phía chuồng bò để vắt sữa bò và để cố nhớ lại mọi việc trong bầu không khí quen thuộc êm ả của chuồng bò.

Nội đưa tiền bác sĩ ra tận cửa. Nắm chặt tay ông Văn trong tay mình, Nội thành linh nói, “Ông là một người thật tốt. Thượng Đế sẽ ban thưởng cho ông.”

Ông Văn ngắm bà cụ già dũng cảm đang đứng trước mặt ông. Mắt ông tự nhiên ướt đi. Ông nhìn thấy bà cụ cùng hai đứa cháu mạnh khỏe vui sướng đứng ở phía sau, và căn nhà sạch sẽ êm ả mà bà cụ là vị thiên thần canh giữ. Ông thoáng nhận thấy trên đôi bàn tay nhăn nheo của bà cụ ánh lên tình yêu thương và lòng dũng cảm, và chính hai thứ này đã làm mạnh hai bàn tay kia và làm sáng cặp mắt mờ mịt khiến bà cụ có đủ sức để làm tròn một công việc nặng nhọc vượt quá khả năng thiên nhiên của bà; ông cũng còn nhận thấy nơi bà cụ cái tình yêu thương chân thật không chút vị kỷ đã khiến bà vui lòng để hai cháu ra đi, vì ra đi là tốt cho chúng – và ông biết ông đang đứng trước một trong những người Thánh của Thượng Đế.

“Cả cụ nữa”, ông đáp, “cũng là một người nhân từ không vị kỷ và chắc chắn Thượng Đế cũng sẽ ban thưởng cho cụ.”

Bác sĩ Văn mượn chiếc xe trượt tuyết đưa Duyên về tận nhà và giao vào tận tay má nó. Bà Mầu làm bộ hết sức giận dữ đối với con.

“Mày thật hư đốn quá”, bà quát, “bỏ ra đi như vậy mà không nói cho ai biết để cả nhà phải một phen sợ hết hồn – sao mày có thể làm được một chuyện tồi tệ như vậy? Mày thật đáng đánh đòn...” – nhưng bà không đánh nó mà chỉ giằng nó khỏi tay ông Văn, rồi dìu nó lên thang lầu, đặt nó nằm cẩn thận trên giường. Đoạn bà trở xuống, ngồi vào bàn, trùm vạt áo lên mặt, nước mắt khóc.

Ông Văn an ủi bà: “Bà có một đứa con thật là can đảm.”

“Nó hư đốn lắm, thưa ông”, bà đáp. Rồi phần hãnh diện vì con, phần vui mừng vì thấy nó trở về nhà an toàn, bà càng khóc dữ hơn trước.

Suốt buổi sáng bà Mầu và Mai đã hì hục làm một mẻ lớn bánh bông lan cho Duyên là thứ bánh mà nó ưa thích hơn hết. Trong lúc ấy còn thơm sực mùi bánh. Hai mẹ con mời ông Văn cùng ngồi xuống ăn, nhưng ông từ chối, vì ông còn có một việc quan trọng phải làm, mà thì giờ thì lại ít.

Ông đi thẳng vào chuyện: “Tôi thấy hình như cậu Duyên có quen biết một ông già nào ở quanh quần đâu đây – bà và cô có thể nói cho tôi biết chỗ ở của ông ta không?”

“Một ông già?” Mai lập lại. “Ô, phải, chắc là ông cụ già ở trên núi đã dạy thẳng Duyên tạc khắc gỗ ấy. Một già một trẻ mà ở được với nhau cả tiếng đồng hồ, thật là kỳ! Mà cũng chẳng hiểu thẳng Duyên tìm được những gì thích thú ở ông già ấy? Điều đó chỉ có Trời biết! Nhưng hầu hết mọi người ở đây bảo là ông ta điên khùng.”

“Cháu có thể chỉ đường cho ta đến nhà ông già đó không?”, Ông Văn hỏi.

Mai ngạc nhiên đáp, “Dạ, được chứ! Nhà ông ta ở ngay trên núi kia, đi xuyên qua rừng là tới,

nhưng cháu khuyên ông chó nên lên trên ấy. Tuyết rơi nhiều như thế, đường đi chắc sẽ tối tăm.”

“Ta có việc cần gặp ông già ấy”, Bác sĩ Văn vẫn tắt đèn. “Phiền cháu ra ngoài cửa chỉ cho ta rõ lối đi. Lúc trở xuống, ta sẽ tới đây để từ biệt cậu Duyên.”

Trên đường lên núi buổi xế chiều hôm ấy, ông Văn tưởng chừng như chưa bao giờ ông nhìn thấy cảnh rừng đẹp như vậy. Tuyết đè nặng trĩu các cành cây, và lá thông bị vướng vào những mảnh băng nhỏ lấp lánh như hình sao. Ông Văn tự hỏi không hiểu ông già kia là người thế nào mà sống một mình trơ trọi giữa cảnh rừng tuyết hoang vu lạnh lẽo này? Ông tự nhiên đâm ra nóng lòng muốn gặp ông già để tìm hiểu bí ẩn trong đời ông.

Khi ra khỏi rừng, ông Văn nhìn thấy tận đàng xa căn nhà dựng lưng chừng sườn núi, vách tường bị tuyết đọng thành đồng cao nhất. Ông già đã đào một lối đi nhỏ ra tận rừng cây như thể ông đang chờ đón có khách viếng thăm, ông Văn nghĩ thầm như vậy khi men theo lối ấy đi vào nhà.

Ông khẽ gõ lên cánh cửa, rồi chẳng đợi ai trả lời cứ thế bước vào. Ông già ngồi khom lưng bên lò lửa đang gọt đẽo gỗ, miệng ngậm một cái ống điếu lớn. Con Dê và con Mèo ngồi châu ở hai bên cạnh ông. Ông Văn lặng lẽ đến ngồi ở cái ghế phía bên kia lò lửa.

Vẫn không ngẩng nhìn lên, ông già cất tiếng hỏi, “thế nào cháu Duyên, đi tới nơi được an lành chứ?”

“Tôi đây chứ không phải cậu Duyên”, ông Văn dịu dàng đáp. Giật mình, ông ngẩng phắt lên. Hai người trừng trừng nhìn nhau như thể người nọ tưởng người kia là ma, hay nói cho đúng hơn, là hồn người chết hiện về.

Sau cùng ông Văn nói, “Tôi tới đây để trao trả lại cụ số tiền này. Tôi có thể giúp cậu bé què không cần đòi hỏi tiền nong gì, nếu cái chân của cậu xem chừng có thể chữa được.”

“Thế là thằng nhỏ đã thất hứa với ta rồi”, ông già lẩm bẩm, đoạn dựa cằm lên cây gậy chống, mắt ngó trừng trừng, ngó mãi...

“Nó không thất hứa đâu”, ông Văn đáp. “Nó không nói gì hết mà chỉ bảo tôi rằng số tiền ấy là do một ông già đưa cho nó và dặn nó là để trả một món nợ. Nhưng tôi không bao giờ nhận những số tiền lớn con cái nông dân mà không biết chắc tiền ấy ở đâu ra. Muốn tìm chỗ ở của cụ thật chẳng khó khăn gì, tôi chỉ cần hỏi dò những người khác là biết được ngay”.

Yên lặng kéo dài một lúc thật lâu. Sau cùng, ông già nói: “Ông đến đây chỉ để nói chuyện ấy thôi ư?”, giọng ông già bỗng nhiên nghe mệt mỏi, chán nản và thất vọng một cách lạ thường.

Ông Văn vội vàng đứng ngay dậy, rồi quì xuống trước mặt ông già. “Thôi, chúng ta còn giả bộ với nhau làm chi nữa?” Ông nói. “Con đến xin ba tha tội cho con. Con tới đây là để mời ba về ở với vợ chồng con và các cháu. Chúng con lúc nào cũng nhớ ba và muốn ba về ở nhà.”

Chương 16

Mấy tiếng đồng hồ sau, An đã có mặt ở nhà Duyên. Trùm kín trong mũ và áo choàng len, nó ngồi trên một chiếc ghế đu lớn bằng gỗ, mỉm cười với Duyên lúc ấy đang ngồi trên giường, cầm tựa vào đầu gối. Duyên vẫn hầy còn hơi tái xanh và mệt nhọc, nhưng trong lòng nó cảm thấy dễ chịu và vui sướng.

“Duyên hãy kể hết cho An nghe đi”, An giục, mắt ánh lên một niềm thán phục và kinh ngạc.

“Mọi người đều nói anh thật vô cùng can đảm và gan dạ. Anh phải kể từ lúc bắt đầu và nói rõ cho An nghe lúc ở trên đỉnh đèo anh thấy thế nào.”

Duyên nheo trán. Được gọi là can đảm kể cũng khoái, và nó cũng muốn kể câu chuyện sao cho thật hay, nhưng không hiểu sao nó thấy mọi việc hình như xa vời và khó nói quá – như thể ở trong một giấc mộng vậy. Nó đâu hiểu rằng người nó lúc ấy lạnh cứng và mệt nhoài, khiến trí óc nó đâu còn ghi nhận được rõ ràng mọi việc xảy ra.

“Bắt đầu”, nó kể, “tôi lên trên nhà ông già trên núi để hỏi lấy số tiền, đoạn, lúc trở xuống núi tôi lấy giày trượt tuyết và cứ thế trượt xuống thung lũng, rồi lại leo qua rừng vượt qua sông. Khi tôi lên tới đỉnh núi thì trời gió quá, và lúc vượt qua đỉnh núi xong là tôi đổ dốc ở sườn bên kia.” An nóng nảy ngắt lời, “Đã đành là vậy rồi, nếu không, anh đâu tới được khách sạn bác sĩ Văn – nhưng anh phải kể cho có đầu có đuôi, rõ ràng sáng sủa mới được. Lúc ấy anh cảm thấy thế nào? Có gặp chuyện gì nguy hiểm không? Anh có sợ không? Và trên đỉnh núi ra sao.”

Duyên lặng thinh một lúc. Suốt buổi trưa, nó đã tự hỏi không biết nó có cơ hội nào để kể cho An nghe không, nay cơ hội đã đến mà nó không biết phải bắt đầu ra sao.

Sau cùng nó nói, “Ừ thì tôi xin kể.” Đoạn nó thông thả kể tiếp, trong lúc kể những ngón tay của nó cứ đan vào nhau dưới lớp chăn dày. “Lên tới gần đỉnh núi tôi sợ quá. Tôi đã tính quay về – An có còn nhớ lần nói cho tôi nghe là An đã thù ghét tôi hết sức, nhưng rồi An mời Chúa Giê-xu ngự vào lòng và chính Ngài đã làm cho An đâm thương mến tôi.”

An sốt sắng đáp, “Có chứ! Em vẫn còn nhớ. Sao rồi sao nữa, Duyên.”

Duyên ngượng ngịu tiếp, “Tôi hỏi vậy là bởi vì tôi cũng gặp thấy một việc tương tự lúc tôi lên tới gần đỉnh và sợ quá định quay về. Tôi chợt nhớ cái đoạn mà Nội đã dạy chúng ta rằng sự yêu thương trọn vẹn thì cất bỏ sự sợ hãi nên tôi mới xin Đấng Christ cất bỏ sự sợ hãi hộ tôi, và lập

tức tôi không còn thấy sợ hãi như trước nữa.”

“Thật vậy ư?” An nói với vẻ hết sức chú ý. “Vậy thì An cho rằng Chúa Giê-xu đã ngự vào trong lòng anh cũng như Ngài đã ngự vào trong lòng An vậy. Khi ấy sự sợ hãi trong lòng anh cũng đã phải ra đi vậy. Theo An nghĩ thì tất cả cũng như vậy, Duyên ạ – dù anh sợ hãi hay anh không ưa thích người khác, dù anh lừa dối hay anh không nói sự thật – dù có chuyện gì với anh chẳng nữa thì khi Chúa Giê-xu đã ngự vào lòng ta, sẽ không còn chỗ cho mọi ý nghĩ ấy nữa.”

“An nói đúng”, Duyên đáp một cách suy tư. “Duyên cho rằng An có thể đặt bất cứ chữ nào vào cuối câu gốc ấy – sợ hãi hay ích kỷ, hay nói dối, hay lừa dối, hay cáu kỉnh khó tính – tất cả những thứ đó đều bị tình yêu thương trọn vẹn cất bỏ – và khi Chúa Giê-xu ngự vào trong ta là tình yêu thương trọn vẹn cũng theo vào luôn, có phải vậy không?”

“Phải”, An đáp, “An cũng nghĩ vậy.” Hai đứa cùng ngồi lắt tay chống cằm thì thầm nói chuyện trong bóng tối mờ đục của buổi hoàng hôn đang buông phủ trên nền tuyết trắng. Không đứa nào nói đến việc bật đèn cho sáng, vì chúng thấy nói chuyện trong bóng tối thú vị hơn.

Mãi cho đến lúc An bước đi về nhà dưới, thì bầu trời lốm đốm sao, giữa những dãy núi vây quanh nom giống như những cánh tay khổng lồ đang dang ra, nó mới chợt nhớ rằng tối nay là buổi tối cuối cùng nó ở nhà. Ý nghĩ ấy làm nó thấy đau nhói trong lòng và nước mắt ứa ra, nó vùng chạy về thật nhanh và bước vào không khí ấm cúng của căn phòng trước nhà.

Ông Bình vẫn còn ở bên chuồng bò. Trong nhà chỉ có Nội đang ngồi dính lại một cái khay trên chiếc tạp dề sạch sẽ có kẻ dọc của An. Quần áo của An và Danh đã được gấp lại gọn gàng, gói làm hai gói để sẵn trên bàn. Bé Danh nằm ngủ say trong một góc giường, trên đầu giường có đầy đủ mèo mẹ và đàn mèo con.

“Nội!” An kêu lớn, và chạy vào ôm chầm lấy Nội khóc òa lên.

Nội để yên cho An khóc trong giây lát; đoạn, Nội kéo cái ghế đẩu thấp lại để An ngồi xuống ngã mình vào người Nội trong lúc Nội nói chuyện. Trước hết, Nội nói về cái gia đình mà An sắp đi tới, rồi về công việc mà nó sẽ phải làm. Và niềm vui khi thấy bé Danh được chữa khỏi cái chân đau. Nội nói một cách mạnh dạn và vui vẻ đến nỗi An cũng thấy vui lây; nó đâu biết trong thâm tâm Nội đang buồn rầu, nhủ thầm, “Tối mai, tối mốt và những tối kế tiếp đây, ta không biết làm gì đây khi cái ghế đẩu này ở dưới chân ta, vắng bóng cô bé nhí nhánh, và nơi góc giường kia, vắng bóng chú bé đang say ngủ?”

Trời đã về khuya. Ngày mai mọi người lại phải dậy sớm nên An lấy cuốn Thánh Kinh to dày ở trên kệ xuống như nó vẫn thường làm vào giờ đi ngủ để đọc một đoạn cho Nội nghe.

“Tối nay, chúng ta đọc Cô-rinh-tô thứ nhất, đoạn thứ mười ba”, Nội nói trong khi An đặt cuốn sách để nằm trên đùi Nội, “Đó là một đoạn mà ta muốn cháu ghi nhớ mãi mãi trong suốt thời gian cháu xa nhà.”

Vâng lời Nội, An đọc hết chương sách. Khi nó đọc xong, Nội mới bảo: “Cậu ta muốn cháu mang theo đi và đặc biệt ghi nhớ là câu thứ tư. Cháu hãy đọc lại câu ấy đi, An.”

An đọc lại lần nữa, thông thả và rõ ràng từng chữ.

“Tình yêu thương hay nhịn nhục, tình yêu thương hay nhờn từ, tình yêu thương chẳng ghen tị, chẳng khoe mình, chẳng lên mình kiêu ngạo.”

Hai tay chấp trên quyển Kinh Thánh và nhìn An qua cặp kính lão, Nội nói với nó: “Cháu có kể với ta rằng cháu đã mới Cứu Chúa ngự vào lòng cháu, Ngài đã ngự vào và cũng mang theo vào tình yêu thương của Ngài – thứ tình yêu thương mà chúng ta vừa đọc đó.”

“Cháu hãy còn nhỏ, nhưng nay cháu sắp sửa đi trông nom những trẻ con khác. Không phải lúc nào chúng cũng ngoan ngoãn và tử tế với cháu. Sẽ có nhiều lúc cháu cảm thấy cáu kỉnh, tức giận. Nhưng tình yêu thương của Chúa Giê-xu là nhịn nhục và nhân từ, cháu hãy xin Ngài dùng tình yêu thương của Ngài để đối phó với những ý tưởng đen tối cáu kỉnh nọ, và cháu sẽ thấy những ý tưởng ấy không ở lâu được trong lòng cháu.”

“Cháu sắp đi tới ở một ngôi nhà lớn, và cháu sẽ nhìn thấy những đồ vật sang trọng đẹp đẽ mà cháu không bao giờ có được; đôi khi cháu sẽ cảm thấy bất mãn và ghen tị. Nhưng cháu nên nhớ rằng tình yêu thương của Đấng Christ trong lòng cháu không bao giờ biết ham muốn ghen tị, và nếu lòng cháu chứa đầy tình yêu thương của Ngài thì sẽ không còn chỗ cho sự bất mãn nữa.”

“Cháu sắp đi giúp việc cho một gia đình có trẻ nít. Thường khi cháu sẽ không được mọi người để ý đến lắm đâu. Mà cháu thì cháu lại muốn công việc của cháu được người ta biết tới và lớn tiếng ngợi khen. Nhưng cháu nên nhớ rằng tình yêu thương của Đấng Christ trong lòng cháu không thích phô trương ra ngoài, và không bao giờ muốn được người ngoài chú ý tới. Tình yêu thương của Ngài có thể khiến cháu tiếp tục làm công việc một cách lặng lẽ, tận tâm dù cháu có được để ý tới hay không. Cháu nên nhớ rằng Ngài là Chủ cháu, và cháu làm việc là để vừa lòng Ngài.”

“Cháu hãy giữ cho lòng cháu tràn đầy tình yêu thương của Chúa Giê-xu; cháu hãy đọc và suy nghĩ về tình yêu thương ấy. Và khi những ý tưởng sai lầm tìm đến gõ cửa, cháu đừng có tìm cách tự mình đẩy chúng đi. Hãy xin Cứu Chúa mở cửa cho cháu, và bảo chúng rằng không có chỗ cho chúng trong một tấm lòng tràn đầy tình yêu thương của Ngài, và chúng sẽ phải bỏ đi.” Tay mân mê bím tóc, An gật đầu đáp giọng suy nghĩ, “Cũng giống như bóng tối tan biến đi khi mình để ánh sáng chiếu vào.” Đoạn, nó hôn Nội rồi chạy đến chuồng bò để trò chuyện với ba nó chốc lát trước khi đi ngủ.

Sáng sớm hôm sau, khi thung lũng hãy còn mờ sáng và các đỉnh núi mới mang màu trắng bạc, cả nhà ông Bình đã ngồi xe lừa đi tới nhà ga. Vì sợ lỡ tàu, nên họ tới nhà ga sớm đến nửa tiếng đồng hồ. Mọi người đứng ở sân ga để chờ đợi bác sĩ Văn chừng hai mươi phút sau mới tới. An

xách hành lý đựng trong một cái túi giấy lớn màu xám, tay kia nó siết chặt lấy bàn tay ba nó. Bé Danh đội mũ trùm đầu và mặc áo choàng ấm. Nó có vẻ ngượng ngịu khác thường, cứ nép mãi vào sau những bình sữa lớn xếp ở sân ga. Khi tới giờ từ biệt, nó có bộ sợ sệt và hình như không muốn cho mọi người ôm siết nó. Mãi tới lúc xe lửa đi được một quãng khá xa An mới hiểu tại sao. Khi ấy nó thấy trong áo choàng của em nó có vật gì cục cựa, nó liền hỏi:

“Em giấu vật gì trong áo thế em?”

Mặt bé Danh thốt nhiên ửng đỏ.

“Danh chỉ mang đi có một, thôi mà”, nó ấp úng đáp.

“Một gì?”, An gặng hỏi trong lúc đưa mắt lo lắng nhìn ông Văn. Nhưng ông mãi coi sách nên không chú ý.

Bé Danh cởi một khuy áo ra, nói tiếp, “Chỉ có một con này thôi mà!” Qua kẻ hở của chiếc áo choàng, An nhìn thấy cái đầu và hàng ria của một con mèo con màu trắng. Con mèo thò đầu răng ra một thoáng rồi lại rút vào ngay.

“Chết rồi”, An hoảng hốt kêu, “Mày thật hư, hư quá đi mất thôi! Mày không nhớ là Nội đã dặn không mang mèo đi nhà thương được sao? Bây giờ tao biết làm sao đây?”

Bé Danh lẳng lặng nhìn ra ngoài cửa sổ, không đáp lại một lời. Nó biết lỗi của nó, nhưng không tìm ra được một lời nào để bào chữa. Tuy nhiên, nó vẫn ôm sát con mèo con vào lòng, và con mèo cuộn tròn mình lại, miệng thở khò khò như một đầu máy xe lửa tí hon. Người và vật, cả hai đều không mấy may hối hận về tội lỗi của Danh đã làm.

Chương 17

Khi xe lửa tới thành phố, Danh được đưa thẳng tới bệnh viện, vào trong một căn phòng rộng đông chật những trẻ con cũng què quặt hay khập khiễng như nó. Trông nom đám trẻ con ấy là một cô điều dưỡng nom dáng vẻ hơi mệt nhọc. Danh liếc nhìn đám trẻ và quyết định ngay là phải làm cho chúng vui lên. Nó liền xin chống nạng nhảy những bước dài như con đại thử suốt xuống tận cuối phòng. Bọn trẻ thích quá nên chưa đầy một tiếng đồng hồ, Danh đã thành bạn thân của tất cả mọi đứa. Con mèo con thì được đưa xuống dưới bếp để ở trong một cái rổ và được phép mang lên thăm Danh vào những giờ thăm viếng.

An tới nơi không được vui sướng như bé Danh. Bà Văn tiếp đón nó rất tử tế. Bà ta còn trẻ, đẹp và rất vui tính. Bà dẫn nó lên căn phòng dành cho nó ở sát dưới mái nhà. Khi chỉ còn mình nó trong phòng, An chạy tới cửa sổ nhìn ra ngoài. Nó thấy những căn nhà kế tiếp nhau, đường phố tuyết đọng lầy lội và những mảng trời tối xám thấp trũng. Nó ngó một lúc lâu, đoạn nằm vật xuống giường nức nở khóc, vì nó thấy nhớ những vùng tuyết bao la trắng xóa, những đỉnh núi trắng phau và những mảng trời trong vắt ở nhà.

Chừng một giờ sau, bà Văn lên để xem nó ra sao. Thấy nó trong tình trạng ấy, bà không nói gì cả, len lén bỏ đi. Một lát bà quay trở lại, tay bồng bé Tâm. Bà đặt bé lên giường ngay bên cạnh An. Hành động của bà đã có hiệu quả tức thì. Chỉ năm phút sau, An đã ngồi dậy mỉm cười với bé Tâm lúc ấy đang nằm trong lòng An chân tay vùng vẫy lung tung.

Ở nhà ông Văn, An rất bận việc nhưng cũng sung sướng. Buổi sáng nó giúp đỡ bà Văn trông nom mấy đứa con của ông bà. Buổi trưa nó ngồi làm bạn với bé Danh, còn buổi tối nó học và làm bài. Bọn trẻ không phải lúc nào cũng ngoan ngoãn, dễ bảo và tử tế với nó. Lúc đầu, nhiều khi bà Văn phải can thiệp để giữ cho cửa nhà được yên ổn; nhưng dần đôi khi nó cáu kỉnh và tức giận với bọn trẻ, nó vẫn cố nhớ lại câu gốc của Nội. “Tình yêu thương hay nhịn nhục và nhân từ”, nó thường tự nhủ như vậy mỗi khi thằng Mạc không chịu đi giày hay con Vân đánh đổ mực ra sàn nhà, hoặc thằng Dũng chạy chơi và ngã xuống bùn. Dần dần, tình yêu thương của Chúa Giê-xu trong lòng nó, bắt đầu khiến cho nó biết kiên nhẫn, dịu dàng và bớt ích kỷ, và nó thấy rằng nó có thể nói nhỏ nhẹ và được bình tĩnh đối với bọn trẻ.

Danh ở nhà thương được một tuần thì phải chịu giải phẫu. Nó đi tới phòng giải phẫu một cách tò mò, háo hức và để cho đánh thuốc mê không chút sợ sệt. Nhưng khi nó thức dậy hàng tiếng đồng hồ sau đó, nó lấy làm lạ lòng thấy giường nó nghiêng dốc và ở chân nó có những quả tạ bằng sắt làm nó đau điếng. Vừa đau, vừa sốt, nó thét lên gọi An. Khi cô điều dưỡng bước tới, nó gắt lên vì thấy cô không phải là An – làm như vậy nó thật chẳng biết điều tí nào.

Suốt tuần lễ ấy, bé Danh nằm ngửa trên giường, những quả tạ sắt đeo ở chân lủng lẳng. Nó vừa sốt vừa đau. An ngày nào cũng tới thăm em. Nó đọc và kể cho bé Danh nghe những chuyện về những chiếc thuyền buồm màu trắng ở trên mặt hồ bên ngoài những cánh cửa kiếng rộng lớn. Nó cố làm cho bé Danh quên chỗ chân đau. Nhưng vẫn không tránh khỏi, đó là một tuần lễ buồn thảm. Mây xám buông rủ trên mặt hồ u ám, bé Danh trần trọc, đau đớn. Nó cố tỏ ra can đảm, nhưng không sao can đảm được.

Trong những ngày dài đằng đẵng ấy, chỉ có một vật đã đem lại an ủi cho bé Danh. Đó là một bức tranh treo ở trên tường đối diện nó. Bên dưới bức tranh có một hàng chữ mà Danh không đọc được. Khi nào nó ngán đau, ngán nghe kể chuyện, ngán mặt hồ màu xám và ngán cả những đứa trẻ con khác, nó lại nhìn vào bức tranh ấy, vì nó không bao giờ ngán tranh ấy cả.

Đó là một bức tranh vẽ Chúa Giê-xu ngồi giữa một cánh đồng đầy hoa, các trẻ con trên thế giới đứng xúm xít chung quanh đang ngẩng lên nhìn mặt Ngài. Trên thảm cỏ dưới chân Ngài là một cậu bé da đen, và trên đầu gối Ngài là một em nhỏ người Ấn Độ. Tay Ngài quàng một cô bé mặt chiếc áo dài xanh, còn các trẻ em Trung Hoa và vùng Nam Hải đang xúm xít quanh Ngài. Khoảng một tuần lễ sau cuộc giải phẫu, bé Danh và An nói chuyện thực sự về bức tranh đó. Hôm ấy trời hazy còn u ám, mây đục buông thấp trên hồ, và hoàng hôn đến sớm. Đèn trong bệnh viện thấp sáng, hầu hết các trẻ em đều đã ngủ say, nhưng An vẫn ngồi bên bé Danh. Trong mấy đêm vừa qua An đã ở lại khuya với bé Danh vì không có nó là Danh không chịu nằm yên. Lúc này Danh nằm trong giường, hai cánh tay vòng trên đầu đè lên gối. Tóc nó xõa ra đằng sau và đôi mắt xanh của nó sáng ngời. Nó mệt, mệt lắm và muốn đi ngủ lắm, nhưng chỗ chân đau làm nó không ngủ được. Nó xoay đầu nhìn vào bức tranh có hàng chữ bên dưới.

“Hàng chữ viết gì vậy, chị?” thành linh nó hỏi.

An nhìn vào bức tranh đáp, “Hàng chữ viết, Hãy để con trẻ đến cùng Ta, đừng cấm chúng nó.”

“Em biết chuyện ấy rồi.”, Bé Danh mệt nhọc nói tiếp. “Nội đã kể cho em nghe rồi. Có phải những đứa bé kia là ở trong Kinh Thánh không? Sao chúng ăn mặc quần áo buồn cười thế, chị?”

“Phải”, An đáp, “nhưng chúng không phải là trẻ em trong Kinh Thánh đâu. Chúng là trẻ em ở khắp mọi nơi trên thế giới – ở Ấn Độ, ở Phi Châu, còn cô gái nhỏ kia chắc là người Thụy Sĩ.”

“Tại sao vậy?” Danh hỏi.

“Chị chắc, là để chứng tỏ rằng tất cả trẻ em đều có thể đến với Chúa Giê-xu, chứ không phải chỉ có trẻ em trong Kinh Thánh đâu.”

“Hừ, thật khó giải thích quá! Theo chị, em chỉ cần nói em muốn đến, thế là em sẽ có ở đấy. Chị đoán, Chúa Giê-xu sẽ bồng ẵm em lên, như là đối với các trẻ em trong Kinh Thánh vậy, dầu rằng em không nhìn thấy được Ngài.”

“Ô”, Danh nói, “Em hiểu rồi – chị An ơi, chân em đau quá. Ước gì em ngủ được một giấc.”

Nó bật lên khóc và giơ tay quờ quạng. An đỡ nó lên, cho nó uống nước. Uống xong, nó lại nằm ngã xuống, thở dài mệt nhọc.

“Chị hát cho em nghe đi”, nó bảo An. An hát khẽ vì mắc cỡ sợ cô điều dưỡng nghe thấy.

“Ô xin bàn tay Cha

Ban phước cho con trong giấc ngủ.”

Trong khi An hát, An nhắm mắt lại.

Nhưng trong mấy giây đồng hồ trôi qua giữa lúc trong tình trạng nửa thức, nửa ngủ, bé Danh tưởng chừng nó lại nhìn thấy bức tranh; nhưng cô bé Ấn Độ không còn ở đấy nữa, mà ngồi ở chỗ cô ta lại là một cậu bé mình thon gầy, mặt rám nắng – và ở dưới chân cậu ta là một cặp nạng có chạm khắc hình đầu gấu.

“Mình đầy rồi”, bé Danh nói thầm trong đầu – rồi nó ngủ thiếp đi trong niềm hân hoan vui sướng.

Trong lúc nó ngủ, có nhiều việc xảy ra. Trước hết, bác sĩ Văn tới nơi và lấy bỏ đi một quả tạ đeo ở chân nó; kế đấy, cơn sốt của nó chấm dứt, rồi đến một làn gió nam ấm áp thổi qua miền đất đánh tan những đám mây che phủ bầu trời.

Danh ngủ một giấc thật dài. Lúc thức dậy, nó tưởng chừng như nó đã đi vào một thế giới mới, nó nằm yên nghĩ ngợi thật lâu. Nó cảm thấy trong người mát mẻ dễ chịu, chân nó không còn đau nữa. Những cánh cửa kiếng lớn đã mở toang. Qua khung cửa, lần đầu tiên nó nhìn thấy làn nước xanh óng ánh, những dãy núi xanh lam mờ sương ở phía bên kia hồ, và một bầu trời quang đặng nhờ những cơn gió thổi từ hướng nam về. Một ít mảng mây trắng – những mảnh mây rất nhỏ – trôi nổi đó đây; chúng nhắc Danh nhớ đến những con dê con đang chạy tán loạn ngoài đồng trong lúc tuyết đã tan chảy và hoa cải bắt đầu đâm chồi nẩy lá.

Bé Danh hít mạnh làn không khí mát ngọt và tự nhủ thầm, “Mình sắp khỏi, mình sắp khỏi.”

Trong không khí nó ngửi mùi vị đất ẩm và mưa ẩm. Nó nhắm mắt lại và chột vui mừng nhận ra là mùa Xuân đang trở về. Trong lúc nó nằm hít hương Xuân, nó nghe thấy một tiếng chim hót – tiếng hót thật to như thể con chim ấy là vị sứ giả chính thức đi báo sự thức dậy của vũ trụ.

“Mùa Xuân đã về, về, về, về!” Tiếng chim hót, “Bạn sẽ mạnh, mạnh mạnh, mạnh!”

Cửa mở, An bước vào. Hơi gió làm cho nó ấm áp và hồng hào. Nó thường tạt qua sau bữa điểm tâm để xem em nó ra sao.

“Trời đẹp không, Danh?” An kêu. “Em hãy nhìn ra hồ, trông dãy núi ở bên kia hồ và những con thuyền nhỏ!”

Danh trịnh trọng quay đầu về phía An.

“Chị An à, đôi nạng có đầu gấu của em đâu rồi?”

“Ở sau cái tủ kia kìa. Để làm gì?”

“Hừ, chị thấy đứa bé nằm ở góc kia chứ? Có lẽ nó thích cặp nạng của em lắm đấy – Chị hãy cho nó đi.”

“Nhưng em cũng thích cặp nạng của em lắm kìa mà?”

“Đã đành, nhưng em sẽ không cần dùng đến chúng nữa. Em sắp khỏi rồi, sắp chạy nhảy được như thường rồi.”

Bé Danh đã nói đúng. Nó không bao giờ cần dùng đến cặp nạng của nó nữa. Nó sắp khỏi hẳn rồi.

Chương 18

Tuần lại tuần, trôi qua dưới thung lũng, cũng như trên miền núi. Tuyết đã bắt đầu tan chảy và những giòng suối nhỏ đầy ứ nước đã trở thành những giòng thác lũ. Ở các cánh đồng dọc theo bờ sông, hoa cỏ đã bắt đầu mọc lên. Bò và dê bị giam hãm trong chuồng đã bắt đầu giậm chân đòi được thả ra ngoài. Từng trận gió nam thổi ngược thung lũng và trong rừng thông, nhựa sáp dâng lên tiết ra mùi thơm ngọt dịu, Mùa Xuân đã trở về trên miền núi.

Nội bận rộn lo việc cọ rửa và dọn dẹp nhà cửa trong dịp Xuân về. Ông Bình thì bận rộn vì đàn bò mới đẻ. Như vậy cũng là một điều hay, vì khi bận việc, họ không thấy nhớ con cháu cho lắm, dẫu rằng mỗi con bê no nót mũi đỏ hồng lại nhắc ông Bình nhớ đến bé Danh. Nội thì mỗi ngày một thêm già, mắt mỗi ngày một thêm kém. Nhiều lúc đang cọ rửa đồ đạc, Nội bỗng ngồi sụp xuống, rồi trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê, Nội thường tưởng tượng như nghe thấy tiếng khập khiễng chân giày chân nặng leo lên bậc thềm và giọng trong trẻo vui vẻ của một đứa bé đang ca hát. Nhưng lúc Nội tỉnh dậy thì chỉ thấy cảnh vắng lặng trong nhà, và những lúc ấy, Nội thường tự hỏi không biết bao lâu nữa An và bé Danh mới trở về nhà.

Duyên cũng nhớ An lắm và bé Danh nữa. Nó ở cao tít trên núi, xa cách mọi đứa trẻ khác và mỗi khi một mình đi trở về nhà, nó thường ao ước có An đi bên cạnh... Nhưng ở trường nó không còn bị cô độc, khổ sở nữa. Do lần nó mạo hiểm vượt qua đèo, nó đã chứng tỏ lòng hối hận của nó nên nó đã được các học sinh trong trường chấp thuận cho gia nhập trở lại hàng ngũ của chúng.

Chính Duyên cũng đã đổi khác. Kể từ cái đêm nó mời Cứu Chúa ngự vào lòng, nó đã biết rằng tất phải có sự thay đổi. Tính dễ cáu kỉnh, tính lười biếng và lòng bất mãn không thể nào tồn tại trong một tấm lòng đã biết mở ra để đón nhận tình yêu thương của Chúa Giê-xu. Dần dần, Duyên nhận ra rằng chừng nào nó còn cầu nguyện, và đọc Kinh Thánh mỗi ngày để giữ cho nó gần bên Chúa, tình yêu thương vẫn mạnh hơn là tính dễ cáu kỉnh và tính lười biếng, và nay nó có thể giữ được bình tĩnh khi bị trêu chọc và nó không còn nề hà khi phải làm những công việc không vừa ý.

Khi không có buổi học, nó thường chạy sang nhà Nội để giúp Nội lau rửa nhà cửa, đồ đạc. Một già một trẻ trở thành thân thiết – quả thật, không có nó, mình Nội không biết xoay trở làm sao; nó giúp Nội chẻ củi, đi mua sắm, và đem thư từ làng về. Đây là công việc nó thích hơn hết, vì những thư này thường là do An viết về, và Nội vẫn bảo nó đọc lớn lên cho Nội cùng nghe. Thỉnh

thoảng cũng có một bức vẽ của bé Danh nữa. Nội cất bức vẽ cẩn thận ở phía rằng bìa trước quyển Kinh Thánh và thường hay bày ra ở mặt bàn để ngắm nghía. Vào cuối tháng hai, Nội đã có một tập tranh mang những tựa đề “Danh trên giường” – “Danh không ở trên giường” – “Danh đuổi theo đàn dê” – “Danh uống thuốc” – “Danh và cô điều dưỡng” – “Danh và chị An” – “Danh và con mèo Bạch Tuyết”. Nội thấy bức vẽ nào cũng đẹp cả, tuy trong bức cuối cùng, Nội và Duyên phải hơi chút khó khăn mới nhận ra được ai là “Danh” và ai là “mèo Bạch Tuyết”. Lúc này đòi Duyên gặp phải một nỗi buồn khác nữa. Ông già trên núi rất thân thiết với nó nay phải rời bỏ núi để về ở bên bờ hồ với con trai ông là bác sĩ Văn. Việc này đã được thu xếp ngay buổi trưa hôm ấy khi hai cha con lần đầu nhận ra nhau.

Ông già đi vào đầu tháng ba. Cái ngày trước khi ông khởi hành, Duyên băng rừng tìm lên nhà ông để giúp ông sửa soạn hành lý. Ông đã đem gửi con dê, con mèo và đàn gà mái, ông cũng đã đem bán gần hết những hình tượng nhỏ ông đã đeo khắc. Nhưng ông không bán căn nhà, ông chỉ đóng cửa để đẩy chờ đợi khi ông quay về.

Ông nói với Duyên: “Ta sẽ trở về luôn luôn. Ta không thể nào rời bỏ miền núi lâu được. Ta sẽ chỉ xuống ở dưới ấy ít lâu, rồi khi ra nghe thấy tiếng gọi của rừng núi, ta sẽ quay trở về để nghỉ ngơi ít ngày.”

Ông đắm chiêu nhìn ra ngoài thung lũng bao la, rồi lại liếc nhìn những ngăn kệ trống trong lều. “Ta sẽ mang đi mấy món đồ gỗ khắc cho các cháu ta”, ông nói. “Có lẽ chúng vui thích lắm. Nhưng có một món ta giữ lại cho cháu, Duyên ạ. Ta tình cờ bắt gặp món đồ gỗ khắc tối hôm nọ. Đây là một món mà ta nghĩ ta không thể lìa xa được, nhưng ta muốn dành lại cho cháu nên cháu giữ gìn nó cẩn thận.”

Duyên háo hức ngẩng lên nhìn và đáp: “Cháu cũng muốn có một cái lắm. Vì nó sẽ nhắc cháu nhớ đến ông. Ngoài ra, cháu cũng muốn dùng nó làm mẫu để bắt chước.”

Ông già đi về phía tủ lấy ra món quà tặng mà ông đã để dành cho Duyên. Ông trao cho nó món quà và chăm chú ngắm nó trong lúc Duyên vân vân ngắm nghía món quà.

Thoạt nhìn, món quà nom có vẻ tầm thường. Đó là một cây thập tự làm bằng hai mảnh gỗ thô sơ, nhưng cái sà ngang được cột vào cái cột dọc bằng những sợi dây thừng chạm trổ có từng khắc rất công phu, khéo léo. Duyên mân mê tác phẩm thủ công tuyệt hảo ấy một cách tôn kính, đoạn nó ngẩng lên nhìn ông già: “Đẹp quá! Cháu không hiểu ông làm thế nào mà chạm khắc được những sợi dây thừng ấy mà không làm sứt mẻ gỗ.” Rồi nó ngượng ngịu nói tiếp, “Có phải đây là cây thập tự mà Chúa Giê-xu bị đóng đinh lên không?”

Ông già gật đầu đáp: “Phải! Ta chạm khắc cây Thập tự đó vào cái đêm chủ ta qua đời – cái đêm người nói với ta về tình yêu thương và bác ái của Thượng Đế – cái đêm ta tin là ta có thể được tha thứ. Có một lần hai ông cháu ta đã nói chuyện về tình yêu thương – Thập tự giá chính là cái

chỗ chúng ta thấy tình yêu thương được thể hiện trọn vẹn”

Duyên lại ngẩng nhìn lên rất nhanh.

“Tình yêu thương trọn vẹn!”, nó lập lại, “Đó chính là điều đã nói đến trong câu gốc của Nội. Đó chính là điều cháu và An đã nói chuyện với nhau vào cái đêm trước khi An đi xuống thành phố bên hồ.

“Phải!”, ông già gật đầu đáp. “Rồi đây cháu sẽ còn được nghe nói đến nhiều. Tình yêu thương trọn vẹn có nghĩa là tình yêu thương cứ tiếp tục hành động mãi cho đến khi không còn gì để hành động nữa, và cứ tiếp tục hành động chịu đựng cho đến khi không còn chịu đựng được nữa. Chính vì thế mà khi Chúa Giê-xu Christ bị treo trên Thập tự giá, Ngài nói: “Mọi sự đã hoàn tất!” Không một tội lỗi nào còn lại mà không thể được tha thứ, không một tội nhân nào không thể được cứu chuộc, bởi vì Ngài đã chết. Ngài đã yêu thương một cách trọn vẹn.”

Ông già hình như đã quên hẳn Duyên và đang nói thao thao một mình. nhưng Duyên vẫn chăm nghe. Khi ông nói xong, nó chào ông và hứa sáng hôm sau sẽ lên sớm để mang hành lý của ông ra nhà ga trên đường nó đi đến trường học. Đoạn nó chạy về nhà trong lúc hoàng hôn của mùa xuân đang buông xuống, gió ấm mùa xuân thổi qua rừng và tiếng tuyết rơi nhỏ giọt từ trên cành xuống dưới đất. Nó chạy vội về nhà vì nó muốn viết thư cho An để nhờ ông già mang đi hộ vào sáng hôm sau. Nhưng việc đầu tiên trước khi nó làm lúc về tới nhà, là đem treo cây Thập tự cẩn thận lên đầu giường chỗ nó nằm rồi mới chạy xuống nhà bếp để kiểm giấy bút. Trong nhà bếp là cả một cảnh bừa bộn. Má nó đang bận ở chuồng bò nên không có thì giờ rửa nồi chảo và đổ nước dơ. Duyên thường vẫn giúp má nó. Nhưng tối nay nó vội. Nếu nó lên vào phòng ngủ thì nó có thể ngồi viết bình yên. Má nó lát nữa sẽ dọn dẹp nhà bếp và sẽ không biết nó vào đây.

Nó lên vội ra khỏi nhà bếp. Lên tới phòng ngủ nó nằm bò ra sàn gác bên cạnh giường nằm. Nó vừa mới bắt đầu viết thì tình cờ ngó lên, nó nhìn thấy cây Thập tự giá chạm khắc nó treo trên tường.

Nó ngó cây Thập tự một lúc khá lâu, óc suy nghĩ rất nhiều – ông già nói gì với nó? – À! “Tình yêu thương trọn vẹn” – lạ thật, sao nó cứ nghe thấy mấy tiếng này mãi – “Tình yêu thương trọn vẹn cứ tiếp tục hành động mãi mãi cho đến khi không còn gì để hành động nữa.”

Nó còn nhỏ, nhưng cũng muốn làm như Cứu Chúa và yêu thương trọn vẹn như Ngài. Nó nghĩ đến đồng nồi chảo dơ còn để trong nhà bếp chờ người đến rửa.

Tự nhiên nó thấy nóng bừng mặt. Nó liền chậm chạp đứng lên. Chừng nửa giờ sau, khi má nó bước vào nhà bếp, bà thấy trong đó sạch sẽ ngăn nắp, và ngồi ở bàn là một cậu Duyên lòng vui vẻ, thanh thoi đang cầm cúi viết.

Sáng sớm hôm sau, khi rừng hầy còn đầy bóng tối âm u, Duyên đã lên nhà ông già trên núi. Một

già một trẻ cùng nhau xuống núi, bỏ lại ngôi nhà trọ trọ ở đó chờ đợi ngày ông già trở về. Khi họ đi tới bìa rừng, sương muối bắt đầu tan trong thung lũng, gà cất tiếng gáy và mặt trời đã chiếu vào tới đỉnh núi cao.

Khi tàu khởi hành, ông nhắc Duyên, “Khi hoa dại bắt đầu nở, ta sẽ trở về. Cháu viết thơ nói cho ta biết lúc nào chúng nở trong thung lũng. Như vậy ta sẽ có thừa thì giờ để trở về trước khi chúng nở ở trên núi. Nhớ nhé, Duyên!”

Câu trả lời của Duyên bị tiếng ầm ầm của xe lửa nhận chìm. Con tàu lắc lư đi xa rồi khuất dạng sau khúc quanh của ngọn đồi.

Sau ngày ấy, không bao lâu Duyên ra nhà bưu điện nhận bức thư gửi về cho Nội. Nó liền chạy vội lên đồi để trao cho Nội, vì nó biết thư ấy là của An. Vừa trèo lên bậc hàng hiên nó vừa reo lớn tin mừng. Nội ở trong nhà vội đi ra ngoài.

“Đọc thơ cho bà nghe đi cháu”, Nội nói rồi ngồi ngay xuống chỗ ánh nắng, hai tay khoanh lại, mắt nhắm để nghe cho rõ hơn.

Thư viết rất ngắn. Duyên chỉ đọc một hơi là hết.

“Thưa ba và Nội”, thư viết, “Bé Danh và con ngày mai sẽ trở về nhà. Bé Danh đã khởi hân rồi. Chúng con nhớ nhà quá. Danh bảo cho đem con Mướp ra ngoài ga đón nó.” Dưới ký tên An. Ngoài ra còn có mấy chữ của bà Văn cho biết đúng giờ nào xe lửa tới nơi, và một tuyệt tác phẩm của bé Danh tựa đề “Danh ngồi xe lửa về nhà.”

Nội khóc mất mười phút, tiếng khóc run run yếu ớt của một bà lão già – nhưng Nội chùi ngay nước mắt và cố gắng tỏ ra một bà lão khỏe mạnh, vì còn có nhiều việc phải làm lắm.

Nội đồng dục bảo Duyên: “Cháu hãy ra ngoài chuồng bò đưa thư này cho ông Bình, đoạn trở lại đây ngay để giúp ta một tay. Còn có bao nhiêu việc phải làm – nào giữ giường chiếu, phơi chăn gối, nào làm bánh, đánh bóng bàn ghế. Chúng ta phải làm sao cho cửa nhà sạch sẽ thơm tho cho hai đứa nó mừng.”

Khi nhận được tin, ông Bình thốt lên, “Thế à?” rồi giơ tay gãi đầu. Lần đầu tiên trong đời, ông đánh đổ thùng sữa, rồi liền ngay sau đó ông bỏ đi vào rừng cho mãi đến một lúc lâu sau ông mới trở về.

Sáng hôm sau trời thật là trong đẹp, hôm ấy lại không có buổi học, Duyên thức dậy vào lúc tảng sáng. Nó ra ngoài sườn đồi hái hoa đem cắm vào một cái lọ để trên mặt bàn ngoài hàng hiên, đoạn khởi hành đi ra nhà ga. Nó đi thong thả vì hãy còn sớm, và vì nó có nhiều điều phải suy nghĩ. Nội, ông Bình và con Mướp đã ra đi trong chiếc xe lửa.

Chắc hẳn chưa bao giờ có một sáng Xuân đẹp như sáng nay! Đồng cỏ, hôm nào hoang tàn vàng úa nay bày ra một cảnh xanh tươi lốm đốm những bông hoa đủ màu sắc. Trong không gian vang lên tiếng lục lạc đeo ở cổ những con bò vừa mới được thả ra khỏi chuồng sau những ngày

đông bị giam hãm. Bầy dê con chạy nhảy tung tăng ngoài đồng trong khi chim sáo hót vang trong vườn cây. Rừng thông thơm sực nức mùi nhựa hắc, và những đỉnh núi trắng phau chói thẳng lên nền trời xanh biếc làm lóa mắt những ai dám ngó nhìn.

Một cụm hoa núi nhắc Duyên nhớ đến ngày này năm ngoái lúc Danh bị té xuống đường khe. Thật là một ngày đen tối! Chỉ thoát nhớ đến ngày đó thôi cũng đủ khiến cho nó thấy buồn bã trong lòng: chính vì lỗi tại nó mà An và bé Danh mới phải đi xa nhà. Mà có lẽ chúng nó cũng không vui thích khi thấy mặt Duyên. An có viết rằng bé Danh đã khỏi hẳn, nhưng Duyên thấy khó mà tin được.

Duyên tới nhà ga với một tấm lòng hồi hộp không vui. Nó đứng tách ra một chỗ, hai tay bỏ trong túi quần, vì nó bỗng cảm thấy sợ sệt phải gặp An và Danh. Nó ước gì nó đừng có đến đây. Sân ga đông chật người. Ông Bình cứ nhìn đăm đăm về phía cuối thung lũng để chờ đợi xe lửa hiện ra. Nội thì ôm chặt lấy con Mướp như chỉ sợ con vật sắp nhảy chồm xuống dưới đất để một mình chạy đi đón xe lửa.

“Tàu đến kia rồi!” ông Bình nói, trong lúc mọi người chen nhau tiến về phía trước; trừ có Duyên vì lúc ấy nó đang cảm thấy ngượng nghịu hơn bao giờ hết.

Tàu tiến vào sân ga. An và bé Danh đứng ở cửa sổ đang nóng ruột chờ đợi được ra khỏi toa tàu. Danh liếc nhìn những khuôn mặt thân yêu đang chen sát vào nhau để chào đón nó. Nó nhận thấy Duyên đang đứng tách rời một chỗ nên băn khoăn tự hỏi làm sao. Lòng trẻ hồn nhiên độ lượng thúc giục nó phải tụ họp mọi người quây quần chung quanh nó. Nó liền nhảy xuống bậc toa tàu, rẽ đám đông chạy thẳng về phía Duyên.

“Anh Duyên à, coi nè!” nó reo, “em đi được rồi nè! Cái ông bác sĩ của anh ấy đã chữa được cho em khỏi. Giờ em có thể chạy như thường được rồi nè. Coi nè! Nội! Coi nè, ba! Coi nè, Mướp! Đây là con của mi nè! Có phải nó lớn lắm rồi không Nội? Lớn gần bằng con Mướp rồi!” Con Mướp và con mèo hằm hè nhìn nhau, rồi xông vào cắn nhau dữ dội. Nội và Danh phải cố lắm mới gỡ được hai con ra. Mọi người chung quanh cười rộ. Con tàu lại phình phình lăn bánh. An níu chặt lấy ba nó như thể nó không bao giờ muốn lại rời xa ông nữa.

Chỉ có Duyên là quay mặt đi vì nó thấy nước mắt dâng lên. Nó đã được vinh dự hơn hết thấy mọi người – tội lỗi của nó đã được tha thứ và quên lãng mãi mãi – bé Danh từ nay có thể đi được như thường rồi.

Trong lúc quay đi, nó nhận thấy hoa đã chớm nở trên ngọn cây hạnh nhân trồng ở sân ga. Vừa mới hôm qua, cây này chỉ còn cành trơ trụi, nhưng mùa xuân đã trở về mang theo một nguồn sinh lực mới, và trên những cành trơ trụi kia nay đã lốm đốm hoa hồng.

Mùa đông đã qua. Hoa đã lại nở trên trái đất, và chim chót ca hát tung bừng để chào đón một mùa Xuân mới.

-- Hết --

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>